

**CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ  
CỦA ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC**

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước  
- Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội

Công ty: Công ty Cổ phần Sài Gòn Hòa xa

Trụ sở chính: 275C Phạm Ngũ Lão, P. Phạm Ngũ Lão, Q.1, TP. Hồ Chí Minh

Điện thoại: 028.38377660 Fax: 028.38369031

Người thực hiện công bố thông tin: Bà Tăng Thị Minh Tân

Địa chỉ: 275C Phạm Ngũ Lão, P. Phạm Ngũ Lão, Q.1, TP. Hồ Chí Minh

Điện thoại: 0903707095, 028.38213465 Fax: 08.38369031

Loại thông tin công bố:  24h  72h  Yêu cầu  Bất thường  Định kỳ

Nội dung thông tin công bố:

*Công ty CP Sài Gòn Hòa xa họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2018 như sau:*

- Thời gian: 08h30' ngày 27/4/2018;
- Địa điểm: Khách sạn Liberty Sài Gòn Parkview, 265 Phạm Ngũ Lão, P. Phạm Ngũ Lão, Q.1, TP. Hồ Chí Minh;
- Nội dung (dự kiến): Thông qua Quy chế nội bộ về quản trị; sửa đổi bổ sung Điều lệ theo Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 và Thông tư 95/2017/TT-BTC, Báo cáo hoạt động SXKD năm 2017; kế hoạch năm 2018; Báo cáo hoạt động của HĐQT; Báo cáo hoạt động của BKS; BCTC năm 2017 đã kiểm toán; phân phối lợi nhuận năm 2017; phương án tiền lương, thù lao của HĐQT và BKS năm 2018; phê chuẩn công ty kiểm toán thực hiện kiểm toán BCTC 2018;
- Tài liệu họp: Được gửi tới từng cổ đông và được đăng tải trên website Công ty tại địa chỉ: <http://www.saigonhoaxa.com.vn/?/investors.html>.

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Ngày 14 tháng 4 năm 2018

Người thực hiện công bố thông tin



**Thành viên HĐQT  
TĂNG THỊ MINH TÂN**



## CÔNG TY CỔ PHẦN SÀI GÒN HÒA XA

275C Phạm Ngũ Lão, Q.1, TP. Hồ Chí Minh

Số ĐKKD: 0300481625 do Sở KH&ĐT TP.HCM cấp ngày 04/01/2005

Website: <http://www.saigonhoaxa.com.vn>

# THÔNG BÁO MỜI HỌP

Công ty Cổ phần Sài Gòn Hòa xa trân trọng kính mời:

Quý cổ đông:

Địa chỉ:

Điện thoại:

Số CMND/Thẻ căn cước công dân (CCCD)/Hộ chiếu/GĐKDN:

Mã số biểu quyết:

Số lượng cổ phần sở hữu:

đến tham dự họp:

## ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2018 CÔNG TY CỔ PHẦN SÀI GÒN HÒA XA

Thời gian: **8h30, thứ sáu (cả ngày), ngày 27 tháng 4 năm 2018**

Địa điểm: **Khách sạn Liberty SaiGon ParkView, 265 Phạm Ngũ Lão, P. Phạm Ngũ Lão, Q.1, TP. Hồ Chí Minh**

Rất hân hạnh được đón tiếp Quý cổ đông.

Trân trọng kính mời!

TP. Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 4 năm 2018

**CÔNG TY CỔ PHẦN SÀI GÒN HÒA XA**  
**CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**



**TRẦN THIÊN KIM**

### Ghi chú:

\* **Chương trình và tài liệu Đại hội:** Được gửi kèm và đăng tải trên website Công ty tại địa chỉ: <http://www.saigonhoaxa.com.vn/?/investors.html> từ ngày 14/4/2018.

\* **Ủy quyền tham dự:** Quý cổ đông không tham dự trực tiếp có thể ủy quyền cho người khác dự họp, theo mẫu Giấy ủy quyền gửi kèm.

\* **Tham dự Đại hội:** Quý cổ đông/Người được ủy quyền vui lòng có mặt trước giờ khai mạc 30 phút để làm thủ tục đăng ký tham dự, mang theo tất cả Tài liệu Đại hội đã được gửi kèm Thông báo mời họp.

Thủ tục đăng ký tham dự: Đối với cổ đông, khi tham dự họp **vui lòng mang theo Thông báo mời họp, CMND/CCCD/Hộ chiếu (bản chính)**; đối với trường hợp được ủy quyền, người được ủy quyền khi tham dự vui lòng mang theo **Giấy ủy quyền (bản chính), Thông báo mời họp của người ủy quyền và CMND/CCCD/Hộ chiếu (bản chính)** của người nhận ủy quyền.

\* Cổ đông nếu không tham dự trực tiếp hoặc ủy quyền cho người khác tham dự Đại hội có thể gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp bằng cách gửi thư cho Trưởng Ban tổ chức Đại hội (bà Tăng Thị Minh Tân) theo địa chỉ: 275C Phạm Ngũ Lão, P. Phạm Ngũ Lão, Q.1, TP. Hồ Chí Minh.

\* Các ý kiến cho Chương trình nghị sự của Đại hội (nếu có) đề nghị Quý cổ đông/ Người được ủy quyền gửi về Trưởng Ban tổ chức Đại hội (bà Tăng Thị Minh Tân) theo địa chỉ: 275C Phạm Ngũ Lão, P. Phạm Ngũ Lão, Q.1, TP. Hồ Chí Minh hoặc fax số 84-8-3836 903, chậm nhất 03 ngày làm việc trước ngày khai mạc Đại hội.



## CÔNG TY CỔ PHẦN SÀI GÒN HỎA XA

275C Phạm Ngũ Lão, Q.1, TP. Hồ Chí Minh

Số ĐKKD: 0300481625 do Sở KH&ĐT TP.HCM cấp ngày 04/01/2005

Website: <http://www.saigonhoaxa.com.vn>

### CHƯƠNG TRÌNH NGHỊ SỰ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2018 CÔNG TY CỔ PHẦN SÀI GÒN HỎA XA

Thời gian: 8h30 thứ sáu (cả ngày), ngày 27 tháng 4 năm 2018.

Địa điểm : Khách sạn Liberty SaiGon Parkview, 265 Phạm Ngũ Lão, Q.1, TP.Hồ Chí Minh

| Thời gian     | Nội dung  |
|---------------|---|
| 8.00-8:30     | Đăng ký danh sách cổ đông (CĐ)  |
| 8:30 – 8:40   | Diễn văn khai mạc Đại hội<br>Báo cáo kiểm tra tư cách CĐ<br>Giới thiệu Chủ tọa  |
| 8:40 – 9:30   | Chỉ định Thư ký<br>Đề nghị thông qua Ban kiểm phiếu<br>Đề nghị thông qua Chương trình nghị sự<br>Đề nghị thông qua Quy chế làm việc tại Đại hội   |
| 9:30 – 10:15  | Tờ trình đề nghị thông qua Quy chế nội bộ về quản trị công ty.<br>Tờ trình sửa đổi, bổ sung Điều lệ<br>Thảo luận, biểu quyết thông qua Quy chế nội bộ về quản trị công ty, Điều lệ  |
| 10:15 – 10:35 | Báo cáo hoạt động sản xuất kinh doanh (SXKD) năm 2017, Báo cáo hoạt động của HĐQT, Kế hoạch năm 2018  |
| 10:35 – 10:45 | Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát (BKS)   |
| 10:45 – 11:00 | Thông báo về danh sách người có liên quan và lợi ích liên quan của Công ty  |
| 11:00 – 11:45 | Nghỉ giải lao   |
| 11:45- 12:05  | Báo cáo tài chính năm 2017 đã kiểm toán   |
| 12:05 – 12:20 | <b>Tờ trình của các nội dung sau:</b><br>Báo cáo kết quả hoạt động SXKD năm 2017<br>Báo cáo hoạt động của HĐQT<br>Kế hoạch năm 2018<br>Báo cáo hoạt động của BKS<br>Báo cáo tài chính năm 2017 đã kiểm toán<br>Phân phối lợi nhuận năm 2017<br>Lương, thù lao của HĐQT và BKS<br>Phê chuẩn công ty kiểm toán cho năm tài chính 2018 |
| 12:20 – 12:50 | Thảo luận và biểu quyết thông qua các Tờ trình  |
| 12:50 – 13:05 | Nghỉ giải lao   |
| 13:05 – 13:20 | Công bố kết quả biểu quyết  |
| 13:20 – 13:35 | Trình bày Nghị quyết ĐHĐCĐ và biểu quyết thông qua  |
| 13:35 – 14:35 | Trình bày Biên bản cuộc họp và biểu quyết thông qua   |
| 14:35 – 14:40 | Bế mạc  |



**GIẤY ỦY QUYỀN**

Về việc tham dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018  
của Công ty Cổ phần Sài Gòn Hòa xa (Công ty)

**Kính gửi:** CÔNG TY CỔ PHẦN SÀI GÒN HÒA XA

**1. Người ủy quyền (Tên tổ chức/cá nhân):**.....

Số CMND/CCCD/ĐKKD: ..... cấp ngày: ..... Nơi cấp: .....

Địa chỉ: .....

Điện thoại: .....

Tổng số cổ phần sở hữu (mệnh giá 10.000 đ/1 CP): .....

(Bằng chữ: .....) )

**2. Người nhận ủy quyền:**

2.1. Ủy quyền cho ông/bà: .....

Số CMND/CCCD/Hộ chiếu: ..... cấp ngày: ..... Nơi cấp: .....

Địa chỉ: .....

Điện thoại: .....

Số cổ phần được ủy quyền: .....

(Bằng chữ: .....) )

2.2. Hoặc ủy quyền cho một trong những người thuộc thành viên Hội đồng quản trị(HĐQT) Công ty có tên sau đây (chọn bằng cách đánh dấu chéo vào ô phía trước tên người được ủy quyền):

Bà Trần Thiên Kim – Chủ tịch HĐQT

Bà Lưu Thị Lê – Thành viên HĐQT

Ông Trần Văn Đường – Thành viên HĐQT

Bà Tăng Thị Minh Tân – Thành viên HĐQT

Bà Trương Ái Liễu – Thành viên HĐQT

Số cổ phần được ủy quyền: .....

(Bằng chữ: .....) )

**3. Nội dung ủy quyền:**

Người nhận ủy quyền được đại diện cho Người ủy quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) thường niên năm 2018 của Công ty Cổ phần Sài Gòn Hòa xa và thực hiện mọi quyền lợi và nghĩa vụ của Người ủy quyền tại cuộc họp ĐHĐCĐ trong phạm vi số cổ phần được ủy quyền đúng theo pháp luật và Điều lệ Công ty; Giấy ủy quyền chỉ có giá trị tới khi kết thúc cuộc họp ĐHĐCĐ.

Người ủy quyền hoàn toàn chịu trách nhiệm về việc ủy quyền này và cam kết tuân thủ nghiêm chỉnh các quy định hiện hành của pháp luật và của Điều lệ Công ty Cổ phần Sài Gòn Hòa xa về việc thực hiện ủy quyền này.

**Người nhận ủy quyền**  
(ký, ghi rõ họ tên)

....., ngày..... tháng 4 năm 2018  
**Người ủy quyền**  
(ký, ghi rõ họ tên; đóng dấu nếu là tổ chức)

**Ghi chú:**  
- Mỗi cổ đông chỉ được ủy quyền 01 lần; số lượng cổ phần ủy quyền không quá tổng số cổ phần sở hữu; Người nhận ủy quyền không được ủy quyền lại cho người thứ 3;  
- Khi tham dự Đại hội, Người nhận ủy quyền phải mang theo và xuất trình cho Ban kiểm tra tư cách cổ đông của Đại hội các giấy tờ sau: Giấy ủy quyền bản gốc có dấu treo của Công ty, CMND của Người nhận ủy quyền và Thông báo mời họp.  
- Giấy ủy quyền phải được ký trực tiếp, không sử dụng chữ ký bằng các hình thức khác như bằng con dấu, chữ ký được in từ máy tính...



**CÔNG TY CỔ PHẦN SÀI GÒN HÒA XÀ**

275C Phạm Ngũ Lão, Q.1, TP. Hồ Chí Minh

Số ĐKKD: 0300481625 do Sở KH&ĐT TP.HCM cấp ngày 04/01/2005

Website: <http://www.saigonhoaxa.com.vn>

**PHIẾU GÓP Ý KIẾN  
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2018**

Họ và tên cổ đông:.....

**PHẦN GÓP Ý KIẾN**

.....  
.....  
.....  
.....  
.....  
.....  
.....  
.....  
.....  
.....  
.....  
.....  
.....  
.....  
.....  
.....  
.....  
.....  
.....  
.....  
.....  
.....  
.....  
.....  
.....  
.....  
.....

....., ngày.....tháng 4 năm 2018

**Cổ đông**  
(ký, ghi rõ họ tên)



## **CÔNG TY CỔ PHẦN SÀI GÒN HỎA XA**

275C Phạm Ngũ Lão, Q.1, TP. Hồ Chí Minh

Số ĐKKD: 0300481625 do Sở KH&ĐT TP.HCM cấp ngày 04/01/2005

Website: <http://www.saigonhoaxa.com.vn>

*TP. Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 4 năm 2018*

### **QUY CHẾ LÀM VIỆC**

#### **ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2018**

#### **CÔNG TY CỔ PHẦN SÀI GÒN HỎA XA**

Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) thường niên năm 2018 của Công ty Cổ phần Sài Gòn Hỏa xa (Công ty) được tiến hành vào ngày 27/4/2018. Để đảm bảo cho cuộc họp thành công, đúng các thủ tục và hiệu quả cao, Hội đồng quản trị (HĐQT) Công ty xin trình những nguyên tắc làm việc cơ bản của cuộc họp ĐHĐCĐ như sau:

#### **I. CĂN CỨ PHÁP LÝ**

- Căn cứ vào Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 được Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam thông qua ngày 26/11/2014;

- Căn cứ vào Điều lệ của Công ty Cổ phần Sài Gòn Hỏa xa.

#### **II. QUYỀN VÀ NHIỆM VỤ CỦA ĐHĐCĐ**

##### **Các nội dung cuộc họp ĐHĐCĐ thảo luận và biểu quyết thông qua:**

1. Bầu Ban kiểm phiếu (BKP).
2. Chương trình nghị sự của cuộc họp ĐHĐCĐ.
3. Quy chế làm việc tại cuộc họp ĐHĐCĐ.
4. Quy chế nội bộ về quản trị công ty.
5. Sửa đổi, bổ sung Điều lệ theo Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 và Điều lệ mẫu theo Thông tư 95/2017/TT-BTC.
6. Báo cáo hoạt động sản xuất kinh doanh (SXKD) năm 2017.
7. Báo cáo hoạt động của HĐQT.
8. Kế hoạch năm 2018.
9. Báo cáo hoạt động của BKS.
10. Báo cáo tài chính năm 2017 đã kiểm toán.
11. Phân phối lợi nhuận năm 2017.
12. Phương án tiền lương, thù lao của HĐQT và BKS năm 2018.

13. Phê chuẩn công ty kiểm toán báo cáo tài chính 2018 theo đề xuất của Ban kiểm soát.

14. Nghị quyết ĐHĐCĐ năm 2018.

15. Biên bản họp ĐHĐCĐ.

### **III. QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA CÁC THÀNH PHẦN THAM DỰ HỌP ĐHĐCĐ**

#### **1. Thành phần tham dự họp ĐHĐCĐ:**

- Các cổ đông (CĐ) hoặc người đại diện theo ủy quyền bằng văn bản của một hoặc nhiều CĐ có tên trong danh sách CĐ có quyền dự họp ĐHĐCĐ chốt ngày 09/4/2018;

- HĐQT, BKS và Ban điều hành.

#### **2. Quyền của CĐ tham dự họp ĐHĐCĐ:**

- Được trực tiếp tham dự/ủy quyền tham dự họp Đại hội;

- Được biểu quyết bằng thư phát chuyên nhanh qua bưu điện (gọi tắt là Biểu quyết từ xa) và Phiếu biểu quyết trong trường hợp này được gọi tắt là Phiếu biểu quyết từ xa;

- Được thảo luận và biểu quyết tất cả các vấn đề nằm trong Chương trình nghị sự của cuộc họp ĐHĐCĐ, theo Quy chế làm việc tại cuộc họp ĐHĐCĐ và thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ;

- CĐ đến muộn khi cuộc họp ĐHĐCĐ chưa kết thúc có quyền đăng ký ngay, sau đó có quyền tham gia và biểu quyết ngay tại Đại hội. Chủ tọa không có trách nhiệm dừng Đại hội để cho họ đăng ký và hiệu lực của các đợt biểu quyết đã tiến hành sẽ không bị ảnh hưởng.

#### **3. Nghĩa vụ của CĐ:**

- CĐ hoặc người được ủy quyền dự họp khi tham dự cuộc họp phải mang theo giấy tờ tùy thân gồm: CMND/Căn cước công dân(CCCD)/Hộ chiếu, Thông báo mời họp, Giấy ủy quyền (bản gốc có dấu treo của Công ty), Phiếu biểu quyết của CĐ và phiếu biểu quyết của CĐ ủy quyền (nếu người dự họp trực tiếp được CĐ ủy quyền);

- Đăng ký dự họp với Ban kiểm tra tư cách CĐ dự họp (BKT);

- Ăn mặc lịch sự;

- Việc ghi âm, ghi hình Đại hội phải được thông báo công khai ngay từ đầu khi vào cuộc họp và phải được sự đồng ý của Chủ tọa cuộc họp;

- Nghiêm túc chấp hành Quy chế này, Chương trình nghị sự, sự điều khiển của Chủ tọa và kết quả làm việc tại Đại hội.

#### **4. Quyền của người triệu tập**

Người triệu tập họp ĐHĐCĐ có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền duy trì

trật tự cuộc họp; trục xuất những người không tuân thủ quyền điều hành của Chủ tọa, cố ý gây rối trật tự, ngăn cản tiến triển bình thường của cuộc họp hoặc không tuân thủ các yêu cầu về kiểm tra an ninh ra khỏi cuộc họp và hiệu lực các biểu quyết tại cuộc họp đó không bị ảnh hưởng.

## **5. Quyền và nghĩa vụ của Chủ tọa**

- Cuộc họp ĐHĐCĐ sẽ do Chủ tịch HĐQT làm Chủ tọa, có chức năng điều khiển cuộc họp theo Chương trình nghị sự, các quy định đã được ĐHĐCĐ thông qua. Quyết định của Chủ tọa về vấn đề trình tự, thủ tục hoặc các sự kiện phát sinh ngoài Chương trình nghị sự sẽ mang tính phán quyết cao nhất.

- Chủ tọa có quyền không trả lời hoặc chỉ ghi nhận các ý kiến đóng góp của CĐ nếu các nội dung đóng góp, kiến nghị nằm ngoài nội dung xin ý kiến ĐHĐCĐ.

- Có quyền hoãn, tạm dừng cuộc họp trong các trường hợp: Không đủ số người dự họp theo tỷ lệ quy định; có đủ số người nhưng trong quá trình diễn ra cuộc họp có người hoặc nhóm người dự họp hoặc người bên ngoài có hành vi ngăn trở, gây rối trật tự, có nguy cơ làm cuộc họp không được tiến hành nghiêm túc, họp pháp theo Chương trình nghị sự, Quy chế làm việc ... đã được thông qua.

## **6. BKT**

- BKT gồm một trưởng ban và các thành viên. BKT phải có ít nhất một thành viên của BKS đương nhiệm.

- Nhiệm vụ của BKT:

- Tiếp nhận Thông báo mời họp của CĐ hoặc Giấy ủy quyền, CMND/CCCD/Hộ chiếu, các tài liệu liên quan khác ... của người tham dự Đại hội để kiểm tra tính hợp lệ và đối chiếu với danh sách CĐ có quyền dự họp và tiến hành đăng ký dự họp;

- Phát cho CĐ và người được CĐ ủy quyền tham dự cuộc họp ĐHĐCĐ tài liệu, Thẻ biểu quyết, Phiếu biểu quyết (trong trường hợp phải cấp lại phiếu biểu quyết);

- Trường hợp người đến tham dự họp không có đủ tư cách tham dự thì có quyền từ chối cho vào, từ chối cấp tài liệu;

- Lập và báo cáo ĐHĐCĐ kết quả kiểm tra tư cách CĐ tham dự họp trước khi khai mạc cuộc họp và trước mỗi lần biểu quyết nếu có sự thay đổi về số CĐ đăng ký tham dự.

## **7. Thư ký cuộc họp**

- Nhân sự Thư ký do Chủ tọa chỉ định, gồm 01 người;

- Trách nhiệm của Thư ký cuộc họp:



- Ghi chép trình tự diễn biến cuộc họp, tóm tắt ý kiến đóng góp của CĐ, Chủ tọa trong suốt quá trình diễn ra Đại hội;
- Lập Biên bản cuộc họp ĐHĐCĐ và trình bày dự thảo Biên bản đề ĐHĐCĐ thông qua;
- Thực hiện các công việc khác theo sự phân công của Chủ tọa.

## **8. BKP**

### **a. Tư cách của BKP:**

- BKP do Chủ tọa đề cử và được ĐH thông qua;
- Việc biểu quyết thông qua BKP do Chủ tọa cử người đứng ra kiểm phiếu và thông báo kết quả với Chủ tọa.

### **b. Nhiệm vụ của BKP:**

- BKP tổ chức kiểm Thẻ biểu quyết, Phiếu biểu quyết các vấn đề trong cuộc họp ĐHĐCĐ, trừ biểu quyết về việc thông qua BKP. Đồng thời, BKP phải lập biên bản về việc kiểm phiếu đó.
- Chủ tọa ủy quyền BKP công bố kết quả kiểm phiếu tại cuộc họp.

## **IV. CÁC QUY ĐỊNH TIẾN HÀNH CUỘC HỌP ĐHĐCĐ**

### **1. Điều kiện tiến hành cuộc họp ĐHĐCĐ**

Cuộc họp ĐHĐCĐ được tiến hành khi có số CĐ dự họp đại diện ít nhất 65% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết. Trường hợp số CĐ đăng ký tham dự họp ĐHĐCĐ chưa đại diện đủ cho 65% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết theo danh sách CĐ có quyền dự họp ĐHĐCĐ thì cuộc họp được coi như chưa đủ điều kiện để tiến hành. Trong trường hợp này, việc triệu tập và tiến hành cuộc họp lần 2 sẽ được tiến hành theo quy định của Điều lệ Công ty và Luật Doanh nghiệp.

### **2. Công cụ thực hiện biểu quyết**

#### **a. Thẻ biểu quyết (phát sau khi đăng ký dự họp)**

- Thẻ biểu quyết được dùng để thông qua các vấn đề sau đây theo diễn biến của Đại hội:
  - + Nhân sự BKP;
  - + Chương trình nghị sự;
  - + Quy chế làm việc;
  - + Nghị quyết ĐHĐCĐ;
  - + Biên bản họp ĐHĐCĐ;
  - + Các vấn đề phát sinh ngay tại cuộc họp.
- Hình thức Thẻ biểu quyết:

- + Có đóng dấu treo (bản gốc) của Công ty;
- + Mã số biểu quyết;
- + Tên CĐ;
- + Số cổ phần sở hữu;
- + Nội dung cần biểu quyết;
- + Các ô để thể hiện ý kiến biểu quyết (tán thành, không tán thành, không có ý kiến).

***b. Phiếu biểu quyết (thuộc Tài liệu gửi kèm cùng với Thông báo mời họp để CĐ có thể gửi Phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư vì không đi dự họp trực tiếp hoặc vì không ủy quyền dự họp)***

- Phiếu biểu quyết được dùng để thông qua các nội dung khác còn lại của cuộc họp (trừ các vấn đề đã được biểu quyết bằng Thẻ biểu quyết nêu trên).
- Hình thức Phiếu biểu quyết:
  - + Có đóng dấu treo (bản gốc) của Công ty;
  - + Mã số biểu quyết;
  - + Tên CĐ;
  - + Số cổ phần sở hữu;
  - + Nội dung cần biểu quyết;
  - + Các ô để thể hiện ý kiến biểu quyết quyết (tán thành, không tán thành, không có ý kiến).

### **3. Biểu quyết thông qua các vấn đề**

- ĐHĐCĐ thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung Chương trình nghị sự.
- Phiếu biểu quyết đã được gửi trước cho từng CĐ. CĐ lựa chọn ý kiến biểu quyết nào thì ký tên vào ô tương ứng. Trường hợp CĐ thay đổi ý kiến biểu quyết thì CĐ gạch chéo vào ô đã ký, rồi ký lại vào ô khác.
- Các CĐ, người được CĐ ủy quyền tham dự trực tiếp họp ĐHĐCĐ bỏ phiếu tại cuộc họp;
- Các CĐ không tham dự trực tiếp cũng như không ủy quyền cho người khác tham dự thay thì có thể gửi phiếu biểu quyết về Công ty bằng hình thức Biểu quyết từ xa; thư đến muộn khi cuộc họp ĐHĐCĐ chưa kết thúc BKP phải thực hiện việc tiếp nhận ngay (sau khi được Trưởng Ban tổ chức chuyên cho) và đưa vào để kiểm đếm tại Đại hội. Chủ tọa không có trách nhiệm dừng Đại hội để phục vụ công tác này và hiệu lực của các đợt biểu quyết đã tiến hành sẽ không bị ảnh hưởng. Thời hạn cho việc nhận Phiếu biểu quyết từ xa là từ khi CĐ nhận được Thông báo mời họp cho đến khi các nội dung biểu quyết tại Đại hội đã kết thúc theo Chương trình nghị sự được thông qua. Trong trường hợp này, phiếu

Biểu quyết từ xa (sau khi CĐ đã lựa chọn ý kiến biểu quyết) cùng với Thông báo mời họp được bỏ vào một phong bì thư dán kín, bên ngoài ghi thông tin CĐ gửi (tên, địa chỉ) và dòng chữ “Phiếu biểu quyết” và được gửi về Trưởng Ban tổ chức Đại hội của Công ty bằng hình thức Biểu quyết từ xa. Khi kiểm phiếu, phiếu Biểu quyết từ xa sẽ được đóng dấu “BỎ PHIẾU TỪ XA” để phân biệt với các phiếu biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp và có giá trị như các phiếu biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp.

- Các nghị quyết của ĐHĐCĐ được thông qua khi số phiếu biểu quyết tán thành về nội dung đó đạt được tỷ lệ quy định trong Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.

- **Các Thẻ, Phiếu biểu quyết không hợp lệ sẽ không được tính bao gồm:**

• Thẻ, Phiếu không theo mẫu do Ban tổ chức phát ra và không phải là bản gốc có dấu của Công ty;

• Thẻ, Phiếu bị rách, gach, tẩy xóa, sửa chữa, trừ trường hợp thay đổi ý kiến biểu quyết được quy định ở trên;

• Thẻ, Phiếu ghi thêm những thông tin khác, thêm ký hiệu;

• Thẻ, Phiếu biểu quyết không thể hiện rõ ràng ý kiến của CĐ, không ký tên ý kiến nào hoặc ký tên từ 2 ý kiến trở lên đối với nội dung cần lấy ý kiến; biểu quyết nào mà có vi phạm nêu trên thì phần biểu quyết đối với nội dung đó là không hợp lệ;

• Thẻ biểu quyết bằng hình thức bỏ phiếu từ xa không gửi về Công ty theo đúng quy định tại Quy chế này.

- Việc biểu quyết đối với từng nội dung cần thông qua trong Thẻ, Phiếu biểu quyết là độc lập với nhau và tính hợp lệ của phần biểu quyết nội dung này không làm ảnh hưởng đến tính hợp lệ của các nội dung biểu quyết khác;

- Trường hợp CĐ đã đăng ký tham dự Đại hội nhưng vì lý do quan trọng không thể có mặt đến hết chương trình Đại hội, CĐ đó phải gửi lại Thẻ/Phiếu biểu quyết đã biểu quyết các vấn đề cần lấy ý kiến cho Trưởng BKP trước khi ra về. Nếu CĐ nào không gửi lại Thẻ/Phiếu biểu quyết cho Trưởng BKP xem như CĐ đó không ý kiến đối với các vấn đề cần lấy ý kiến;

- Thời gian bỏ phiếu được tính từ khi Chủ tọa thông báo bắt đầu bỏ phiếu cho đến khi không còn CĐ/người được ủy quyền nào bỏ phiếu vào thùng phiếu hoặc sau 10 phút kể từ khi BKP thông báo bỏ phiếu lần cuối cùng, tùy theo điều kiện nào đến trước;

- Trường hợp CĐ quên mang Phiếu biểu quyết hoặc Phiếu biểu quyết không còn nguyên vẹn, CĐ có thể liên hệ với Ban tổ chức để làm thủ tục cấp lại. Phiếu biểu quyết mới sẽ được đóng dấu “PHIẾU CẤP LẠI”.

### **3. Thảo luận và phát biểu ý kiến**

- Chủ tọa điều khiển phần thảo luận của Đại hội theo Chương trình nghị sự

đã được thông qua;

- CĐ hoặc người được CĐ ủy quyền phát biểu ý kiến thảo luận có thể ghi vào mẫu Phiếu góp ý kiến do Ban tổ chức phát, hoặc có thể đặt câu hỏi trực tiếp tại cuộc họp.

- Khi tham gia ý kiến, CĐ hoặc người được CĐ ủy quyền cần nói ngắn gọn cụ thể, rõ ràng (không quá 05 phút), tập trung những vấn đề cơ bản có trong nội dung Chương trình nghị sự, không lặp lại với ý kiến trước đó đã có người phát biểu, trên tinh thần trung thực, khách quan, xây dựng và vì lợi ích chung của Công ty;

- Nếu ý kiến phát biểu quá dài, trùng lặp, không nằm trong khuôn khổ nội dung của Chương trình nghị sự ... thì Chủ tọa có quyền yêu cầu ngừng hoặc chủ động cho thay thế bằng các ý kiến khác hoặc của CĐ khác;

- Những vấn đề mang tính tranh luận, chất vấn của CĐ phải nằm trong khuôn khổ của Chương trình nghị sự đã được thông qua và nếu ngoài phạm vi này thì Chủ tọa có quyền chuyển ý kiến cho CĐ khác, cho ngưng tranh luận hoặc không có trách nhiệm phải trả lời.

#### **4. Biên bản họp ĐHĐCĐ**

- Nội dung tại cuộc họp ĐHĐCĐ phải được thư ký Đại hội ghi tóm tắt vào biên bản theo quy định của Luật Doanh nghiệp;

- Biên bản họp Đại hội phải được đọc và thông qua trước khi bế mạc Đại hội.

#### **5. Nghị quyết của Đại hội**

Nghị quyết của Đại hội được căn cứ vào nội dung các Tờ trình đã được thông qua theo các tỷ lệ quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.

#### **V. HIỆU LỰC THI HÀNH**

Quy chế này có hiệu lực ngay sau khi được ĐHĐCĐ biểu quyết thông qua tại cuộc họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2018.

Quy chế này có thể sửa đổi lại từng thời điểm trên cơ sở đề xuất của Chủ tọa Đại hội và phải được ĐHĐCĐ biểu quyết thông qua.

*Nơi nhận:*

- HĐQT, BKS;
- CĐ;
- Lưu: VP HĐQT.





## CÔNG TY CỔ PHẦN SÀI GÒN HỎA XA

275C Phạm Ngũ Lão, Q.1, TP. Hồ Chí Minh

Số ĐKKD: 0300481625 do Sở KH&ĐT TP.HCM cấp ngày 04/01/2005

Website: <http://www.saigonhoaxa.com.vn>

TP.Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 4 năm 2018

### BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ TỔNG GIÁM ĐỐC

#### PHẦN 1. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG VÀ KẾT QUẢ SXKD NĂM 2017

##### 1. Đánh giá tình hình hoạt động năm 2017

Doanh thu 2017 đạt 993.339.503.111đ, vượt kế hoạch 18,2% và tăng so với 2016 là 15,3%. Việc hoàn thành vượt mức kế hoạch doanh thu nhờ vào mức tăng trưởng vượt bậc của kinh doanh thương mại với phương thức bao tiêu sản phẩm thuốc lá điều của Công ty TNHH MTV Thuốc lá Sài Gòn. Mảng kinh doanh này chiếm tỷ trọng lớn doanh thu toàn Công ty. Tuy nhiên, Công ty sẽ bất ổn nếu loại hình bao tiêu sản phẩm thuốc lá bị ảnh hưởng bởi chính sách của Nhà nước, của nhà cung cấp.

Về hiệu quả kinh doanh, lợi nhuận sau thuế đạt cao vượt kế hoạch 36,2% và tăng so với năm 2016 là 39,7% là xuất phát từ việc tiết kiệm các chi phí từ khối văn phòng.

##### 2. Kết quả SXKD năm 2017 (số liệu được kiểm toán)

| Stt | Chỉ tiêu                 | Kế hoạch         | Kết quả          | Ghi chú |
|-----|--------------------------|------------------|------------------|---------|
| 1   | Doanh thu                | 840.481.701.000đ | 993.339.503.111đ |         |
| 2   | Lợi nhuận trước thuế     | 3.000.000.000đ   | 4.654.580.606đ   |         |
| 3   | Lợi nhuận sau thuế       | 2.400.000.000đ   | 3.267.604.140đ   |         |
| 4   | Lợi nhuận/cổ phiếu (EPS) |                  | 1.900đ           |         |

##### 3. Phân tích hoạt động SXKD 2017

###### a. Kinh doanh thương mại (Mua bán thuốc lá điều sản xuất trong nước)

Doanh thu kinh doanh thương mại liên tục nhiều năm chiếm tỷ trọng chính trong doanh thu toàn Công ty. Tuy nhiên, đây lại là hoạt động tiềm ẩn sự bất ổn không thể kỳ vọng hoặc xây dựng thành xương sống cho chiến lược phát triển lâu dài của Công ty bởi nhiều lý do, vẫn còn bị chi phối hàng loạt các chủ trương, chính sách thậm chí cả luật (Luật Phòng chống tác hại thuốc lá) mà về lâu dài thì cả sản xuất lẫn tiêu thụ đều bị thu hẹp thông qua một loạt các chính sách về hạn chế sản xuất, hạn chế địa bàn tiêu thụ, bổ sung thêm nhiều điều kiện cấp phép bán buôn bán lẻ và đặc biệt là việc điều chỉnh tăng thuế tiêu thụ đặc biệt. Bên cạnh

đó, với đặc thù của Công ty là không có sẵn nguồn vốn lưu động, tất cả phải đi vay nên mỗi sự thay đổi về chính sách cho vay của ngân hàng, đặc biệt là lãi suất sẽ ảnh hưởng trực tiếp không chỉ đến kết quả mà cả hiệu quả kinh doanh.

Và mỗi khi kinh doanh thương mại (mua bán thuốc lá điều sản xuất trong nước) biến động (mà xu hướng là sụt giảm) do ảnh hưởng khi chính sách tiêu thụ từ phía nhà sản xuất có sự thay đổi sẽ kéo theo sự sụt giảm có thể là đột biến toàn bộ các chỉ tiêu kế hoạch của Công ty.

#### *b. Cho thuê tài sản*

Trước 2017, Công ty có 4 cụm tài sản cho thuê: 02 cụm tại khách sạn đường sắt Đà Lạt, 02 cụm tại khách sạn đường sắt Nha Trang. Từ tháng 10/2017, Công ty cho thuê một phần tầng trệt tòa nhà văn phòng 275C Phạm Ngũ Lão, Quận 1 cho đối tác thuê tạo thêm nguồn thu cho Công ty.

#### *c. Kinh doanh lưu trú*

So với các năm trước, số lượng và chất lượng các đơn vị kinh doanh lưu trú không thay đổi. Có 6 chi nhánh trực tiếp kinh doanh lưu trú gồm 04 chi nhánh tại TP. Hồ Chí Minh, 01 chi nhánh tại Đà Lạt, Lâm Đồng, 01 chi nhánh tại Cà Ná, Ninh Thuận. Hầu hết các chi nhánh kinh doanh lưu trú có đẳng cấp trung bình và thấp: 02 chi nhánh đạt tiêu chuẩn 2 sao, 01 chi nhánh đạt tiêu chuẩn 1 sao, 03 chi nhánh đạt tiêu chuẩn mà theo Luật Du lịch 2017 phải đầu tư nâng cấp. Tình hình kinh doanh lưu trú nhìn chung ổn định. Khách sạn Kỳ Đồng và Khách sạn Hải Vân từ tháng 9 thay đổi người đứng đầu chi nhánh, song không có biến động; Khách sạn Ga Sài Gòn vẫn duy trì được nguồn khách từ các tổ tàu Hà Nội; Khách sạn Đường sắt Đà Lạt có sự tăng trưởng tốt, đã gần như chấm dứt tình trạng lổ vào mùa thấp điểm, từ tháng 9 đến tháng 12, đời sống người lao động được cải thiện rõ nét (mức thu nhập bình quân trên 5 triệu đồng/tháng/người); Khách sạn Cà Ná, lượng khách thuê lưu trú là các chuyên gia điện thi công nhà máy nhiệt điện Vĩnh Tân không còn, song bổ xung được nguồn khách lẻ nên vẫn duy trì ổn định.

#### *d. Kinh doanh ăn uống*

Năm 2017, Công ty chỉ còn 01 chi nhánh kinh doanh ăn uống là Khách sạn Cà Ná (Nhà hàng Cà Ná) và 01 chi nhánh kinh doanh giải khát là Trung tâm Dịch vụ và Thương mại Bình Triệu. Nhà hàng Cà Ná với truyền thống nhiều năm phục vụ khách du lịch của các tour Nha Trang, Phan Rang, lượng khách tăng do chi nhánh liên tục đầu tư sửa chữa, nâng cấp cơ sở vật chất kỹ thuật, nâng cao chất lượng bữa ăn, ổn định giá cả, xây dựng thực đơn phù hợp, độc đáo, khai thác nguồn khách mới, đặc biệt là khách Nga từ các đơn vị chuyên doanh Anex và Pegas. Dịp lễ, tết, ngày cuối tuần luôn phục vụ hết công suất kể cả mùa thấp điểm. Thời gian gần đây, chi nhánh hướng vào khai thác lượng khách Trung Quốc có chất lượng trong hành trình tour Nha Trang, Mũi Né, bước đầu tạo được kết quả tốt.

Kinh doanh giải khát là loại hình kinh doanh mới lạ trong Công ty. Mô hình kinh doanh cà phê sân vườn và máy lạnh kết hợp phục vụ điểm tâm và cơm trưa văn phòng đang dần tìm hướng đi ổn định.

*e. Kinh doanh vận tải hàng hóa*

Với phương thức vận chuyển hàng hóa từ kho đến kho, từ kho đến nhà và phương tiện chủ lực là tàu hỏa (tàu khách và tàu hàng chuyên tuyến), vận tải hàng hóa vẫn đang gặp áp lực về cạnh tranh: Tăng giá cước của đường sắt, sự quản lý chặt chẽ đến căng thẳng của đường bộ, sự thay đổi tổ chức dẫn đến sự thay đổi chính sách của ngành đường sắt... Về lâu dài: Vận tải không chỉ đối mặt với khó khăn mà còn nhiều thách thức khi quá nhiều đơn vị cùng tham gia vào lĩnh vực này và thực tế thì đây cũng là hoạt động kinh doanh chứa đựng nhiều rủi ro, bất ổn, hiệu quả thấp.

*f. Kinh doanh lữ hành*

Các tour nội địa gắn với đường sắt nay không còn là thế mạnh nữa dẫn tới kết quả kinh doanh không đạt. Tháng 9/2017 thì kinh doanh lữ hành tạm ngừng hoạt động chờ tái cấu trúc.

*g. Kinh doanh dịch vụ*

2 loại hình dịch vụ massage, karaoke tại khách sạn Hải Vân và massage tại Khách sạn Kỳ Đồng là hoạt động đem lại hiệu quả trong năm 2017.

#### **4. Công tác đầu tư xây dựng cơ bản**

- Hoàn thành việc làm mới cổng và bảng hiệu của khách sạn Đà Lạt.
- Làm lại hàng rào trước cổng hội trường tại khách sạn Đà Lạt.
- Tiếp tục hoàn thiện Nhà hàng số 01 tại địa chỉ 310/4B Quốc lộ 13, P. Hiệp Bình Chánh, Q. Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh.

### **PHẦN II. HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (HDQT)**

#### **1. Cơ cấu HDQT**

HDQT từ ngày 01/01/2017 đến ngày 31/12/2017 gồm 5 thành viên:

- Bà Trần Thiên Kim;
- Ông Trần Vĩ Đường;
- Bà Lưu Thị Lê;
- Bà Trương Ái Liễu;
- Bà Tăng Thị Minh Tân.

#### **2. Hoạt động của HDQT**

a. Tham gia các phiên họp của HDQT:

| STT | Thành viên HDQT   | Số buổi tham dự | Tỷ lệ tham dự | Ghi chú |
|-----|-------------------|-----------------|---------------|---------|
| 1   | Bà Trần Thiên Kim | 8/8             | 100%          |         |

|   |                      |     |      |  |
|---|----------------------|-----|------|--|
| 2 | Bà Lưu Thị Lê        | 8/8 | 100% |  |
| 3 | Bà Trương Ái Liễu    | 8/8 | 100% |  |
| 4 | Bà Tăng Thị Minh Tân | 8/8 | 100% |  |
| 5 | Ông Trần Vĩ Đường    | 8/8 | 100% |  |

b. Chỉ đạo triển khai Nghị quyết của ĐHĐCĐ năm 2017:

HĐQT đã thực hiện việc chỉ đạo, đôn đốc kịp thời hoạt động của Ban Điều hành (BDH) thông qua việc tham dự, góp ý kiến chỉ đạo trong các cuộc họp của BDH, các cuộc họp giao ban định kỳ nhằm triển khai Nghị quyết của ĐHĐCĐ.

c. Thực hiện chi trả thù lao, chi phí HĐQT năm 2017

- Thù lao thành viên HĐQT: Trong năm 2017, tổng thù lao cho chức danh thành viên HĐQT là 204.000.000đ, chi tiết từng thành viên như sau:

| STT | Thành viên HĐQT      | Thù lao HĐQT        | Ghi chú |
|-----|----------------------|---------------------|---------|
| 1   | Bà Trần Thiên Kim    | 60.000.000đ         |         |
| 2   | Ông Trần Vĩ Đường    | 36.000.000đ         |         |
| 3   | Bà Lưu Thị Lê        | 36.000.000đ         |         |
| 4   | Bà Tăng Thị Minh Tân | 36.000.000đ         |         |
| 5   | Bà Trương Ái Liễu    | 36.000.000đ         |         |
|     | <b>Cộng:</b>         | <b>204.000.000đ</b> |         |

- Lương cho việc kiêm nhiệm chức danh quản lý của thành viên HĐQT:

| STT | Thành viên HĐQT      | Chức danh quản lý kiêm nhiệm | Tổng lương cả năm   | Thưởng |
|-----|----------------------|------------------------------|---------------------|--------|
| 1   | Bà Trần Thiên Kim    | Giám đốc (GD) Đầu tư         | 242.223.045đ        | 0đ     |
| 2   | Ông Trần Vĩ Đường    | TGD                          | 396.768.492đ        | 0đ     |
| 3   | Bà Tăng Thị Minh Tân | GD Khối Nhân sự              | 241.386.757đ        | 0đ     |
|     | <b>Cộng:</b>         |                              | <b>880.378.294đ</b> |        |

- Chi phí:

Thành viên HĐQT có quyền được thanh toán các chi phí ăn, ở, đi lại và chi phí hợp lý khác khi thực hiện nhiệm vụ được giao.

Do Công ty còn khó khăn về vốn kinh doanh, nên các thành viên HĐQT không tính chi phí với Công ty. Các thành viên HĐQT tự trang trải các khoản



chi phí cho hoạt động liên quan tới phần công việc của mình.

d. Các công tác khác:

- Xây dựng kế hoạch SXKD trình ĐHĐCĐ;
- Triệu tập ĐHĐCĐ thường niên năm 2017;
- Theo dõi và nắm bắt quá trình điều hành SXKD thông qua việc tham dự cuộc họp của BDH, các cuộc họp giao ban công tác định kỳ.

### **3. Tổng kết các cuộc họp và các quyết định của HĐQT**

| <b>STT</b> | <b>Phiên họp ngày</b> | <b>Nội dung quyết định được thông qua</b>   |
|------------|-----------------------|---|
| 1          | 07/01/2017            | Thông qua Hợp đồng mua bán thuốc lá bao năm 2017  |
| 2          | 23/02/2017            | Triệu tập ĐHĐCĐ thường niên năm 2017  |
| 3          | 01/3/2017             | Thanh lý tài sản tại Xí nghiệp Dịch vụ Vận tải Hòa xa Sài Gòn   |
| 4          | 18/3/2016             | Thông qua các tài liệu trình ĐHĐCĐ thường niên  |
| 5          | 27/4/2017             | Thông qua việc miễn nhiệm, bổ nhiệm GD Khách sạn Ga Sài Gòn   |
| 6          | 23/5/2017             | Vay vốn Agribank – Chi nhánh TP.HCM.  |
| 7          | 29/8/2017             | Thay đổi GD Du lịch Đường sắt Sài Gòn, Khách sạn Hải Vân, Khách sạn Kỳ Đồng   |
| 8          | 29/12/2017            | <ul style="list-style-type: none"><li>- Lương, phụ cấp và quyền lợi của BDH;</li><li>- Thông qua lương, phụ cấp và quyền lợi khác của các chức danh do TGD trực tiếp quản lý.</li></ul> |

### **4. Hoạt động giám sát của HĐQT đối với TGD và các cán bộ quản lý khác**

Hàng tháng TGD đều tiến hành họp BDH và họp giao ban. HĐQT tham dự cuộc họp để nắm bắt tình hình thực hiện chủ trương, chỉ đạo của HĐQT và TGD, tình hình sản xuất kinh doanh trong tháng và kế hoạch kinh doanh của tháng tiếp theo.

Trong năm 2017, TGD và các cán bộ quản lý khác đã điều hành linh hoạt hoạt động SXKD phù hợp với chủ trương của HĐQT. Các chủ trương của HĐQT được cán bộ quản lý triển khai và báo cáo kịp thời.

### **PHẦN III. PHƯƠNG HƯỚNG HOẠT ĐỘNG VÀ KẾ HOẠCH TRONG THỜI GIAN TỚI**

Kinh doanh thương mại với nguy cơ bất ổn khi ngay đầu năm 2018 doanh thu giảm hơn một nửa so với cùng kỳ, tháng 2/2018 và tháng 3/2018 tiếp tục giảm sâu. Ngoài những nguyên nhân vì chế độ chính sách của Nhà nước, việc nhà cung cấp tái cấu trúc hoạt động sản xuất kinh doanh, trong đó có công tác tiêu thụ, thị trường cũng ảnh hưởng tiêu cực đến doanh thu kinh doanh thương mại. Vì vậy, việc đẩy mạnh cho thuê tài sản trên đất theo hướng tìm kiếm đối tác tiềm năng là rất cần thiết.

Các mặt kinh doanh khác: lưu trú, nhà hàng ăn uống tiếp tục duy trì ổn định trên cơ sở thường xuyên duy tu sửa chữa cơ sở vật chất không để xuống cấp, đáp ứng yêu cầu của khách hàng.

Trong năm 2018, HĐQT đề nghị các mức chỉ tiêu kế hoạch như sau:

#### **1. Kế hoạch SXKD:**

| Stt | Chỉ tiêu             | Kế hoạch         | Ghi chú |
|-----|----------------------|------------------|---------|
| 1   | Doanh thu            | 240.000.000.000đ |         |
| 2   | Lợi nhuận trước thuế | 2.250.000.000đ   |         |
| 3   | Lợi nhuận sau thuế   | 1.800.000.000đ   |         |

#### **2. Kế hoạch đầu tư, sửa chữa:**

| Stt | Danh mục                                       | Kinh phí     | Ghi chú |
|-----|--|--------------|---------|
| 1   | Thay đổi vị trí nhà hàng tại Khách sạn Hải Vân | 300.000.000đ |         |

Thay mặt HĐQT, tôi trân trọng gửi lời cảm ơn tới các quý vị CĐ đã ủng hộ HĐQT trong năm qua. Chúng tôi sẽ tiếp tục nỗ lực hết mình vì sự phát triển “lâu dài - bền vững – thịnh vượng” của Công ty.

Thay mặt HĐQT, tôi xin chúc các quý vị CĐ sức khỏe và thành công.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

**Chủ tịch**



**Trần Thiên Kim**



## **CÔNG TY CỔ PHẦN SÀI GÒN HỎA XA**

275C Phạm Ngũ Lão, Q.1, TP. Hồ Chí Minh

Số ĐKKD: 4013003015 do Sở KH&ĐT TP.HCM cấp ngày 04/01/2005

Website: <http://www.saigonhoaxa.com.vn>

*TP. Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 4 năm 2018*

### **BÁO CÁO CỦA BAN KIỂM SOÁT TẠI ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2018**

#### **1. HOẠT ĐỘNG, THÙ LAO CỦA BAN KIỂM SOÁT**

##### **1.1 Hoạt động của Ban kiểm soát**

Ban kiểm soát (BKS) Công ty gồm ba thành viên:

Bà Huỳnh Thị Đào (Trưởng ban)

Bà Lữ Thị Tiên (Thành viên)

Ông Lê Nguyễn Thanh Tuấn (Thành viên)

Trong năm 2017, BKS đã thực hiện công việc theo nhiệm vụ và quyền hạn đã được Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty quy định. Các công việc:

- Tham gia các cuộc họp của Hội đồng quản trị (HĐQT), Ban điều hành (BDH);
- Kiểm tra tính chính xác, trung thực, hợp pháp, hợp lý trong việc lập Báo cáo tài chính định kỳ, xem xét Báo cáo kiểm toán của Công ty;
- Giám sát việc thực thi nghị quyết Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ);
- Kiểm tra, giám sát việc thực thi nghị quyết, quyết định của HĐQT, BDH Công ty.

##### **Các cuộc họp của BKS:**

| <b>STT</b> | <b>Ngày</b> | <b>Nội dung</b>  | <b>Kết quả</b>   |
|------------|-------------|--|--|
| 1          | 18/03/2017  | Thảo luận, thống nhất nội dung Báo cáo của BKS tại ĐHĐCĐ thường niên 2017  | Các thành viên BKS đã tham dự đầy đủ và thống nhất các nội dung. |
| 2          | 06/07/2017  | Kế hoạch kiểm tra tình hình kinh doanh, tài chính, kế toán các chi nhánh trực thuộc Công ty 6 tháng đầu năm 2017 | Các thành viên BKS đã tham dự đầy đủ và thống nhất các nội dung. |

##### **1.2 Lương và thù lao của Ban kiểm soát**

Lương chuyên trách BKS năm 2017: 136.500.000 đồng

Thù lao BKS năm 2017: 48.000.000 đồng

## 2. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG VÀ TÀI CHÍNH CỦA CÔNG TY

### 2.1 Tình hình hoạt động của Công ty

- Năm 2017, Công ty vẫn duy trì kinh doanh các lĩnh vực truyền thống có từ trước: nhà hàng, khách sạn, vận tải đường sắt, thương mại, cho thuê bất động sản. Tuy nhiên tình hình kinh doanh thương mại (thuốc lá) trong tương lai không được khả quan.

- Đầu tư xây dựng cơ bản năm 2017:

▪ Đang dần hoàn thiện nhà hàng số 01 tại địa chỉ 310/4B Quốc lộ 13, phường Hiệp Bình Chánh, quận Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh;

▪ Xây dựng và đưa vào sử dụng hệ thống xử lý nước thải Khách sạn Cà Ná, Nhà hàng Cà Ná quán, bãi đậu xe Nhà hàng Cà Ná quán;

▪ Kết chuyển chi phí phát sinh công trình Khách sạn Đường sắt Nha Trang và nhà sách PNC Nha Trang vào chi phí năm 2017.

### 2.2 Tình hình tài chính của Công ty

BKS đã xem xét Báo cáo tài chính năm 2017 của Công ty và xem xét Báo cáo kiểm toán do công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C kiểm toán. BKS thống nhất số liệu Báo cáo tài chính của Công ty đã được kiểm toán.

#### a. Kết quả kinh doanh năm 2017:

| Chỉ tiêu             | Kế hoạch 2017<br>(đồng) | Thực hiện 2016<br>(làm tròn số)<br>(đồng) | Thực hiện 2017<br>(làm tròn số)<br>(đồng) | Thực hiện<br>2017/ kế<br>hoạch<br>2017<br>(%) | Thực<br>hiện<br>2017/<br>thực<br>hiện<br>2016<br>(%) |
|----------------------|-------------------------|---|---|---|--|
| Doanh thu            | 840.481.000.000         | 861.218.000.000                           | 993.339.000.000                           | 118,19  | 115,34   |
| Lợi nhuận trước thuế | 3.000.000.000           | 3.561.000.000                             | 4.654.000.000                             | 155,13  | 130,69   |
| Lợi nhuận sau thuế   | 2.400.000.000           | 2.339.000.000                             | 3.268.000.000                             | 136,17  | 139,72   |

Doanh thu toàn Công ty năm 2017 bằng 118,19% so với kế hoạch và bằng 115,34% so với thực hiện năm 2016. Một số hoạt động kinh doanh vẫn duy trì được đà tăng trưởng như doanh thu bán hàng thuốc lá bằng 117,63%, doanh thu từ hoạt động nhà hàng bằng 147,95%, doanh thu cho thuê bất động sản bằng 116,33%, doanh thu dịch vụ khách sạn bằng 111,6% so với năm 2016. Tuy nhiên doanh thu một số hoạt động kinh doanh khác chưa đạt được như kỳ vọng như: hoạt động bán vé máy bay, vận tải, dịch vụ du lịch.

## **b. Một số chỉ số tài chính**

| <b>Các chỉ số</b>                                       | <b>Năm 2016</b> | <b>Năm 2017</b> |
|---|-----------------|-----------------|
| Khả năng thanh toán hiện hành (lần)                     | 1,2             | 1.1             |
| Vòng quay các khoản phải thu (vòng)                     | 8,2             | 9.3             |
| Vòng quay hàng tồn kho (vòng)                           | 13,6            | 25.1            |
| Tỷ suất sinh lợi trên tổng tài sản (%)                  | 6,6             | 7.9             |
| Tỷ suất sinh lợi trên vốn cổ phần (giá trị sổ sách) (%) | 13,6            | 19              |

Nhìn chung các chỉ số tài chính: vòng quay các khoản phải thu, vòng quay hàng tồn kho, tỷ suất sinh lợi trên tổng tài sản, tỷ suất sinh lợi trên vốn cổ phần năm 2017 đều tốt hơn so với năm 2016. Các chỉ tiêu doanh thu, giá vốn, lợi nhuận năm 2017 đều tăng so với năm 2016 thì các chỉ tiêu nợ phải thu, hàng tồn kho, tổng tài sản đều giảm. Tổng tài sản cuối năm 2017 chỉ bằng 69,4% so với cuối năm 2016 chủ yếu là do tồn kho thuộc lá giảm mạnh. Đây không phải là một dấu hiệu tích cực, Công ty sẽ không có hàng tồn kho dự trữ cho kỳ kinh doanh 2018.

### **3. KẾT QUẢ GIÁM SÁT VỚI THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN ĐIỀU HÀNH**

HDQT Công ty đã tổ chức các cuộc họp thường kỳ và đột xuất đúng theo quy định của Điều lệ Công ty và quy định của Luật Doanh nghiệp.

HDQT Công ty đã triển khai, thực hiện các nghị quyết ĐHĐCĐ. HDQT đã ban hành các quyết định liên quan đến công tác sản xuất kinh doanh, quản lý nhân sự.

HDQT đã thực hiện tốt vai trò chỉ đạo, giám sát và kịp thời hỗ trợ BDH trong việc điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

BDH Công ty đã triển khai thực hiện các quyết định của HDQT kịp thời.

### **4. PHỐI HỢP HOẠT ĐỘNG GIỮA BAN KIỂM SOÁT VỚI HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, TỔNG GIÁM ĐỐC**

Lịch trình kiểm tra được BKS gửi đến BDH, phụ trách các chi nhánh để tiện sắp xếp trong công việc. Kết thúc kiểm tra biên bản làm việc được BKS gửi đến BDH Công ty, Đơn vị được kiểm tra, nêu rõ những góp ý của BKS.

BKS tham gia các cuộc họp thường kỳ, đột xuất của BDH, HDQT để kịp thời nắm bắt được việc chuyển khai các kế hoạch và tình hình hoạt động của Công ty.

BKS đã nhận được đầy đủ các nghị quyết, quyết định của HDQT, BDH; các tài liệu về tình hình hoạt động, tài chính của Công ty.

Trên đây là nội dung báo cáo của BKS trước Đại hội.

Kính chúc đại hội thành công tốt đẹp!

**TM. BAN KIỂM SOÁT**  
**Trưởng BKS**



*Huỳnh Thị Đào*



## CÔNG TY CỔ PHẦN SÀI GÒN HÒA XA

275C Phạm Ngũ Lão, Q.1, TP. Hồ Chí Minh

Số ĐKKD: 0300481625 do Sở KH&ĐT TP.HCM cấp ngày 04/01/2005

Website: <http://www.saigonhoaxa.com.vn>

TP. Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 4 năm 2018

### TỜ TRÌNH SỐ 1

V/v thông qua Quy chế nội bộ về quản trị công ty

Kính gửi: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG CÔNG TY CỔ PHẦN SÀI GÒN HÒA XA

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 được Quốc hội thông qua ngày 26/11/2014;
- Căn cứ Điều lệ hiện hành của Công ty Cổ phần Sài Gòn Hòa xa (Công ty);
- Căn cứ Nghị định số 71/2017/NĐ-CP ngày 06/6/2017 của Chính phủ hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng cho các công ty đại chúng;
- Căn cứ vào Thông tư số 95/2017/TT-BTC ngày 22/9/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều của Nghị định 71/2017/NĐ-CP ngày 06/6/2017 của Chính phủ hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng cho các công ty đại chúng,

Theo quy định tại Nghị định 71/2017/NĐ-CP ngày 06/6/2018 của Chính phủ hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng cho các công ty đại chúng, Quy chế nội bộ về quản trị công ty được Hội đồng quản trị (HDQT) xây dựng, trình Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) thông qua.

HDQT Công ty có xây dựng Quy chế nội bộ về quản trị công ty theo hướng dẫn tại Thông tư số 95/2017/TT-BTC ngày 22/9/2017 của Bộ Tài chính để xây dựng lên Quy chế nội bộ về quản trị công ty.

Dự thảo Quy chế nội bộ về quản trị công ty được đính kèm theo Tờ trình này.

Kính trình ĐHCĐ xem xét thông qua.

Trân trọng.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

**Chủ tịch HĐQT**

Nơi nhận:

- HĐQT, BKS;
- CĐ;
- Lưu: VP HĐQT.



**Trần Thiên Kim**



## CÔNG TY CỔ PHẦN SÀI GÒN HÒA XA

275C Phạm Ngũ Lão, Q.1, TP. Hồ Chí Minh

Số ĐKKD: 0300481625 do Sở KH&ĐT TP.HCM cấp ngày 04/01/2005

Website: <http://www.saigonhoaxa.com.vn>

TP. Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 4 năm 2018

### TỜ TRÌNH SỐ 2

*V/v sửa đổi, bổ sung Điều lệ của Công ty Cổ phần Sài Gòn Hòa xa*

Kính gửi: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG CÔNG TY CỔ PHẦN SÀI GÒN HÒA XA

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 được Quốc hội thông qua ngày 26/11/2014;
- Căn cứ Điều lệ hiện hành của Công ty Cổ phần Sài Gòn Hòa xa (Công ty);
- Căn cứ Nghị định số 71/2017/NĐ-CP ngày 06/6/2017 của Chính phủ hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng cho các công ty đại chúng;
- Căn cứ vào Thông tư số 95/2017/TT-BTC ngày 22/9/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều của Nghị định 71/2017/NĐ-CP ngày 06/6/2017 của Chính phủ hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng cho các công ty đại chúng;
- Căn cứ vào tình hình thực tế của hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty;

Điều lệ hiện hành của Công ty được xây dựng căn cứ theo theo Luật doanh nghiệp số 60/2005/QH11 ngày 29/11/2005, hiện nay đã lạc hậu do Luật Doanh nghiệp đã thay đổi và Công ty đã là công ty đại chúng, đăng ký giao dịch trên sàn UPCoM.

Hội đồng quản trị (HDQT) Công ty có tham chiếu Điều lệ mẫu ban hành theo Thông tư số 95/2017/TT-BTC ngày 22/9/2017 của Bộ Tài chính để xây dựng lên bản dự thảo Điều lệ mới, thay thế bản Điều lệ hiện hành.

Dự thảo Điều lệ được đính kèm theo Tờ trình này.

Kính trình ĐHĐCĐ xem xét thông qua.

Trân trọng.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

**Chủ tịch HĐQT**

Nơi nhận:

- HĐQT, BKS;
- CĐ;
- Lưu: VP HĐQT.



**Trần Thiên Kim**



## CÔNG TY CỔ PHẦN SÀI GÒN HÒA XÀ

275C Phạm Ngũ Lão, Q.1, TP. Hồ Chí Minh

Số ĐKKD: 0300481625 do Sở KH&ĐT TP.HCM cấp ngày 04/01/2005

Website: <http://www.saigonhoaxa.com.vn>

TP. Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 4 năm 2018

### TỜ TRÌNH SỐ 3

V/v thông qua kết quả kinh doanh năm 2017

Kính gửi : ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG CÔNG TY CỔ PHẦN SÀI GÒN HÒA XÀ

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 được Quốc hội thông qua ngày 26/11/2014;

- Căn cứ Điều lệ của Công ty Cổ phần Sài Gòn Hòa Xà,

Hội đồng quản trị (HDQT) Công ty đề nghị Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) thông qua kết quả kinh doanh năm 2017 theo các chỉ tiêu như sau:

- Doanh thu: 993.339.503.111đ
- Lợi nhuận (LN) trước thuế: 4.654.580.606đ
- LN sau thuế của năm 2017: 3.267.604.140đ

Kính trình ĐHCĐ xem xét thông qua

Trân trọng.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

**Chủ tịch HDQT**

Nơi nhận:

- HDQT, BKS;
- CĐ;
- Lưu: VP HDQT.



**Trần Thiên Kim**





## CÔNG TY CỔ PHẦN SÀI GÒN HỎA XA

275C Phạm Ngũ Lão, Q.1, TP. Hồ Chí Minh

Số ĐKKD: 0300481625 do Sở KH&ĐT TP.HCM cấp ngày 04/01/2005

Website: <http://www.saigonhoaxa.com.vn>

TP. Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 4 năm 2018

### TỜ TRÌNH SỐ 4

V/v thông qua kế hoạch năm 2018

Kính gửi: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG CÔNG TY CỔ PHẦN SÀI GÒN HỎA XA

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 được Quốc hội thông qua ngày 26/11/2014;

- Căn cứ Điều lệ của Công ty Cổ phần Sài Gòn Hỏa xa,

Hội đồng quản trị (HDQT) Công ty đề nghị Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) thông qua kế hoạch năm 2018 như sau:

#### 1. Kế hoạch SXKD

| Stt | Chỉ tiêu             | Kế hoạch         | Ghi chú |
|-----|----------------------|------------------|---------|
| 1   | Doanh thu            | 240.000.000.000đ |         |
| 2   | Lợi nhuận trước thuế | 2.250.000.000đ   |         |
| 3   | Lợi nhuận sau thuế   | 1.800.000.000đ   |         |

#### 2. Kế hoạch đầu tư, sửa chữa:

| Stt | Danh mục                                       | Kinh phí     | Ghi chú |
|-----|--|--------------|---------|
| 1   | Thay đổi vị trí nhà hàng tại Khách sạn Hải Vân | 300.000.000đ |         |

Kính trình ĐHCĐ xem xét thông qua.

Trân trọng.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Chủ tịch HĐQT

Nơi nhận:

- HDQT, BKS;

- CĐ;

- Lưu: VP HDQT.



Trần Thiên Kim



## CÔNG TY CỔ PHẦN SÀI GÒN HÒA XA

275C Phạm Ngũ Lão, Q.1, TP. Hồ Chí Minh

Số ĐKKD: 0300481625 do Sở KH&ĐT TP.HCM cấp ngày 04/01/2005

Website: <http://www.saigonhoaxa.com.vn>

TP. Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 4 năm 2018

### TỜ TRÌNH SỐ 5

*V/v thông qua Báo cáo hoạt động năm 2017 của Hội đồng quản trị*

Kính gửi : ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG CÔNG TY CỔ PHẦN SÀI GÒN HÒA XA

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 được Quốc hội thông qua ngày 26/11/2014;
- Căn cứ Nghị định số 71/2017/NĐ-CP ngày 06/6/2017 của Chính phủ hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng cho các công ty đại chúng;
- Căn cứ Điều lệ của Công ty Cổ phần Sài Gòn Hòa Xa,

Hội đồng quản trị (HDQT) Công ty đề nghị Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) thông qua Báo cáo hoạt động năm 2017 của HDQT.

Kính trình ĐHĐCĐ xem xét thông qua.

Trân trọng.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

**Chủ tịch HDQT**

Nơi nhận:

- HDQT, BKS;

- CĐ;

- Lưu: VP HDQT.



**Trần Thiên Kim**



## CÔNG TY CỔ PHẦN SÀI GÒN HỎA XA

275C Phạm Ngũ Lão, Q.1, TP. Hồ Chí Minh

Số ĐKKD: 0300481625 do Sở KH&ĐT TP.HCM cấp ngày 04/01/2005

Website: <http://www.saigonhoaxa.com.vn>

TP. Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 4 năm 2018

### TỜ TRÌNH SỐ 6

V/v thông qua Báo cáo hoạt động năm 2017 của Ban kiểm soát

Kính gửi : ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG CÔNG TY CỔ PHẦN SÀI GÒN HỎA XA

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 được Quốc hội thông qua ngày 26/11/2014;
- Căn cứ Nghị định số 71/2017/NĐ-CP ngày 06/6/2017 của Chính phủ hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng cho các công ty đại chúng;
- Căn cứ Điều lệ của Công ty Cổ phần Sài Gòn Hỏa xa,

Hội đồng quản trị (HDQT) Công ty đề nghị Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) thông qua Báo cáo hoạt động năm 2017 của Ban kiểm soát (BKS).

Kính trình HĐQT xem xét thông qua.

Trân trọng.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

**Chủ tịch HĐQT**

Nơi nhận:

- HDQT, BKS;
- CĐ;
- Lưu: VP HĐQT.



**Trần Thiên Kim**



## CÔNG TY CỔ PHẦN SÀI GÒN HÒA XA

275C Phạm Ngũ Lão, Q.1, TP. Hồ Chí Minh

Số ĐKKD: 0300481625 do Sở KH&ĐT TP.HCM cấp ngày 04/01/2005

Website: <http://www.saigonhoaxa.com.vn>

TP. Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 4 năm 2018

### TỜ TRÌNH SỐ 7

*V/v thông qua Báo cáo tài chính năm 2017 đã được kiểm toán*

Kính gửi : ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG CÔNG TY CỔ PHẦN SÀI GÒN HÒA XA

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 được Quốc hội thông qua ngày 26/11/2014;

- Căn cứ Nghị định số 71/2017/NĐ-CP ngày 06/6/2017 của Chính phủ hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng cho các công ty đại chúng;

- Căn cứ Điều lệ của Công ty Cổ phần Sài Gòn Hòa Xa,

Hội đồng quản trị (HDQT) Công ty đề nghị Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) thông qua Báo cáo tài chính năm 2017 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A & C.

Kính trình ĐHĐCĐ xem xét thông qua.

Trân trọng.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

**Chủ tịch HDQT**

Nơi nhận:

- HDQT, BKS;

- CĐ;

- Lưu: VP HDQT.



**Trần Thiên Kim**

**CÔNG TY CỔ PHẦN SÀI GÒN HÒA XÀ**

275C Phạm Ngũ Lão, Q.1, TP. Hồ Chí Minh

Số ĐKKD: 4013003015 do Sở KH&amp;ĐT TP.HCM cấp ngày 04/01/2005

Website: <http://www.saigonhoaxa.com.vn>

TP. Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 4 năm 2018

**TỜ TRÌNH SỐ 8**  
**V/v phân phối lợi nhuận năm 2017**

Kính gửi : ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG CÔNG TY CỔ PHẦN SÀI GÒN HÒA XÀ

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp được Quốc hội nước CHXHCNVN thông qua ngày 26/11/2014;
- Căn cứ Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành;
- Căn cứ Điều lệ của Công ty Cổ phần Sài Gòn Hòa Xà;
- Căn cứ Báo cáo tài chính năm 2017 do Công ty Cổ phần Sài Gòn Hòa Xà (Công ty) lập và được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C,

Hội đồng quản trị (HDQT) Công ty đề nghị việc phân phối lợi nhuận (LN) năm 2017 như sau:

|  | Đơn vị tính: đồng |
|--|-------------------|
| 1. LN sau thuế năm 2017:                               | 3.267.604.140     |
| 2. Chênh lệch tỷ giá của các năm trước được chia:      | 26.620.359        |
| 3. LN thực tế để phân phối:                            | 3.294.224.499     |
| - Quỹ đầu tư phát triển: (tương đương 84% LN thực tế): | 2.833.034.499     |
| - Quỹ khen thưởng (tương đương 7% LN thực tế):         | 230.595.000       |
| - Quỹ phúc lợi (tương đương 7% LN thực tế):            | 230.595.000       |

Do tình hình về vốn kinh doanh, đầu tư khó khăn, nên phần dự định để chia cổ tức sẽ được để lại và đưa vào Quỹ đầu tư phát triển.

Quỹ khen thưởng, quỹ phúc lợi được giao cho Hội đồng quản trị quyết định và chỉ đạo việc sử dụng theo đúng quy định của pháp luật để chi cho các khoản khen thưởng, phúc lợi đối với người lao động.

Các mục phân phối trên đã làm tròn số, số tiền lẻ được đưa vào Quỹ đầu tư phát triển.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua.

Trân trọng.

**Nơi nhận:**

- HDQT, Ban kiểm soát;
- Cổ đông;
- Lưu: VP HDQT.



Trần Thiên Kim



## CÔNG TY CỔ PHẦN SÀI GÒN HÒA XA

275C Phạm Ngũ Lão, Q.1, TP. Hồ Chí Minh

Số ĐKKD: 0300481625 do Sở KH&ĐT TP.HCM cấp ngày 04/01/2005

Website: <http://www.saigonhoaxa.com.vn>

TP. Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 4 năm 2018

### TỜ TRÌNH SỐ 9

V/v phương án lương, thù lao Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát

Kính gửi: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG CÔNG TY CỔ PHẦN SÀI GÒN HÒA XA

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 được Quốc hội thông qua ngày 26/11/2014;

- Căn cứ Điều lệ của Công ty Cổ phần Sài Gòn Hòa Xa,

Hội đồng quản trị (HĐQT) Công ty đề nghị Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) thông qua thù lao của HĐQT và lương, thù lao của Ban kiểm soát (BKS) như sau:

#### 1. Thù lao của HĐQT:

a. Chủ tịch HĐQT: 5.000.000đ/tháng;

b. Thành viên HĐQT: 3.000.000đ/tháng/người

#### 2. Lương và thù lao BKS:

a. Trưởng BKS:

- Lương chuyên trách: 10.500.000đ/tháng;

- Phụ cấp cho các ngày lễ tết: 03 tháng lương chuyên trách/năm

- Lợi ích khác: Theo mức chung của người lao động tại Văn phòng Công ty.

b. Thành viên BKS

- Thù lao: 2.000.000đ/tháng/người.

Mức thù lao này được áp dụng kể từ khi được ĐHĐCĐ thông qua cho tới khi có quyết định khác của ĐHĐCĐ.

Kính trình ĐHĐCĐ xem xét thông qua.

Trân trọng.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Chủ tịch HĐQT

Nơi nhận:

- HĐQT, BKS;

- CĐ;

- Lưu: VP HĐQT.



Trần Thiên Kim



## CÔNG TY CỔ PHẦN SÀI GÒN HÒA XA

275C Phạm Ngũ Lão, Q.1, TP. Hồ Chí Minh

Số ĐKKD: 0300481625 do Sở KH&ĐT TP.HCM cấp ngày 04/01/2005

Website: <http://www.saigonhoaxa.com.vn>

TP. Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 4 năm 2018

### TỜ TRÌNH SỐ 10

*V/v phê chuẩn công ty kiểm toán thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2018*

Kính gửi: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG CÔNG TY CỔ PHẦN SÀI GÒN HÒA XA

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 được Quốc hội thông qua ngày 26/11/2014;

- Căn cứ Điều lệ hiện hành của Công ty Cổ phần Sài Gòn Hòa Xa (Công ty);
- Căn cứ Nghị định số 71/2017/NĐ-CP ngày 06/6/2017 của Chính phủ hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng cho các công ty đại chúng,

Theo Nghị định số 71/2017/NĐ-CP của Chính phủ ngày 06 tháng 06 năm 2017, Ban kiểm soát (BKS) có quyền lựa chọn và đề nghị Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) phê chuẩn tổ chức kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính (BCTC) của Công ty.

BKS kính trình HĐQT xem xét thông qua việc lựa chọn công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán BCTC năm 2018 của Công ty như sau:

#### 1. Tiêu thức lựa chọn công ty kiểm toán độc lập:

- Là công ty kiểm toán có trong danh sách được UBCKNN chấp thuận kiểm toán cho các công ty có lợi ích công chúng;
- Là công ty kiểm toán có trình độ và nhiều kinh nghiệm;
- Có uy tín về chất lượng kiểm toán;
- Không có xung đột về lợi ích với Công ty khi thực hiện kiểm toán BCTC của Công ty;
- Có mức chi phí kiểm toán hợp lý, phù hợp với nội dung, phạm vi và tiến độ kiểm toán do Công ty yêu cầu.

#### 2. Công ty kiểm toán được đề xuất.

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C

Địa chỉ: 02 Trường Sơn, Q. Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

Kính trình HĐQT xem xét thông qua.

Trân trọng.

**TM. BAN KIỂM SOÁT**

**Trưởng BKS**

**Huỳnh Thị Đào**

Nơi nhận:

- HĐQT, BKS;
- CĐ;
- Lưu: VP HĐQT.



## CÔNG TY CỔ PHẦN SÀI GÒN HỎA XA

275C Phạm Ngũ Lão, Q.1, TP. Hồ Chí Minh

Số ĐKKD: 0300481625 do Sở KH&ĐT TP.HCM cấp ngày 04/01/2005

Website: <http://www.saigonhoaxa.com.vn>

TP.Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 4 năm 2018

### **DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2018 CÔNG TY CỔ PHẦN SÀI GÒN HỎA XA**

#### **ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG CÔNG TY CỔ PHẦN SÀI GÒN HỎA XA**

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 được Quốc hội thông qua ngày 26/11/2014;
- Căn cứ Điều lệ của Công ty Cổ phần Sài Gòn Hỏa xa;
- Căn cứ kết quả biểu quyết thông qua các tờ trình tại Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) thường niên năm 2018 ngày 27/4/2018,

#### **QUYẾT NGHỊ:**

**Điều 1.** Thông qua Quy chế nội bộ về quản trị công ty (đính kèm).

**Điều 2.** Thông qua Điều lệ Công ty Cổ phần Sài Gòn Hỏa xa (đính kèm).

**Điều 3.** Thông qua kết quả kinh doanh năm 2017 với các chỉ tiêu như sau:

- Doanh thu: 993.339.503.111đ
- Lợi nhuận (LN) trước thuế: 4.654.580.606đ
- LN sau thuế: 3.267.604.140đ

**Điều 4.** Thông qua kế hoạch năm 2018 như sau:

#### **1. Kế hoạch SXKD**

| Stt | Chỉ tiêu             | Kế hoạch         | Ghi chú |
|-----|----------------------|------------------|---------|
| 1   | Doanh thu            | 240.000.000.000đ |         |
| 2   | Lợi nhuận trước thuế | 2.250.000.000đ   |         |
| 3   | Lợi nhuận sau thuế   | 1.800.000.000đ   |         |

#### **2. Kế hoạch đầu tư, sửa chữa:**

| Stt | Danh mục                                       | Kinh phí     | Ghi chú |
|-----|--|--------------|---------|
| 1   | Thay đổi vị trí nhà hàng tại Khách sạn Hải Vân | 300.000.000đ |         |



**Điều 5.** Thông qua Báo cáo tài chính năm 2017 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A & C.

**Điều 6.** Thông qua Báo cáo hoạt động năm 2017 của Hội đồng quản trị (HĐQT).

**Điều 7.** Thông qua Báo cáo hoạt động năm 2017 của Ban kiểm soát (BKS).

**Điều 8.** Thông qua việc phân phối lợi nhuận (LN) năm 2017 như sau:

*Đơn vị tính: đồng*

|  |               |
|--|---------------|
| 1. LN sau thuế năm 2017:                               | 3.267.604.140 |
| 2. Chênh lệch tỷ giá của các năm trước được chia:      | 26.620.359    |
| 3. LN thực tế để phân phối:                            | 3.294.224.499 |
| - Quỹ đầu tư phát triển: (tương đương xx% LN thực tế): | 2.833.034.499 |
| - Quỹ khen thưởng (tương đương 7% LN thực tế):         | 230.595.000   |
| - Quỹ phúc lợi (tương đương 7% LN thực tế):            | 230.595.000   |

Do tình hình về vốn kinh doanh, đầu tư khó khăn, nên phần dự định để chia cổ tức sẽ được để lại và đưa vào Quỹ đầu tư phát triển.

Quỹ khen thưởng, quỹ phúc lợi được giao cho Hội đồng quản trị quyết định và chỉ đạo việc sử dụng theo đúng quy định của pháp luật để chi cho các khoản khen thưởng, phúc lợi đối với người lao động.

Các mục phân phối trên đã làm tròn số, số tiền lẻ được đưa vào Quỹ đầu tư phát triển.

**Điều 9.** Thông qua thù lao của HĐQT và lương, thù lao của Ban kiểm soát (BKS) như sau:

**1. Thù lao của HĐQT:**

- a. Chủ tịch HĐQT: 5.000.000đ/tháng;
- b. Thành viên HĐQT: 3.000.000đ/tháng/người

**2. Lương và thù lao BKS:**

- a. Trưởng BKS:
  - Lương chuyên trách: 10.500.000đ/tháng;
  - Phụ cấp cho các ngày lễ tết: 03 tháng lương chuyên trách/năm
  - Lợi ích khác: Theo mức chung của người lao động tại Văn phòng Công ty.
- b. Thành viên BKS
  - Thù lao: 2.000.000đ/tháng/người.

Mức thù lao này được áp dụng kể từ khi được ĐHĐCĐ thông qua cho tới khi có quyết định khác của ĐHĐCĐ

**Điều 10.** Phê chuẩn đơn vị kiểm toán độc lập sau đây để thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2018 của Công ty:

Công ty TNHH Tư vấn và Kiểm toán A & C

Địa chỉ: 02 Trường Sơn, Q. Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

**Điều 11.** Giao cho HĐQT triển khai, tổ chức, chỉ đạo việc thực hiện Nghị quyết này.

**Điều 12.** Giao cho BKS giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

**TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG**

**Chủ tọa**

*Nơi nhận:*

- HĐQT, BKS;
- CĐ;
- Lưu: VP HĐQT.

**CÔNG TY CỔ PHẦN SÀI GÒN HÒA XA**

CS 000 80

**QUY CHẾ NỘI BỘ VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY**

*(Đính kèm Nghị quyết ngày 27/4/2018 của ĐHĐCĐ thường niên năm 2018)*

*TP. Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 4 năm 2018*

## **Căn cứ:**

- Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2014
- Luật Chứng khoán số 70/2006/QH11 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 29 tháng 06 năm 2006 và Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán số 62/2010/QH12 ngày 24 tháng 11 năm 2010.
- Nghị định số 71/2017/NĐ-CP ngày 06/6/2017 của Chính phủ hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng.
- Thông tư 95/2017/TT-BTC ngày 22/9/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều của Nghị định số 71/2017/NĐ-CP ngày 06/6/2017 của Chính phủ hướng dẫn về quản trị Công ty áp dụng đối với công ty đại chúng.
- Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty Cổ phần Sài Gòn Hỏa xa được sửa đổi bổ sung ngày 23 tháng 6 năm 2012.

Quy chế quản trị Công ty này được thông qua theo Nghị quyết của ĐHĐCĐ ngày 27 tháng 4 năm 2018.

## **Chương I: QUY ĐỊNH CHUNG**

### **Điều 1. Ý nghĩa và phạm vi điều chỉnh**

Quy chế này được xây dựng theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, tuân thủ nguyên tắc và quy định hiện hành về quản trị công ty. Quy chế này được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty Cổ phần Sài Gòn Hỏa xa.

Quy chế này quy định những nguyên tắc cơ bản về quản trị công ty để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của cổ đông, thiết lập những chuẩn mực về hành vi, đạo đức nghề nghiệp của các thành viên Hội đồng quản trị, Ban điều hành, Ban kiểm soát và cán bộ quản lý khác của Công ty Cổ phần Sài Gòn Hỏa xa.

### **Điều 2. Giải thích thuật ngữ và chữ viết tắt**

1. Những từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:
  - a. “Quản trị công ty” là hệ thống các quy tắc để đảm bảo cho Công ty được định hướng điều hành và được kiểm soát một cách có hiệu quả vì quyền lợi của cổ đông và những người liên quan đến Công ty. Các nguyên tắc quản trị Công ty nhằm mục đích:
    - Đảm bảo một cơ cấu quản trị hiệu quả;
    - Đảm bảo quyền lợi của cổ đông;
    - Đối xử công bằng giữa các cổ đông;
    - Đảm bảo vai trò của những người có quyền lợi liên quan đến Công ty;
    - Minh bạch trong hoạt động của Công ty;
    - Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát lãnh đạo và kiểm soát Công ty có hiệu quả.
  - b. “Công ty” được hiểu là Công ty Cổ phần Sài Gòn Hỏa xa;
  - c. “Người có liên quan” là cá nhân hoặc tổ chức được quy định trong khoản 17 Điều 4 Luật Doanh nghiệp và khoản 34 Điều 6 của Luật Chứng khoán;
  - d. Thành viên Hội đồng quản trị không điều hành là thành viên Hội đồng quản trị không phải là Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và các thành viên khác trong Ban điều hành. theo khoản 6 Điều 2 Nghị định 71/2017/NĐ-CP;

e. Thành viên Hội đồng quản trị độc lập là thành viên Hội đồng quản trị đáp ứng các điều kiện quy định tại Khoản 2 Điều 151 Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2014;

f. Những chữ viết tắt:

- ĐHĐCĐ: Đại hội đồng cổ đông
- HĐQT: Hội đồng quản trị
- BKS: Ban kiểm soát
- Luật Doanh nghiệp: Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2014.

2. Trong Quy chế này, các tham chiếu tới một hoặc một số điều khoản hoặc văn bản pháp luật sẽ bao gồm cả những sửa đổi bổ sung hoặc văn bản thay thế các văn bản đó.

3. Các tiêu đề (Chương, Điều của Quy chế này) được sử dụng nhằm thuận tiện cho việc hiểu nội dung và không ảnh hưởng tới nội dung của Quy chế này.

## **Chương II: TRÌNH TỰ, THỦ TỤC VỀ TRIỆU TẬP VÀ BIỂU QUYẾT TẠI ĐHĐCĐ**

### **Điều 3. Cuộc họp ĐHĐCĐ thường niên, bất thường**

Công ty quy định về trình tự, thủ tục triệu tập và biểu quyết tại ĐHĐCĐ theo quy định của Luật Doanh nghiệp, các văn bản pháp luật liên quan và Điều lệ Công ty, gồm các nội dung chính sau:

1. Thông báo về việc chốt danh sách cổ đông có quyền tham dự họp ĐHĐCĐ.
2. Thông báo triệu tập ĐHĐCĐ.
3. Cách thức đăng ký tham dự ĐHĐCĐ.
4. Cách thức bỏ phiếu.
5. Cách thức kiểm phiếu, đối với những vấn đề mà cổ đông có yêu cầu và HĐQT xét thấy cần thiết thì Công ty sẽ chỉ định tổ chức trung lập thực hiện việc thu thập và kiểm phiếu.
6. Thông báo kết quả kiểm phiếu.
7. Cách thức phản đối nghị quyết của ĐHĐCĐ.
8. Lập biên bản ĐHĐCĐ.
9. Công bố nghị quyết ĐHĐCĐ ra công chúng.
10. Các vấn đề khác.

### **Điều 4. Thông báo về việc chốt danh sách cổ đông có quyền tham dự họp ĐHĐCĐ**

1. Công ty công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp ĐHĐCĐ tối thiểu 20 (hai mươi) ngày trước ngày đăng ký cuối cùng theo khoản 1 Điều 8 Nghị định 71/2017/NĐ-CP. Việc công bố thông tin được thực hiện theo quy định tại Điều 8 và Điều 9 Thông tư số 155/2015/TT-BTC.

2. Người triệu tập ĐHĐCĐ phải chuẩn bị danh sách các cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại Đại hội không sớm hơn 05 (năm) ngày làm việc trước ngày gửi giấy mời họp ĐHĐCĐ theo khoản 1 Điều 137 Luật Doanh nghiệp.

3. Danh sách cổ đông có quyền dự họp ĐHĐCĐ được lập dựa trên sổ đăng ký cổ đông của Công ty. Danh sách cổ đông có quyền dự họp ĐHĐCĐ được lập khi có quyết định triệu tập và phải lập xong chậm nhất 15 (mười lăm) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp ĐHĐCĐ.

4. Các vấn đề khác liên quan đến danh sách cổ đông có quyền dự họp ĐHĐCĐ thực hiện theo quy định tại Điều lệ Công ty.

### **Điều 5. Thông báo triệu tập ĐHĐCĐ**

Người triệu tập ĐHĐCĐ phải thực hiện những nhiệm vụ sau đây:

1. Chuẩn bị danh sách các cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại ĐHĐCĐ theo quy định tại Khoản 2 Điều 4 Quy chế này; chương trình họp, các tài liệu theo quy định phù hợp với luật pháp và các quy định của Công ty.
2. Xác định thời gian và địa điểm tổ chức Đại hội.
3. Thông báo và gửi thông báo mời họp đến tất cả các cổ đông trong Danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất 10 (mười) ngày trước ngày khai mạc và thực hiện công bố thông tin theo quy định tại Điều 8 và Điều 9 Thông tư số 155/2015/TT-BTC. Thông báo mời họp ĐHĐCĐ được thực hiện theo cách thức quy định tại Điều 29 Điều lệ Công ty.

### **Điều 6. Cách thức đăng ký tham dự ĐHĐCĐ**

Công ty có trách nhiệm tổ chức đăng ký cổ đông vào ngày tổ chức ĐHĐCĐ theo đúng quy định tại khoản 5 Điều 29 Điều lệ Công ty.

### **Điều 7. Cách thức bỏ phiếu**

1. Cổ đông lựa chọn ý kiến biểu quyết nào thì ký tên vào ô tương ứng trên Thẻ biểu quyết và/ hoặc Phiếu biểu quyết. Trường hợp cổ đông thay đổi ý kiến biểu quyết thì cổ đông gạch chéo vào ô đã ký, sau đó ký lại vào ô khác.

2. Các cổ đông, người được cổ đông ủy quyền tham dự trực tiếp họp ĐHĐCĐ bỏ phiếu tại cuộc họp.

3. Các cổ đông không tham dự trực tiếp cũng như không ủy quyền cho người khác tham dự thay thì có thể gửi phiếu biểu quyết về Công ty bằng hình thức Biểu quyết từ xa; thư đến muộn khi cuộc họp ĐHĐCĐ chưa kết thúc Ban kiểm phiếu phải thực hiện việc tiếp nhận ngay (sau khi được Trưởng Ban tổ chức chuyển cho) và đưa vào để kiểm đếm tại Đại hội. Chủ tọa không có trách nhiệm dừng Đại hội để phục vụ công tác này và hiệu lực của các đợt biểu quyết đã tiến hành sẽ không bị ảnh hưởng. Thời hạn cho việc nhận Phiếu biểu quyết từ xa là từ khi cổ đông nhận được Thông báo mời họp cho đến khi các nội dung biểu quyết tại Đại hội đã kết thúc theo Chương trình nghị sự được thông qua. Trong trường hợp này, phiếu Biểu quyết từ xa (sau khi cổ đông đã lựa chọn ý kiến biểu quyết) cùng với Thông báo mời họp được bỏ vào một phong bì thư dán kín, bên ngoài ghi thông tin cổ đông gửi (tên, địa chỉ) và dòng chữ “Phiếu biểu quyết” và được gửi về Trưởng Ban tổ chức Đại hội của Công ty bằng hình thức Biểu quyết từ xa. Khi kiểm phiếu, phiếu Biểu quyết từ xa sẽ được đóng dấu “BỎ PHIẾU TỪ XA” để phân biệt với các phiếu biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp và có giá trị như các phiếu biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp.

4. Hình thức của Thẻ biểu quyết và phiếu biểu quyết như sau:

- Có đóng dấu treo (bản gốc) của Công ty;
- Mã số biểu quyết;
- Tên cổ đông;
- Số cổ phần sở hữu;
- Nội dung cần biểu quyết;
- Các ô thể hiện ý kiến biểu quyết (tán thành, không tán thành, không có ý kiến).

5. Thẻ biểu quyết, Phiếu biểu quyết không hợp lệ khi thuộc một trong các trường hợp sau:

- Không theo mẫu do Ban tổ chức phát ra và không phải là bản gốc có dấu của Công ty;
- Bị rách, gach, tẩy xóa, sửa chữa, trừ trường hợp thay đổi ý kiến biểu quyết được quy định ở trên;
- Ghi thêm những thông tin khác, thêm ký hiệu;
- Không thể hiện rõ ràng ý kiến của cổ đông, không ký tên ý kiến nào hoặc ký tên từ 2 ý kiến trở lên đối với nội dung cần lấy ý kiến; biểu quyết nào mà có vi phạm nêu trên thì phần biểu quyết đối với nội dung đó là không hợp lệ;
- Không gửi về Công ty theo đúng quy định tại Quy chế này (đối với trường hợp biểu quyết bằng hình thức bỏ phiếu từ xa).

6. Việc biểu quyết đối với từng nội dung cần thông qua trong Thẻ biểu quyết, Phiếu biểu quyết là độc lập với nhau và tính hợp lệ của phần biểu quyết nội dung này không làm ảnh hưởng đến tính hợp lệ của các nội dung biểu quyết khác.

7. Trường hợp cổ đông đã đăng ký tham dự Đại hội nhưng vì lý do quan trọng không thể có mặt đến hết chương trình Đại hội, cổ đông đó phải gửi lại Thẻ biểu quyết và/hoặc Phiếu biểu quyết đã biểu quyết các vấn đề cần lấy ý kiến cho Ban kiểm phiếu trước khi ra về.

8. Thời gian bỏ phiếu được tính từ khi Chủ tọa thông báo bắt đầu bỏ phiếu cho đến khi không còn cổ đông/người được ủy quyền nào bỏ phiếu vào thùng phiếu hoặc sau 10 (mười) phút kể từ khi Ban kiểm phiếu thông báo bỏ phiếu lần cuối cùng, tùy theo điều kiện nào đến trước.

### **Điều 8. Cách thức kiểm phiếu tại ĐHĐCĐ**

1. Ban kiểm phiếu có trách nhiệm lập Biên bản kiểm phiếu biểu quyết và/hoặc thẻ biểu quyết theo nội dung điểm g khoản 1 Điều 146 Luật Doanh nghiệp.

2. Trong trường hợp lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản, HĐQT tổ chức kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của BKS hoặc của cổ đông không nắm giữ chức vụ quản lý Công ty.

Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

- a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, nơi đăng ký kinh doanh;
- b. Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua nghị quyết;
- c. Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số biểu quyết không hợp lệ và phương thức gửi biểu quyết, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết;
- d. Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề;
- e. Các vấn đề đã được thông qua;
- f. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch HĐQT, người đại diện theo pháp luật của Công ty, người giám sát kiểm phiếu và người kiểm phiếu.

Các thành viên HĐQT, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.

### **Điều 9. Thông báo kết quả kiểm phiếu**

1. Chủ tọa sẽ công bố kết quả kiểm phiếu từng vấn đề sau khi tiến hành biểu quyết theo khoản 10 Điều 29 Điều lệ Công ty.

2. Trường hợp lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản, Biên bản kết quả kiểm phiếu phải được gửi đến các cổ đông trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu. Công ty phải công bố thông tin theo quy định hiện hành của pháp luật.

### **Điều 10. Cách thức phản đối quyết định của ĐHĐCĐ**

Cổ đông phản đối nghị quyết của ĐHĐCĐ theo quy định tại Điều lệ Công ty và Luật doanh nghiệp.

### **Điều 11. Lập biên bản họp ĐHĐCĐ**

1. Biên bản họp ĐHĐCĐ phải làm xong và thông qua trước khi bế mạc cuộc họp.
2. Nội dung Biên bản họp ĐHĐCĐ theo quy định tại Điều 146 Luật Doanh nghiệp.
3. Chủ tọa và thư ký cuộc họp phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.

Biên bản họp ĐHĐCĐ phải được công bố theo quy định của pháp luật và được gửi đến tất cả cổ đông trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày bế mạc cuộc họp. Việc gửi biên bản kiểm phiếu có thể thay thế bằng việc đăng tải lên trang thông tin điện tử của công ty (nếu có) theo khoản 3 Điều 146 Luật Doanh nghiệp

Biên bản họp ĐHĐCĐ, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp, toàn văn nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo thông báo mời họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

### **Điều 12. Công bố Nghị quyết ĐHĐCĐ**

Nghị quyết ĐHĐCĐ phải được công bố thông tin theo quy định của pháp luật.

Nghị quyết của ĐHĐCĐ phải được thông báo đến cổ đông có quyền dự họp ĐHĐCĐ trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nghị quyết được thông qua; trường hợp Công ty có trang thông tin điện tử, việc gửi nghị quyết có thể thay thế bằng việc đăng tải lên trang thông tin điện tử của Công ty theo khoản 5 Điều 144 Luật Doanh nghiệp.

### **Điều 13. Báo cáo hoạt động của HĐQT tại ĐHĐCĐ thường niên**

Báo cáo hoạt động của HĐQT tại cuộc họp ĐHĐCĐ thường niên theo quy định tại Điều 9 Nghị định 71/2017/NĐ-CP.

### **Điều 14. Báo cáo hoạt động của BKS tại ĐHĐCĐ thường niên**

Báo cáo hoạt động của BKS tại cuộc họp ĐHĐCĐ thường niên theo quy định tại Điều 10 Nghị định 71/2017/NĐ-CP.

### **Điều 15. Thủ tục lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản**

1. HĐQT có quyền lấy ý kiến của cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của ĐHĐCĐ nếu xét thấy vì lợi ích của Công ty.
2. Trình tự, thủ tục lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản:
  - a. HĐQT phải chuẩn bị Phiếu lấy ý kiến, dự thảo Nghị quyết của ĐHĐCĐ và các tài liệu giải trình dự thảo Nghị quyết.
  - b. Thông báo về việc chốt danh sách cổ đông để thực hiện lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản theo quy định tại khoản 1 Điều 4 Quy chế này.
  - c. Lập danh sách cổ đông để thực hiện lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản theo quy định tại



khoản 2, khoản 3 Điều 4 Quy chế này.

d. Gửi tài liệu và Phiếu lấy ý kiến cho cổ đông.

Chậm nhất 10 (mười) ngày trước thời hạn gửi lại phiếu lấy ý kiến, HĐQT phải công bố thông tin, đồng thời gửi cho tất cả các cổ đông phiếu lấy ý kiến, dự thảo Nghị quyết ĐHĐCĐ và tài liệu giải trình dự thảo Nghị quyết. Yêu cầu, việc công bố thông tin và cách thức gửi phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo được thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 5 Quy chế này và Điều 31 Điều lệ Công ty.

e. Nhận phiếu lấy ý kiến gửi về của cổ đông.

Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, của người đại diện theo ủy quyền hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức.

Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu. Các phiếu lấy ý kiến Công ty nhận được sau thời hạn đã xác định tại nội dung Phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở đều không hợp lệ. Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được coi là phiếu không tham gia biểu quyết.

f. Kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu

HĐQT tổ chức kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của BKS hoặc của cổ đông không nắm giữ chức vụ quản lý Công ty.

3. Nghị quyết của ĐHĐCĐ và biên bản kiểm phiếu phải được công bố thông tin theo quy định của pháp luật và gửi đến cổ đông trong vòng 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu. Việc gửi nghị quyết, biên bản kiểm phiếu có thể thay thế bằng việc đăng tải lên trang thông tin điện tử của Công ty.

4. Các trường hợp không được lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản

Ngoại trừ các vấn đề bắt buộc phải lấy ý kiến cổ đông tại cuộc họp ĐHĐCĐ theo quy định tại Điều 30 Điều lệ công ty, HĐQT có quyền tổ chức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua Nghị quyết của ĐHĐCĐ vì lợi ích của Công ty.

### **CHƯƠNG III: ĐỀ CỬ, ỨNG CỬ, BẦU, MIỄN NHIỆM VÀ BÃI NHIỆM THÀNH VIÊN HĐQT**

#### **Điều 16. Tiêu chuẩn thành viên HĐQT**

1. Thành viên HĐQT cần đáp ứng các tiêu chuẩn theo Điều 36 Điều lệ Công ty. Cơ cấu thành viên HĐQT cần đảm bảo theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 13 Nghị định 71/2017/NĐ-CP.

2. Thành viên HĐQT là những người không thuộc đối tượng mà pháp luật cấm làm thành viên HĐQT. Thành viên HĐQT có thể không phải là cổ đông của Công ty.

3. Trừ trường hợp pháp luật có quy định khác, Chủ tịch HĐQT có thể kiêm nhiệm chức Tổng giám đốc của Công ty nhưng phải được ĐHĐCĐ Công ty thông qua hằng năm.

#### **Điều 17. Cách thức cổ đông, nhóm cổ đông ứng cử, đề cử người vào vị trí thành viên HĐQT**

1. Các cổ đông, nhóm cổ đông có quyền gộp số quyền biểu quyết của từng người lại với nhau để đề cử các ứng viên HĐQT; nếu cổ đông có số cổ phần sở hữu hoặc được ủy quyền này gấp nhiều lần tỷ lệ 5% thì người đó được đề cử thêm số ứng viên tương ứng theo khoản 2 Điều 36 Điều lệ Công ty, cụ thể: Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 5% đến dưới 10% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử 01 (một) ứng viên; từ 10% đến dưới 15% được đề cử tối đa 02 (hai) ứng viên; từ 15% đến dưới 20% được đề cử tối đa 03 (ba) ứng viên; từ 20% đến dưới 25% được đề cử tối đa 04 (bốn) ứng viên; từ 25 % đến dưới 30% được đề cử tối đa 05 (năm) ứng

viên; từ 30 % đến dưới 35% được đề cử tối đa 06 (sáu) ứng viên; từ 35% đến dưới 40% được đề cử tối đa 07 (bảy) ứng viên.

2. Các cổ đông phổ thông họp thành nhóm để đề cử người vào HĐQT và BKS phải thông báo về việc họp nhóm cho các cổ đông dự họp biết trước khi khai mạc ĐHĐCĐ;

3. Trường hợp số lượng các ứng viên HĐQT thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết theo quy định tại khoản 4 Điều 114 Luật Doanh nghiệp, HĐQT đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng cử viên đáp ứng tiêu chuẩn thành viên HĐQT để đảm bảo ít nhất bằng số thành viên HĐQT cần bầu. Việc HĐQT giới thiệu thêm ứng viên phải được công bố rõ ràng trước khi ĐHĐCĐ biểu quyết bầu thành viên HĐQT theo quy định pháp luật.

### **Điều 18. Cách thức bầu thành viên HĐQT**

1. Việc biểu quyết bầu thành viên HĐQT thực hiện theo thể thức bỏ phiếu kín theo khoản 1 Điều 38 Điều lệ và phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của HĐQT, cổ đông có quyền dồn hết tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên.

2. Việc xem xét người trúng cử được thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 144 Luật Doanh nghiệp.

### **Điều 19. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên HĐQT**

Thành viên HĐQT không còn tư cách thành viên HĐQT, bị miễn nhiệm, bị bãi nhiệm trong các trường hợp quy định tại Điều 42 Điều lệ Công ty và Điều 156 Luật Doanh nghiệp.

### **Điều 20. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên HĐQT**

Việc bỏ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm các thành viên HĐQT phải được công bố thông tin theo các quy định của pháp luật về doanh nghiệp, chứng khoán.

### **Điều 21. Cách thức giới thiệu ứng viên thành viên HĐQT**

1. Trường hợp đã xác định được trước các ứng viên, thông tin liên quan đến các ứng viên HĐQT được công bố tối thiểu (10) mười ngày trước ngày khai mạc ĐHĐCĐ trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng viên này trước khi bỏ phiếu; ứng viên HĐQT phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác và hợp lý của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, trung thành, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của Công ty nếu được bầu làm thành viên HĐQT. Thông tin liên quan đến các ứng viên HĐQT được công bố tối thiểu bao gồm:

- Họ tên, ngày tháng năm sinh;
- Trình độ chuyên môn;
- Quá trình công tác;
- Tên các công ty mà ứng viên đang nắm giữ chức vụ thành viên HĐQT và các chức danh quản lý khác;
- Các lợi ích có liên quan tới Công ty (nếu có);
- Họ tên của cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử ứng viên đó (nếu có);
- Các thông tin khác (nếu có).

2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông muốn đề cử người hoặc ứng cử vào thành viên HĐQT theo quy định tại khoản 1 Điều 17 Quy chế này và phải nộp đầy đủ hồ sơ theo mẫu của Công ty tại từng thời điểm, như Giấy đề cử/ ứng cử, Sơ yếu lý lịch ứng cử viên, ....

## CHƯƠNG IV: TRÌNH TỰ VÀ THỦ TỤC TỔ CHỨC HỌP HĐQT

### Điều 22. Các hình thức lấy ý kiến HĐQT

1. HĐQT có quyền thông qua quyết định bằng cách biểu quyết hoặc bỏ phiếu kín tại cuộc họp, lấy ý kiến bằng văn bản có chữ ký của tất cả các thành viên HĐQT hoặc bằng cách hỏi ý kiến thông qua thư tín, qua fax.
2. Thành viên HĐQT được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau đây:
  - a. Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp bằng hình thức biểu quyết hoặc bỏ phiếu kín;
  - b. Ủy quyền cho người khác đến dự họp nếu được đa số thành viên HĐQT chấp thuận;
  - c. Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử.

### Điều 23. Thông báo họp HĐQT

1. Chủ tịch HĐQT hoặc người triệu tập họp HĐQT phải chuẩn bị hoặc tổ chức việc chuẩn bị các nội dung, chương trình, tài liệu phục vụ cuộc họp HĐQT, thời gian, địa điểm họp HĐQT.
2. Địa điểm họp HĐQT có thể tại trụ sở chính của Công ty hoặc một địa điểm khác do Chủ tịch HĐQT hoặc người triệu tập họp HĐQT quyết định.
3. Chủ tịch HĐQT hoặc người triệu tập họp HĐQT phải gửi thông báo mời họp chậm nhất 01 (một) ngày làm việc trước ngày họp. Thông báo mời họp phải xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định. Kèm theo thông báo phải có tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.

Thông báo mời họp được gửi bằng bưu điện, fax, thư điện tử hoặc phương tiện khác, nhưng phải bảo đảm đến được địa chỉ của từng thành viên HĐQT được đăng ký tại Công ty.

4. Chủ tịch HĐQT hoặc người triệu tập cuộc họp HĐQT phải gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến các thành viên BKS và Tổng giám đốc ( trong trường hợp TGD được yêu cầu tham dự họp) như đối với thành viên HĐQT.

### Điều 24. Điều kiện tổ chức họp HĐQT

1. Cuộc họp của HĐQT chỉ được tiến hành khi có ít nhất 3/4 (ba phần tư ) số thành viên HĐQT dự họp theo khoản 8 Điều 153 Luật doanh nghiệp. Thành viên HĐQT chỉ được ủy quyền cho thành viên HĐQT khác dự họp và phải được đa số thành viên HĐQT chấp thuận.
2. Trường hợp không đủ số thành viên dự họp theo quy định, cuộc họp phải được triệu tập lại trong thời hạn 07 (bảy) ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp triệu tập lại được tiến hành nếu có hơn 1/2 (một nửa) số thành viên HĐQT dự họp.

### Điều 25. Cách thức biểu quyết tại cuộc họp HĐQT

1. Trừ quy định khoản 2 Điều này, mỗi thành viên HĐQT dự họp hoặc người được ủy quyền trực tiếp có mặt tại cuộc họp HĐQT có 01 (một) phiếu biểu quyết .
2. Thành viên HĐQT không được biểu quyết đối với giao dịch mang lại lợi ích cho thành viên đó hoặc người có liên quan của thành viên đó theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty. Thành viên HĐQT không được tính vào số lượng đại biểu tối thiểu cần thiết có mặt để có thể tổ chức cuộc họp HĐQT về những quyết định mà thành viên đó không có quyền biểu quyết.
3. Theo quy định tại khoản 4 Điều này, khi có vấn đề phát sinh trong một cuộc họp của HĐQT liên quan đến lợi ích của thành viên HĐQT hoặc liên quan đến quyền biểu quyết của

thành viên HĐQT mà những vấn đề đó không được giải quyết bằng việc tự nguyện từ bỏ quyền biểu quyết của thành viên HĐQT có liên quan, những vấn đề phát sinh đó được chuyển tới cho chủ tọa cuộc họp quyết định. Phán quyết của chủ tọa liên quan đến vấn đề này có giá trị là quyết định cuối cùng trừ trường hợp tính chất hoặc phạm vi lợi ích của thành viên HĐQT liên quan chưa được công bố đầy đủ.

4. Thành viên HĐQT hưởng lợi từ một hợp đồng được quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 52 Điều lệ được coi là có lợi ích đáng kể trong hợp đồng đó.

5. Thành viên HĐQT trực tiếp hoặc gián tiếp được hưởng lợi từ một hợp đồng hoặc giao dịch đã được ký kết hoặc đang dự kiến ký kết với Công ty và biết bản thân là người có lợi ích trong đó có trách nhiệm công khai lợi ích này tại cuộc họp đầu tiên của Hội đồng thảo luận về việc ký kết hợp đồng hoặc giao dịch này. Trường hợp thành viên HĐQT không biết bản thân và người liên quan có lợi ích vào thời điểm hợp đồng, giao dịch được ký với Công ty, thành viên HĐQT này phải công khai các lợi ích liên quan tại cuộc họp đầu tiên của HĐQT được tổ chức sau khi thành viên này biết rằng mình có lợi ích hoặc sẽ có lợi ích trong giao dịch hoặc hợp đồng nêu trên.

## **Điều 26. Cách thức thông qua nghị quyết của HĐQT**

1. HĐQT thông qua các quyết định và ra nghị quyết trên cơ sở ý kiến tán thành của đa số thành viên HĐQT có quyền biểu quyết dự họp. Trường hợp số phiếu tán thành và phản đối ngang bằng nhau, phiếu biểu quyết của Chủ tịch HĐQT là phiếu quyết định.

2. Nghị quyết theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản được thông qua trên cơ sở ý kiến tán thành của đa số thành viên HĐQT có quyền biểu quyết. Nghị quyết này có hiệu lực và giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp.

## **Điều 27. Ghi biên bản họp HĐQT**

1. Các cuộc họp của HĐQT phải được ghi biên bản. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt và có thể bằng chữ nước ngoài, có các nội dung chủ yếu sau đây:

- a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp, ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, nơi đăng ký kinh doanh;
- b. Mục đích, chương trình và nội dung họp;
- c. Thời gian, địa điểm họp;
- d. Họ, tên từng thành viên dự họp hoặc người ủy quyền dự họp; họ tên các thành viên không dự họp và lý do;
- e. Các vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp;
- f. Tóm tắt phát biểu ý kiến của từng thành viên dự họp theo trình tự diễn biến của cuộc họp;
- g. Kết quả biểu quyết trong đó ghi rõ những thành viên tán thành, không tán thành và không có ý kiến;
- h. Các vấn đề đã được thông qua;
- i. Họ, tên, chữ ký của tất cả thành viên HĐQT tham dự họp trực tiếp hoặc đại diện theo ủy quyền dự họp và người ghi biên bản.

Chủ tọa và người ghi biên bản phải chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của nội dung biên bản họp HĐQT

2. Biên bản lập bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài có hiệu lực ngang nhau. Trường hợp sự có sự khác nhau về nội dung biên bản tiếng Việt và tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản tiếng Việt có hiệu lực áp dụng.

## **Điều 28. Thông báo Nghị quyết HĐQT**

1. Chủ tịch HĐQT có trách nhiệm chuyển biên bản họp HĐQT cho các thành viên và biên bản đó là bằng chứng xác thực về công việc đã được tiến hành trong các cuộc họp đó.
2. Biên bản họp HĐQT, Nghị quyết HĐQT và tài liệu sử dụng trong cuộc họp phải được lưu giữ theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

## **CHƯƠNG V: ĐỀ CỬ, ỨNG CỬ, BẦU, MIỄN NHIỆM VÀ BÃI NHIỆM KIỂM SOÁT VIÊN**

### **Điều 29. Tiêu chuẩn Kiểm soát viên**

Kiểm soát viên phải đáp ứng các tiêu chuẩn theo quy định tại Điều 54 Điều lệ Công ty, khoản 1 Điều 164 Luật Doanh nghiệp và không thuộc các trường hợp sau:

- a. Làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty;
- b. Là thành viên hay nhân viên của Công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty trong 03 (ba) năm liền trước đó.

### **Điều 30. Cách thức cổ đông, nhóm cổ đông ứng cử, đề cử người vào vị trí Kiểm soát viên theo quy định pháp luật và Điều lệ công ty**

Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông trong thời hạn liên tục ít nhất 06 tháng có quyền đề cử ứng viên Ban kiểm soát

1. Các cổ đông phổ thông họp thành nhóm để đề cử người vào HĐQT và BKS phải thông báo về việc họp nhóm cho các cổ đông dự họp biết trước khi khai mạc ĐHĐCĐ.
2. Trường hợp số lượng các ứng viên BKS thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết theo quy định tại khoản 4 Điều 114 Luật Doanh nghiệp, BKS đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng cử viên đáp ứng tiêu chuẩn thành viên BKS để đảm bảo ít nhất bằng số thành viên BKS cần bầu. Việc BKS giới thiệu thêm ứng viên phải được công bố rõ ràng trước khi ĐHĐCĐ biểu quyết bầu thành viên BKS theo quy định pháp luật.

### **Điều 31. Cách thức bầu Kiểm soát viên**

Việc bầu Kiểm soát viên thực hiện tương tự việc bầu thành viên HĐQT theo quy định tại Điều 18 Quy chế này.

### **Điều 32. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm Kiểm soát viên**

Thành viên BKS không còn tư cách Kiểm soát viên, bị miễn nhiệm, bị bãi nhiệm trong các trường hợp quy định tại Điều 169 Luật Doanh nghiệp.

### **Điều 33. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Kiểm soát viên**

Việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm các thành viên BKS phải được công bố thông tin theo các quy định của pháp luật về doanh nghiệp, chứng khoán

## **CHƯƠNG VI: LỰA CHỌN, BỔ NHIỆM VÀ MIỄN NHIỆM NGƯỜI ĐIỀU HÀNH DOANH NGHIỆP**

### **Điều 34. Các tiêu chuẩn của Người điều hành doanh nghiệp**

1. HĐQT sẽ quyết định bộ máy quản lý và tuyển dụng thành viên Ban điều hành. Tiêu chuẩn, số lượng thành viên Ban điều hành do HĐQT quyết định tùy theo từng thời điểm. Ban điều hành phải có sự miễn cán cần thiết để các hoạt động và tổ chức của Công ty đạt được các

mục tiêu đề ra.

2. Thành viên Ban điều hành phải đáp ứng các tiêu chuẩn theo quy định tại khoản 6 Điều 46 Điều lệ.

3. Tiêu chuẩn và điều kiện của Tổng giám đốc: Theo quy định tại Điều 65 Luật Doanh nghiệp và khoản 2 và khoản 5 Điều 46 Điều lệ.

4. Tùy theo giai đoạn phát triển của Công ty, HĐQT có thể điều chỉnh, bổ sung tiêu chuẩn và điều kiện của Tổng giám đốc, thành viên Ban điều hành.

### **Điều 35. Việc bổ nhiệm Người điều hành doanh nghiệp**

1. Tổng giám đốc do HĐQT thuê hoặc bổ nhiệm. Nhiệm kỳ của Tổng giám đốc do HĐQT quy định cụ thể không quá 05 (năm) năm và có thể được bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

2. Các cán bộ khác trong Ban điều hành do HĐQT thuê (bổ nhiệm) để giúp việc cho Tổng giám đốc theo từng khối công việc được phân công, chịu trách nhiệm trước pháp luật, HĐQT và quyết định đối với công việc được giao theo quy định tại khoản 6 Điều 46 Điều lệ. Nhiệm kỳ của các cán bộ khác trong Ban điều hành theo quyết định cụ thể của HĐQT.

### **Điều 36. Ký kết hợp đồng lao động với Người điều hành doanh nghiệp**

1. Chủ tịch HĐQT hoặc một thành viên HĐQT được Chủ tịch HĐQT ủy quyền sẽ ký kết hợp đồng lao động với thành viên Ban điều hành.

2. HĐQT có thể xem xét thêm các điều khoản và các điều kiện khác trong hợp đồng lao động với thành viên Ban điều hành nếu xét thấy cần thiết.

### **Điều 37. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm Người điều hành doanh nghiệp**

1. HĐQT có thể bãi nhiệm hoặc cách chức Tổng giám đốc nếu thuộc trường hợp theo Điều 50 Điều lệ Công ty.

2. Các Giám đốc nghiệp vụ và Kế toán trưởng trong Ban điều hành do HĐQT miễn nhiệm hoặc cách chức theo khoản 4 Điều 46 Điều lệ Công ty.

### **Điều 38. Thông báo bổ nhiệm, miễn nhiệm Người điều hành doanh nghiệp**

Việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm các thành viên Ban điều hành phải được công bố thông tin theo các quy định của pháp luật về doanh nghiệp, chứng khoán.

## **CHƯƠNG VI: PHỐI HỢP HOẠT ĐỘNG GIỮA HĐQT, BKS VÀ TỔNG GIÁM ĐỐC**

### **Điều 39. Thủ tục, trình tự triệu tập, thông báo mời họp, ghi biên bản, thông báo kết quả họp giữa HĐQT, BKS và Tổng giám đốc**

1. Thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo phải được gửi đến các Kiểm soát viên và Tổng giám đốc (trong trường hợp Tổng giám đốc được yêu cầu tham dự họp) cùng thời điểm và theo phương thức như đối với thành viên HĐQT.

2. Kiểm soát viên, Tổng giám đốc (nếu được yêu cầu) có quyền dự các cuộc họp của HĐQT; có quyền thảo luận, góp ý kiến nhưng không được biểu quyết.

### **Điều 40. Thông báo Nghị quyết của HĐQT cho BKS**

Các nghị quyết và biên bản họp của HĐQT phải được gửi đến cho các Kiểm soát viên cùng thời điểm và theo phương thức như đối với thành viên HĐQT.

## **Điều 41. Tổng giám đốc**

Các nghị quyết của HĐQT được gửi đến Tổng giám đốc cùng thời điểm và theo phương thức như đối với thành viên HĐQT.

## **Điều 42. Các trường hợp Tổng giám đốc và BKS đề nghị triệu tập họp HĐQT và những vấn đề cần xin ý kiến HĐQT**

### 1. Những trường hợp đề nghị triệu tập cuộc họp HĐQT

Khi phát sinh các sự việc ảnh hưởng đến hoạt động của Công ty hoặc xét thấy vì lợi ích của Công ty mà thuộc thẩm quyền quyết định của HĐQT, Tổng giám đốc và BKS đề nghị triệu tập họp HĐQT.

Đề nghị phải bằng văn bản, nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của HĐQT.

### 2. Những vấn đề cần xin ý kiến HĐQT

a. Tổng giám đốc quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức đối với các chức danh do Tổng giám đốc trực tiếp quản lý theo quy định tại điểm e khoản 2 Điều 37 Điều lệ Công ty;

b. Các công việc kinh doanh thuộc thẩm quyền của HĐQT theo quy định tại điểm j khoản 2 Điều 37 Điều lệ;

d. Các báo cáo, kết luận và kiến nghị của BKS trước khi trình lên ĐHĐCĐ theo quy định tại khoản 11 Điều 165 Luật doanh nghiệp;

e. Các vấn đề khác mà Tổng giám đốc nhận thấy cần thiết phải xin ý kiến của HĐQT hoặc HĐQT nhận thấy cần thiết phải tham gia ý kiến.

## **Điều 43. Báo cáo của Tổng giám đốc với HĐQT về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao**

Tổng giám đốc chịu trách nhiệm chỉ đạo lập báo cáo cho HĐQT định kỳ hàng năm về tình hình hoạt động và phương hướng thực hiện trong kỳ tới của Công ty.

## **Điều 44. Các vấn đề Tổng giám đốc phải báo cáo, cung cấp thông tin và cách thức thông báo cho HĐQT, BKS**

1. Tổng giám đốc chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của HĐQT. Cụ thể:

- Trường hợp khi thực hiện các nghị quyết, quyết định của HĐQT, phát hiện vấn đề không có lợi cho Công ty thì Tổng giám đốc điều hành phải báo cáo ngay với HĐQT để xem xét điều chỉnh lại nghị quyết, quyết định. Nếu HĐQT không điều chỉnh lại nghị quyết, quyết định thì Tổng giám đốc vẫn phải thực hiện, nhưng có quyền bảo lưu ý kiến và kiến nghị lên BKS Công ty.

- Ngoài những công việc phải trình HĐQT theo quy định pháp luật, Điều lệ công ty và khoản 2 Điều 42 Quy chế này, Tổng giám đốc có quyền chủ động điều hành hoạt động của Công ty theo quy định phân cấp và phù hợp với quy trình làm việc được HĐQT ban hành; quyết định các biện pháp vượt thẩm quyền của mình trong trường hợp khẩn cấp (thiên tai, chiến tranh, hỏa hoạn, sự cố...) và chịu trách nhiệm về các quyết định này, đồng thời báo cáo ngay cho HĐQT.

- Tổng giám đốc có nghĩa vụ thông báo cho HĐQT, BKS theo quy định tại khoản 3 Điều 24 Nghị định 71/2017/NĐ-CP các giao dịch giữa Công ty với Tổng giám đốc hoặc với những người có liên quan tới Tổng giám đốc theo quy định của pháp luật.

2. Báo cáo của Tổng giám đốc trình HĐQT hoặc tài liệu khác do công ty phát hành được gửi đến các Kiểm soát viên cùng thời điểm và theo phương thức như đối với thành viên HĐQT

theo quy định tại khoản 3 Điều 166 Luật Doanh nghiệp.

**Điều 45. Phối hợp hoạt động kiểm soát, điều hành, giám sát giữa các thành viên HĐQT, thành viên BKS, Tổng giám đốc và người điều hành doanh nghiệp khác**

1. Phối hợp hoạt động giữa HĐQT và Tổng giám đốc:

Trong trường hợp cấp thiết, HĐQT có quyền yêu cầu Tổng giám đốc, thành viên Ban điều hành khác trong Công ty cung cấp các thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, về hoạt động kinh doanh của Công ty theo quy định tại khoản 1 Điều 155 Luật Doanh nghiệp. HĐQT không được sử dụng các thông tin chưa được phép công bố của Công ty hoặc tiết lộ cho người khác để thực hiện các giao dịch có liên quan.

2. Phối hợp hoạt động giữa HĐQT và BKS:

a. HĐQT:

HQĐT gửi thông báo mời họp và các tài liệu liên quan cũng như thông báo kết quả cuộc họp HĐQT cho BKS theo quy định tại Điều 39 và Điều 40 Quy chế này.

b. BKS:

– Tham khảo ý kiến của HĐQT trước khi trình báo cáo, kết luận và kiến nghị lên ĐHĐCĐ;

– Các cuộc kiểm tra định kỳ, đột xuất của BKS phải có kết luận bằng văn bản gửi cho HĐQT để có thêm cơ sở giúp HĐQT trong công tác quản lý Công ty.

3. Mối quan hệ giữa HĐQT và BKS:

a. Khi thấy cần thiết phục vụ cho các công việc giám sát của mình, Trưởng BKS có quyền (hoặc cử thành viên khác của BKS bằng văn bản) tham dự các cuộc họp của HĐQT, trong cuộc họp có quyền thảo luận đóng góp ý kiến cho các vấn đề quan trọng nhưng không được quyền biểu quyết.

b. Khi phát hiện có thành viên HĐQT, Tổng giám đốc vi phạm nghĩa vụ của người quản lý Công ty thì phải thông báo ngay bằng văn bản với HĐQT, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.

**Điều 46. Kiểm điểm việc thực hiện Nghị quyết và các vấn đề ủy quyền khác của HĐQT đối với Tổng giám đốc**

Hàng năm, HĐQT tổ chức kiểm điểm về việc thực hiện Nghị quyết và các vấn đề ủy quyền khác của HĐQT đối với Tổng giám đốc.

**CHƯƠNG VII: QUY ĐỊNH VỀ ĐÁNH GIÁ HÀNG NĂM ĐỐI VỚI HOẠT ĐỘNG KHEN THƯỞNG VÀ KỶ LUẬT ĐỐI VỚI THÀNH VIÊN HĐQT, KIỂM SOÁT VIÊN, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ CÁC NGƯỜI ĐIỀU HÀNH DOANH NGHIỆP KHÁC**

**Điều 47. Quy định về đánh giá hàng năm đối với hoạt động, khen thưởng, kỷ luật đối với thành viên HĐQT, Kiểm soát viên, thành viên Ban điều hành**

1. Đánh giá hoạt động:

a. Hàng năm, căn cứ vào kết quả thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh-đầu tư xây dựng/sửa chữa lớn, HĐQT tổ chức đánh giá hoạt động đối với HĐQT và từng thành viên HĐQT, Tổng giám đốc và các thành viên Ban điều hành khác.

b. BKS đánh giá hoạt động của HĐQT, Tổng giám đốc và tự đánh giá hoạt động của BKS và của từng Kiểm soát viên.



2. Khen thưởng và kỷ luật:

Căn cứ vào đánh giá hoạt động trên, HĐQT, BKS xem xét khen thưởng, kỷ luật theo thẩm quyền.

**CHƯƠNG VIII: BỔ SUNG, SỬA ĐỔI QUY CHẾ QUẢN TRỊ VÀ NGÀY HIỆU LỰC**

**Điều 48. Bổ sung và sửa đổi Quy chế quản trị**

1. Việc bổ sung, sửa đổi Quy chế này phải được ĐHĐCĐ thông qua theo quy định tại khoản 1 Điều 7 Nghị định 71/2017/NĐ-CP.

2. Trong trường hợp có những quy định của pháp luật có liên quan đến quy chế quản trị của Công ty khác với những điều khoản trong Quy chế này thì những quy định của pháp luật đó đương nhiên được áp dụng và điều chỉnh hoạt động quản trị của Công ty.

**Điều 49. Ngày hiệu lực**

1. Quy chế này gồm 8 chương 49 Điều được ĐHĐCĐ Công ty thông qua ngày 27 tháng 4 năm 2018 và có hiệu lực kể từ ngày được thông qua.

2. Quy chế nội bộ về quản trị này là duy nhất và chính thức của Công ty. Những nội dung không nêu trong Quy chế này thì áp dụng theo Điều lệ Công ty và các quy định pháp luật có liên quan.

**TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG  
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

## MỤC LỤC

|   |    |
|---|----|
| CHƯƠNG I: QUY ĐỊNH CHUNG.....   | 1  |
| Điều 1. Ý nghĩa và phạm vi điều chỉnh .....   | 1  |
| Điều 2. Giải thích thuật ngữ và chữ viết tắt.....   | 1  |
| CHƯƠNG II: TRÌNH TỰ, THỦ TỤC VỀ TRIỆU TẬP VÀ BIỂU QUYẾT TẠI ĐHĐCĐ.....  | 2  |
| Điều 3. Cuộc họp ĐHĐCĐ thường niên, bất thường.....   | 2  |
| Điều 4. Thông báo về việc chốt danh sách cổ đông có quyền tham dự họp ĐHĐCĐ.....  | 2  |
| Điều 5. Thông báo triệu tập ĐHĐCĐ .....   | 3  |
| Điều 6. Cách thức đăng ký tham dự ĐHĐCĐ .....   | 3  |
| Điều 7. Cách thức bỏ phiếu.....   | 3  |
| Điều 8. Cách thức kiểm phiếu tại ĐHĐCĐ .....  | 4  |
| Điều 9. Thông báo kết quả kiểm phiếu .....  | 4  |
| Điều 10. Cách thức phản đối quyết định của ĐHĐCĐ .....  | 5  |
| Điều 11. Lập biên bản họp ĐHĐCĐ.....  | 5  |
| Điều 12. Công bố Nghị quyết ĐHĐCĐ .....   | 5  |
| Điều 13. Báo cáo hoạt động của HĐQT tại ĐHĐCĐ thường niên.....  | 5  |
| Điều 14. Báo cáo hoạt động của BKS tại ĐHĐCĐ thường niên .....  | 5  |
| Điều 15. Thẻ thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản.....  | 5  |
| CHƯƠNG III: ĐỀ CỬ, ỨNG CỬ, BẦU, MIỄN NHIỆM VÀ BÃI NHIỆM THÀNH VIÊN HĐQT.....  | 6  |
| Điều 16. Tiêu chuẩn thành viên HĐQT .....   | 6  |
| Điều 17. Cách thức cổ đông, nhóm cổ đông ứng cử, đề cử người vào vị trí thành viên HĐQT .....   | 6  |
| Điều 18. Cách thức bầu thành viên HĐQT .....  | 7  |
| Điều 19. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên HĐQT .....   | 7  |
| Điều 20. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên HĐQT .....  | 7  |
| Điều 21. Cách thức giới thiệu ứng viên thành viên HĐQT .....  | 7  |
| CHƯƠNG IV: TRÌNH TỰ VÀ THỦ TỤC TỔ CHỨC HỌP HĐQT.....  | 8  |
| Điều 22. Các hình thức lấy ý kiến HĐQT .....  | 8  |
| Điều 23. Thông báo họp HĐQT .....   | 8  |
| Điều 24. Điều kiện tổ chức họp HĐQT .....   | 8  |
| Điều 25. Cách thức biểu quyết tại cuộc họp HĐQT .....   | 8  |
| Điều 26. Cách thức thông qua nghị quyết của HĐQT .....  | 9  |
| Điều 27. Ghi biên bản họp HĐQT .....  | 9  |
| Điều 28. Thông báo Nghị quyết HĐQT .....  | 10 |
| CHƯƠNG V: ĐỀ CỬ, ỨNG CỬ, BẦU, MIỄN NHIỆM VÀ BÃI NHIỆM KIỂM SOÁT VIÊN  | 10 |
| Điều 29. Tiêu chuẩn Kiểm soát viên.....   | 10 |
| Điều 30. Cách thức cổ đông, nhóm cổ đông ứng cử, đề cử người vào vị trí Kiểm soát viên theo quy định pháp luật và Điều lệ công ty ..... | 10 |
| Điều 31. Cách thức bầu Kiểm soát viên .....   | 10 |
| Điều 32. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm Kiểm soát viên.....   | 10 |
| Điều 33. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Kiểm soát viên.....  | 10 |
| CHƯƠNG VI: LỰA CHỌN, BỔ NHIỆM VÀ MIỄN NHIỆM NGƯỜI ĐIỀU HÀNH DOANH NGHIỆP .....  | 10 |
| Điều 34. Các tiêu chuẩn của Người điều hành doanh nghiệp.....   | 10 |

|  |   |           |
|--|---|-----------|
| Điều 35.   | Việc bổ nhiệm Người điều hành doanh nghiệp.....   | 11        |
| Điều 36.   | Ký kết hợp đồng lao động với Người điều hành doanh nghiệp .....   | 11        |
| Điều 37.   | Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm Người điều hành doanh nghiệp .....   | 11        |
| Điều 38.   | Thông báo bổ nhiệm, miễn nhiệm Người điều hành doanh nghiệp .....   | 11        |
| <b>CHƯƠNG VI: PHỐI HỢP HOẠT ĐỘNG GIỮA HĐQT, BKS VÀ TỔNG GIÁM ĐỐC.....</b>  |   | <b>11</b> |
| Điều 39.   | Thủ tục, trình tự triệu tập, thông báo mời họp, ghi biên bản, thông báo kết quả họp giữa HĐQT, BKS và Tổng giám đốc .....                           | 11        |
| Điều 40.   | Thông báo Nghị quyết của HĐQT cho BKS .....   | 11        |
| Điều 41.   | Tổng giám đốc.....  | 12        |
| Điều 42.   | Các trường hợp Tổng giám đốc và BKS đề nghị triệu tập họp HĐQT và những vấn đề cần xin ý kiến HĐQT .....  | 12        |
| Điều 43.   | Báo cáo của Tổng giám đốc với HĐQT về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao  | 12        |
| Điều 44.   | Các vấn đề Tổng giám đốc phải báo cáo, cung cấp thông tin và cách thức thông báo cho HĐQT, BKS .....  | 12        |
| Điều 45.   | Phối hợp hoạt động kiểm soát, điều hành, giám sát giữa các thành viên HĐQT, thành viên BKS, Tổng giám đốc và người điều hành doanh nghiệp khác..... | 13        |
| Điều 46.   | Kiểm điểm việc thực hiện Nghị quyết và các vấn đề ủy quyền khác của HĐQT đối với Tổng giám đốc .....  | 13        |
| <b>CHƯƠNG VII: QUY ĐỊNH VỀ ĐÁNH GIÁ HÀNG NĂM ĐỐI VỚI HOẠT ĐỘNG KHEN THƯỞNG VÀ KỶ LUẬT ĐỐI VỚI THÀNH VIÊN HĐQT, KIỂM SOÁT VIÊN, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ CÁC NGƯỜI ĐIỀU HÀNH DOANH NGHIỆP KHÁC.....</b> |   | <b>13</b> |
| Điều 47.   | Quy định về đánh giá hàng năm đối với hoạt động, khen thưởng, kỷ luật đối với thành viên HĐQT, Kiểm soát viên, thành viên Ban điều hành.....        | 13        |
| <b>CHƯƠNG VIII: BỔ SUNG, SỬA ĐỔI QUY CHẾ QUẢN TRỊ VÀ NGÀY HIỆU LỰC.....</b>  |   | <b>14</b> |
| Điều 48.   | Bổ sung và sửa đổi Quy chế quản trị .....   | 14        |
| Điều 49.   | Ngày hiệu lực .....   | 14        |

**CÔNG TY CỔ PHẦN SÀI GÒN HÒA XA**

๘ 000 ๘๐

## **ĐIỀU LỆ**

*(Đính kèm Nghị quyết ngày 27/4/2018 của ĐHĐCĐ thường niên năm 2018)*

*TP. Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 4 năm 2018*

## **PHẦN MỞ ĐẦU**

Điều lệ Công ty Cổ phần Sài Gòn Hòa xa được lập và ban hành trên cơ sở Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26 tháng 11 năm 2014 và các văn bản pháp luật có liên quan, là cơ sở pháp lý cho toàn bộ hoạt động của Công ty.

Các Quy chế, quy định của Công ty, các nghị quyết, biên bản họp của Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị nếu đã được thông qua một cách hợp lệ, phù hợp với quy định của pháp luật và Điều lệ này, sẽ là cơ sở ràng buộc để Công ty tiến hành các hoạt động quản lý, kinh doanh.

Chúng tôi, những cổ đông tham dự Đại hội đồng cổ đông thường niên Công ty cổ phần Sài Gòn Hòa xa đã nhất trí thông qua và cam kết thực hiện nội dung của bản Điều lệ này; *đã được sửa đổi, bổ sung lần thứ 7 so với bản Điều lệ tại Đại hội đồng cổ đông thành lập ngày 12/11/2004 của Công ty.*

Điều lệ này được thông qua theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông tại đại hội tổ chức vào ngày 27 tháng 4 năm 2018.

### **I. ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ**

#### **Điều 1. Giải thích thuật ngữ**

1. Trong Điều lệ này, những thuật ngữ dưới đây được hiểu như sau:

a. "Vốn điều lệ" là tổng giá trị mệnh giá cổ phần đã bán hoặc đã được đăng ký mua khi thành lập doanh nghiệp và quy định tại Điều 6 Điều lệ này;

b. "Luật Doanh nghiệp" là Luật Doanh nghiệp ngày 26 tháng 11 năm 2014;

c. "Luật Chứng khoán" là Luật Chứng khoán ngày 29 tháng 6 năm 2006 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán ngày 24 tháng 11 năm 2010;

d. "Ngày thành lập" là ngày Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và các giấy tờ có giá trị tương đương) lần đầu;

e. "Ban điều hành" ("người điều hành doanh nghiệp") là Tổng giám đốc, các Giám đốc khối nghiệp vụ và Kế toán trưởng được Hội đồng quản trị bổ nhiệm làm Ban điều hành Công ty;

f. "Người có liên quan" là cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 17 Điều 4 Luật Doanh nghiệp, khoản 34 Điều 6 Luật Chứng khoán;

g. "Cổ đông lớn" là cổ đông được quy định tại khoản 9 Điều 6 Luật Chứng khoán;

h. "Việt Nam" là nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

i. "Người quản lý doanh nghiệp" được quy định tại khoản 18 Điều 4 Luật Doanh nghiệp;

j. "Thành viên Hội đồng quản trị" không điều hành (sau đây gọi là thành viên không điều hành) là thành viên Hội đồng quản trị không phải là Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và các Giám đốc khối nghiệp vụ.

2. Trong Điều lệ này, các tham chiếu tới một hoặc một số quy định hoặc văn bản khác bao gồm cả những sửa đổi hoặc văn bản thay thế.

3. Các tiêu đề (Chương, Điều của Điều lệ này) được sử dụng nhằm thuận tiện cho việc hiểu nội dung và không ảnh hưởng tới nội dung của Điều lệ này.

## II. TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN, THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG VÀ NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY

### Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện và thời hạn hoạt động của Công ty

#### 1. Tên Công ty

- Tên Công ty viết bằng tiếng Việt: **CÔNG TY CỔ PHẦN SÀI GÒN HỎA XA**
- Tên Công ty viết bằng tiếng Anh: **SAIGON TRAIN JOINT STOCK COMPANY**
- Tên Công ty viết tắt: **STJC**



#### - Biểu tượng (Logo):

2. Công ty là Công ty cổ phần có tư cách pháp nhân phù hợp với pháp luật hiện hành của Việt Nam.

#### 3. Trụ sở đăng ký của Công ty là:

- Địa chỉ trụ sở chính: 275C Phạm Ngũ Lão, Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh
- Điện thoại: (028) 3837 7660
- Fax: (028) 3836 9031
- E-mail: [info@saigonhoaxa.com.vn](mailto:info@saigonhoaxa.com.vn)
- Website: [www.saigonhoaxa.com.vn](http://www.saigonhoaxa.com.vn)

4. Công ty có thể thành lập chi nhánh và văn phòng đại diện tại địa bàn kinh doanh để thực hiện các mục tiêu hoạt động của Công ty phù hợp với quyết định của Hội đồng quản trị và trong phạm vi luật pháp cho phép. Tại thời điểm thông qua, Công ty có 12 chi nhánh đang hoạt động.

| STT | Chi nhánh                              | Địa chỉ   |
|-----|--|---|
| 1   | Khách sạn Hải Vân                      | 69 Huỳnh Thúc Kháng, P. Bến Thành, Q.1, TP. Hồ Chí Minh         |
| 2   | Khách sạn Kỳ Đồng                      | 10D Kỳ Đồng, P.9, Q.3, TP. Hồ Chí Minh                          |
| 3   | Du lịch Đường sắt Sài Gòn              | 10D Kỳ Đồng, P.9, Q.3, TP. Hồ Chí Minh                          |
| 4   | Trung tâm Dịch vụ và Kinh doanh Địa ốc | 51 đường số 20, P. Hiệp Bình Chánh, Q. Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh |
| 5   | Khách sạn Ga Sài Gòn                   | 01 Nguyễn Thông, P.9, Q.3, TP. Hồ Chí Minh                      |
| 6   | Khách sạn Đường sắt Nha Trang          | 17 Thái Nguyên, P. Phước Tân, TP. Hồ Chí Minh                   |
| 7   | Khách sạn Cà Ná                        | X. Cà Ná, H. Thuận Nam, Ninh Thuận                              |

|    |  |   |
|----|--|---|
| 8  | Khách sạn Đường sắt Đà Lạt                 | 01 Quang Trung, TP. Đà Lạt, Lâm Đồng                                |
| 9  | Trung tâm Dịch vụ Thương mại               | 20/6 Võ Văn Kiệt, P. Nguyễn Thái Bình, Q.1. TP. Hồ Chí Minh         |
| 10 | Nhà hàng Khách sạn Hưng Triệu              | 146/33 Kha Vạn Cân, P. Hiệp Bình Chánh, Q. Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh |
| 11 | Xí nghiệp Dịch vụ Vận tải Hỏa xa Sài Gòn   | 01 Nguyễn Thông, P.9, Q.3, TP. Hồ Chí Minh                          |
| 12 | Trung tâm Dịch vụ và Thương mại Bình Triệu | 310/4B QL 13, P. Hiệp Bình Chánh, Q.Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh        |

5. Thời hạn hoạt động của Công ty bắt đầu từ ngày ghi trong quyết định chuyển thể từ doanh nghiệp Nhà nước thành Công ty cổ phần của cấp có thẩm quyền và là vô thời hạn.

### **Điều 3. Người đại diện theo pháp luật của Công ty**

Công ty có 01 người đại diện theo pháp luật, là Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Quyền hạn và nghĩa vụ của người đại diện theo pháp luật theo quy định tại Điều 13 và Điều 14 Luật Doanh nghiệp.

### **III. MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA Công ty**

#### **Điều 4. Mục tiêu hoạt động của Công ty**

1. Công ty hiện đang kinh doanh các ngành nghề sau:
  - Kinh doanh khách sạn, nhà hàng và các dịch vụ khác;
  - Kinh doanh dịch vụ ăn uống;
  - Dịch vụ chăm sóc cá nhân và dịch vụ chăm sóc cá nhân khác;
  - Kinh doanh lữ hành nội địa và lữ hành quốc tế;
  - Kinh doanh hàng nội thương;
  - Mua, bán phương tiện, thiết bị giao thông vận tải và thiết bị xây dựng công trình, xếp dỡ;
  - Kinh doanh nông sản, lâm sản, thủy sản, nguyên vật liệu phục vụ sản xuất công nghiệp, nông nghiệp và tiêu dùng;
  - Kinh doanh rượu, bia và nước giải khát các loại;
  - Đại lý xăng dầu;
  - Xuất, nhập khẩu hàng hoá;
  - Kinh doanh bất động sản;
  - Kinh doanh vận tải hàng, khách;
  - Kinh doanh dịch vụ kho bãi, cho thuê mặt bằng;
  - Đại lý bán vé máy bay, tàu hoả;
  - Dịch vụ quảng cáo;
  - Dịch vụ bưu phẩm;
  - Đưa người lao động đi làm việc có thời hạn ở nước ngoài;

- Nuôi thủy sản;
- Xây dựng các công trình giao thông, dân dụng, chuẩn bị mặt bằng;
- Mua bán thuốc lá điều sản xuất trong nước;
- Dịch vụ chăm sóc da mặt (trừ dịch vụ gây chày máu);
- Mua bán hóa mỹ phẩm, hàng công nghệ phẩm, thực phẩm chế biến;
- Chế biến nông sản;
- Sản xuất đồ gỗ (trừ chế biến gỗ);
- Cho thuê nhà, xưởng;
- Dịch vụ Karaoke;
- Bán buôn sắt, thép, tre, nứa, gỗ cây và gỗ chế biến, xi măng, gạch xây, ngói, đá, cát, sỏi, kính xây dựng, sơn, vécni, gạch ốp lát và thiết bị vệ sinh, đồ ngũ kim, vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng;
- Giáo dục tiểu học;
- Giáo dục trung học cơ sở và trung học phổ thông;
- Giáo dục nghề nghiệp;
- Đào tạo đại học và sau đại học;
- Giáo dục mầm non;
- Đào tạo cao đẳng;
- Giáo dục thể thao và giải trí ;
- Giáo dục văn hóa nghệ thuật;
- Dịch vụ hỗ trợ giáo dục;
- Hoạt động của các câu lạc bộ thể thao;
- Trồng rau, đậu các loại và trồng hoa, cây cảnh trên đất hiện hữu của Công ty;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải – chi tiết: Hoạt động của các đại lý vận tải hàng hoá đường biển và hàng không.

## 2. Mục tiêu hoạt động của Công ty.

Công ty được thành lập để huy động và sử dụng vốn có hiệu quả trong việc phát triển sản xuất kinh doanh như: Xây dựng các công trình giao thông, dân dụng, chuẩn bị mặt bằng, nuôi thủy sản; về dịch vụ: khách sạn, nhà hàng, du lịch, kinh doanh bất động sản, kinh doanh vận tải hành khách, kinh doanh dịch vụ kho bãi, cho thuê mặt bằng và các lĩnh vực khác nhằm mục tiêu thu lợi nhuận tối đa; tạo việc làm ổn định cho người lao động; tăng lợi tức cho các cổ đông; đóng góp cho ngân sách Nhà nước và phát triển Công ty. Công ty luôn tôn trọng và bảo vệ quyền lợi chính đáng cho cổ đông, đồng thời khẳng định trách nhiệm đối với xã hội; Công ty hoạt động theo hướng đa ngành, luôn tìm kiếm và chọn lọc hướng phát triển thích hợp, không ngừng tìm giải pháp tăng năng suất, sản phẩm mới và tăng thu nhập phục vụ xã hội và lợi ích cổ đông.

## **Điều 5. Phạm vi kinh doanh và hoạt động của Công ty**

1. Công ty được phép lập kế hoạch và tiến hành tất cả các hoạt động kinh doanh theo ngành nghề của Công ty đã được công bố trên Cổng thông tin đăng ký doanh nghiệp quốc gia và Điều lệ này, phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành và thực hiện các biện pháp thích hợp để đạt được các mục tiêu của Công ty.



2. Công ty có thể tiến hành hoạt động kinh doanh trong các ngành, nghề khác được pháp luật cho phép và được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

#### **IV. VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP**

##### **Điều 6. Vốn điều lệ, cổ phần, cổ đông sáng lập**

1. Vốn điều lệ của Công ty là 17.200.000.000 đồng (Mười bảy tỷ hai trăm triệu đồng chẵn).

Tổng số vốn điều lệ của Công ty được chia thành 1.720.000 cổ phần với mệnh giá là 10.000 đồng/cổ phần.

2. Công ty có thể thay đổi vốn điều lệ khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và phù hợp với các quy định của pháp luật.

3. Các cổ phần của Công ty vào ngày thông qua Điều lệ này chỉ bao gồm cổ phần phổ thông. Các quyền và nghĩa vụ của cổ đông nắm giữ từng loại cổ phần được quy định tại Điều 12, Điều 13 Điều lệ này.

4. Công ty có thể phát hành các loại cổ phần ưu đãi khác sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông và phù hợp với các quy định của pháp luật.

5. Tên, địa chỉ, quốc tịch, số lượng cổ phần, loại cổ phần, mệnh giá cổ phần từng loại và các thông tin khác về cổ đông sáng lập theo quy định của Luật Doanh nghiệp được nêu tại phụ lục đính kèm. Phụ lục này là một phần của Điều lệ này.

6. Cổ phần phổ thông phải được ưu tiên chào bán cho các cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của họ trong Công ty, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông quyết định khác. Số cổ phần cổ đông không đăng ký mua hết sẽ do Hội đồng quản trị của Công ty quyết định. Hội đồng quản trị có thể phân phối số cổ phần đó cho các đối tượng theo cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là hợp lý, nhưng không được bán số cổ phần đó theo các điều kiện thuận lợi hơn so với những điều kiện đã chào bán cho các cổ đông hiện hữu trừ trường hợp cổ phần được bán qua Sở giao dịch chứng khoán theo phương thức đấu giá hoặc Đại hội đồng cổ đông có chấp thuận khác theo quy định khoản 3 Điều 124 Luật Doanh nghiệp.

7. Công ty có thể mua cổ phần do chính Công ty đã phát hành theo những cách thức được quy định trong Điều lệ này và pháp luật hiện hành. Cổ phần do Công ty mua lại là cổ phiếu quỹ và Hội đồng quản trị có thể chào bán theo những cách thức phù hợp với Luật Chứng khoán, văn bản hướng dẫn liên quan và quy định của Điều lệ này.

8. Công ty có thể phát hành các loại chứng khoán khác khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và phù hợp với quy định của pháp luật.

##### **Điều 7. Chứng nhận cổ phiếu**

1. Cổ đông của Công ty được cấp chứng nhận cổ phiếu tương ứng với số cổ phần và loại cổ phần sở hữu.

2. Cổ phiếu là chứng chỉ do Công ty phát hành, bút toán ghi sổ hoặc dữ liệu điện tử xác nhận quyền sở hữu một hoặc một số cổ phần của Công ty. Cổ phiếu phải có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 1 Điều 120 Luật Doanh nghiệp.

3. Trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày làm việc (hoặc thời hạn khác theo điều khoản phát hành quy định) kể từ ngày thanh toán đầy đủ tiền mua cổ phần theo như quy định tại phương án phát hành cổ phiếu của Công ty, người sở hữu số cổ phần được cấp chứng nhận cổ phiếu. Người sở hữu cổ phần không phải trả cho Công ty chi phí in chứng nhận cổ phiếu.

4. Trường hợp chứng nhận cổ phiếu bị mất, bị hủy hoại hoặc bị hư hỏng, người sở hữu cổ phiếu đó có thể đề nghị được cấp chứng nhận cổ phiếu mới với điều kiện phải đưa ra bằng

chứng về việc sở hữu cổ phần và thanh toán mọi chi phí liên quan cho Công ty. Nội dung đề nghị và việc đăng thông báo theo quy định khoản 3 Điều 120 Luật Doanh nghiệp.

#### **Điều 8. Chứng chỉ chứng khoán khác**

Chứng chỉ trái phiếu hoặc chứng chỉ chứng khoán khác của Công ty được phát hành có chữ ký của người đại diện theo pháp luật và dấu của Công ty.

#### **Điều 9. Chuyển nhượng cổ phần**

1. Tất cả các cổ phần được tự do chuyển nhượng trừ khi Điều lệ này và pháp luật có quy định khác. Cổ phiếu niêm yết, đăng ký giao dịch trên Sở giao dịch chứng khoán được chuyển nhượng theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

2. Cổ phần chưa được thanh toán đầy đủ không được chuyển nhượng và hưởng các quyền lợi liên quan như quyền nhận cổ tức, quyền nhận cổ phiếu phát hành để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu, quyền mua cổ phiếu mới chào bán và các quyền lợi khác theo quy định của pháp luật.

#### **Điều 10. Thu hồi cổ phần**

1. Trường hợp cổ đông không thanh toán đầy đủ và đúng hạn số tiền phải trả để mua cổ phiếu, Hội đồng quản trị thông báo và có quyền yêu cầu cổ đông đó thanh toán số tiền còn lại cùng với lãi suất trên khoản tiền đó và những chi phí phát sinh do việc không thanh toán đầy đủ gây ra cho Công ty.

2. Thông báo thanh toán nêu trên phải ghi rõ thời hạn thanh toán mới (tối thiểu là 07 (bảy ngày) kể từ ngày gửi thông báo), địa điểm thanh toán và thông báo phải ghi rõ trường hợp không thanh toán theo đúng yêu cầu, số cổ phần chưa thanh toán hết sẽ bị thu hồi.

3. Hội đồng quản trị có quyền thu hồi các cổ phần chưa thanh toán đầy đủ và đúng hạn trong trường hợp các yêu cầu trong thông báo nêu trên không được thực hiện.

4. Cổ phần bị thu hồi được coi là các cổ phần được quyền chào bán quy định tại khoản 3 Điều 111 Luật Doanh nghiệp. Hội đồng quản trị có thể trực tiếp hoặc ủy quyền bán, tái phân phối theo những điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp.

5. Cổ đông nắm giữ cổ phần bị thu hồi phải từ bỏ tư cách cổ đông đối với những cổ phần đó, nhưng vẫn phải thanh toán các khoản tiền có liên quan và lãi phát sinh theo tỷ lệ (không quá 20% một năm) vào thời điểm thu hồi theo quyết định của Hội đồng quản trị kể từ ngày thu hồi cho đến ngày thực hiện thanh toán. Hội đồng quản trị có toàn quyền quyết định việc cưỡng chế thanh toán toàn bộ giá trị cổ phiếu vào thời điểm thu hồi.

6. Thông báo thu hồi được gửi đến người nắm giữ cổ phần bị thu hồi trước thời điểm thu hồi. Việc thu hồi vẫn có hiệu lực kể cả trong trường hợp có sai sót hoặc bất cẩn trong việc gửi thông báo.

### **V. CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN TRỊ VÀ KIỂM SOÁT**

#### **Điều 11. Cơ cấu tổ chức, quản trị và kiểm soát**

Cơ cấu tổ chức quản lý, quản trị và kiểm soát của Công ty bao gồm:

1. Đại hội đồng cổ đông;
2. Hội đồng quản trị;
3. Ban kiểm soát;
4. Tổng giám đốc.

## **VI. CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG**

### **Điều 12. Quyền của cổ đông**

1. Cổ đông là người chủ sở hữu Công ty, có các quyền và nghĩa vụ tương ứng theo số cổ phần và loại cổ phần mà họ sở hữu. Cổ đông chỉ chịu trách nhiệm về nợ và các nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi số vốn đã góp vào Công ty.

2. Cổ đông phổ thông có các quyền sau:

a. Tham dự và phát biểu trong các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc thông qua đại diện được ủy quyền hoặc thực hiện bỏ phiếu từ xa, hoặc theo hình thức khác do pháp luật, Điều lệ Công ty quy định. Mỗi cổ phần phổ thông có một phiếu biểu quyết;

b. Nhận cổ tức với mức theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;

c. Tự do chuyển nhượng cổ phần đã được thanh toán đầy đủ theo quy định của Điều lệ này và pháp luật hiện hành;

d. Ưu tiên mua cổ phiếu mới chào bán tương ứng với tỷ lệ cổ phần phổ thông mà họ sở hữu;

e. Xem xét, kiểm tra, tra cứu, sao và trích lục các thông tin liên quan đến cổ đông trong Danh sách cổ đông có quyền biểu quyết và yêu cầu sửa đổi các thông tin không chính xác;

f. Tiếp cận thông tin về danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông;

g. Xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ Công ty, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và nghị quyết Đại hội đồng cổ đông;

h. Trường hợp Công ty giải thể hoặc phá sản, được nhận một phần tài sản còn lại tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần tại Công ty sau khi Công ty đã thanh toán các khoản nợ (bao gồm cả nghĩa vụ nợ đối với Nhà nước, thuế, phí) và thanh toán cho các cổ đông nắm giữ các loại cổ phần khác của Công ty theo quy định của pháp luật;

i. Yêu cầu Công ty mua lại cổ phần của họ trong các trường hợp quy định tại Điều 129 Luật Doanh nghiệp;

j. Các quyền khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên trong thời hạn liên tục ít nhất 06 (sáu) tháng có các quyền sau:

a. Đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát theo quy định tương ứng tại Điều 25 và Điều 34 Điều lệ này;

b. Yêu cầu Hội đồng quản trị thực hiện việc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo các quy định tại khoản 3 Điều 114 và khoản 3 Điều 136 Luật Doanh nghiệp;

c. Xem xét và trích lục biên bản và các nghị quyết của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính hằng năm theo mẫu của hệ thống kế toán Việt Nam và các báo cáo của Ban kiểm soát theo điểm b khoản 2 Điều 114 Luật Doanh nghiệp;

d. Yêu cầu Ban kiểm soát kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải thể hiện bằng văn bản; phải có họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, quốc tịch, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của Công ty; vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra;

e. Các quyền khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

### **Điều 13. Nghĩa vụ của cổ đông**

Cổ đông phổ thông có các nghĩa vụ sau:

1. Tuân thủ Điều lệ Công ty và các quy chế nội bộ của Công ty.
2. Chấp hành quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị.
3. Thanh toán đủ và đúng thời hạn tiền mua cổ phần đã đăng ký mua theo quy định.

Không được rút vốn đã góp bằng cổ phần phổ thông ra khỏi Công ty dưới mọi hình thức theo khoản 1 Điều 115 Luật Doanh nghiệp, trừ trường hợp được Công ty hoặc người khác mua lại cổ phần

4. Cung cấp địa chỉ chính xác khi đăng ký mua cổ phần.
5. Bảo vệ uy tín, lợi ích, tài sản và giữ bí mật về các hoạt động của Công ty.
6. Hoàn thành các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật hiện hành.

### **Điều 14. Đại hội đồng cổ đông**

1. Đại hội đồng cổ đông là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty. Đại hội đồng thường niên được tổ chức mỗi năm một (01) lần. Đại hội đồng cổ đông phải họp thường niên trong thời hạn 04 (bốn) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính hoặc không quá 06 (sáu) tháng, kể từ ngày kết thúc năm tài chính (nếu được Cơ quan đăng ký kinh doanh gia hạn) theo quy định tại khoản 2 Điều 136 Luật Doanh nghiệp.

2. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và lựa chọn địa điểm phù hợp. Đại hội đồng cổ đông thường niên quyết định những vấn đề theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty. Trường hợp Báo cáo kiểm toán báo cáo tài chính năm của Công ty có các khoản ngoại trừ trọng yếu, Công ty có thể mời đại diện Công ty kiểm toán độc lập dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên để giải thích các nội dung liên quan theo khoản 4 Điều 8 Nghị định 71/2017/NĐ-CP.

3. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:

a. Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty;

b. Số thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên ít hơn số thành viên theo quy định của pháp luật hoặc số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá 1/3 (một phần ba) so với số thành viên quy định tại Điều lệ này;

c. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 3 Điều 12 Điều lệ này yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông. Yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải được thể hiện bằng văn bản, trong đó nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có đủ chữ ký của các cổ đông liên quan hoặc văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản và tập hợp đủ chữ ký của các cổ đông có liên quan;

d. Ban kiểm soát yêu cầu triệu tập cuộc họp;

e. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

4. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường

a. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 60 (sáu mươi) ngày kể từ ngày số thành viên Hội đồng quản trị, hoặc Kiểm soát viên còn lại như quy định tại điểm b khoản 3 Điều này hoặc nhận được yêu cầu quy định tại điểm c và điểm d khoản 3 Điều này;

b. Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều này thì trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày tiếp theo, Ban kiểm

soát phải thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 5 Điều 136 Luật Doanh nghiệp.

Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập Đại hội đồng cổ đông theo quy định thì trách nhiệm và thiệt hại phát sinh xử lý theo khoản 5 Điều 136 Luật Doanh nghiệp;

c. Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều này thì trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày tiếp theo, cổ đông hoặc nhóm cổ đông có yêu cầu quy định tại điểm c khoản 3 Điều này có quyền đại diện Công ty triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 6 Điều 136 Luật Doanh nghiệp.

Trong trường hợp này, cổ đông hoặc nhóm cổ đông triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có thể đề nghị Cơ quan đăng ký kinh doanh giám sát trình tự, thủ tục triệu tập, tiến hành họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Tất cả chi phí cho việc triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông được Công ty hoàn lại. Chi phí này không bao gồm những chi phí do cổ đông chi tiêu khi tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, kể cả chi phí ăn ở và đi lại.

### **Điều 15. Quyền và nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông**

1. Đại hội đồng cổ đông thường niên có quyền thảo luận và thông qua các vấn đề sau theo khoản 2 Điều 136 Luật Doanh nghiệp:

- a. Báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán;
- b. Báo cáo của Hội đồng quản trị;
- c. Báo cáo của Ban kiểm soát;
- d. Kế hoạch kinh doanh hằng năm của Công ty;
- e. Mức cổ tức đối với mỗi cổ phần của từng loại;
- f. Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban kiểm soát và của từng Kiểm soát viên.

2. Đại hội đồng cổ đông thông qua quyết định về các vấn đề sau:

- a. Thông qua báo cáo tài chính năm;
- b. Quyết định mức cổ tức hàng năm cho mỗi loại cổ phần phù hợp với Luật Doanh nghiệp và các quyền gắn liền với loại cổ phần đó. Mức cổ tức này không cao hơn mức mà Hội đồng quản trị đề nghị sau khi đã tham khảo ý kiến các cổ đông tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;

c. Phê chuẩn Công ty kiểm toán độc lập theo đề xuất và kiến nghị của Ban kiểm soát theo khoản 1 Điều 22 Nghị định 71/2017/NĐ-CP;

d. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm và thay thế thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát;

e. Thù lao và các quyền lợi khác của từng thành viên trong Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát;

f. Bổ sung và sửa đổi Điều lệ Công ty;

g. Loại cổ phần và số lượng cổ phần mới được phát hành đối với mỗi loại cổ phần;

h. Thông qua định hướng phát triển của Công ty;

i. Tổ chức lại và giải thể (thanh lý) Công ty và chỉ định người thanh lý;

j. Xem xét và xử lý các vi phạm của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát gây thiệt hại cho Công ty và cổ đông;

k. Quyết định giao dịch đầu tư/bán số tài sản có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính kỳ gần nhất đã được kiểm toán;

1. Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần phát hành của mỗi loại theo quy định;

m. Công ty ký kết hợp đồng, giao dịch với những đối tượng được quy định tại khoản 1 Điều 162 Luật Doanh nghiệp và điểm b khoản 4 Điều 26 Nghị định 71/2017/NĐ-CP với giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất;

n. Cấp các khoản vay hoặc bảo lãnh cho thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, thành viên Ban điều hành và những cá nhân, tổ chức có liên quan của các đối tượng này, trừ trường hợp Công ty đại chúng và tổ chức có liên quan đến cổ đông là các Công ty trong cùng tập đoàn hoặc các Công ty hoạt động theo nhóm Công ty, bao gồm Công ty mẹ - Công ty con, tập đoàn kinh tế và pháp luật chuyên ngành có quy định khác điểm a khoản 4 Điều 26 Nghị định 71/2017/NĐ-CP;

o. Quyết định phương án phân phối, trích lập các quỹ từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối và cách thức sử dụng quỹ, trừ quỹ khen thưởng, phúc lợi do HĐQT quyết định cách thức sử dụng quỹ;

p. Quyết định phát hành trái phiếu, trái phiếu chuyển đổi và các loại trái phiếu khác theo quy định của pháp luật và các nội dung về loại trái phiếu phát hành, số lượng phát hành, thời hạn trái phiếu, lãi suất trái phiếu...;

q. Các vấn đề khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

3. Cổ đông không được tham gia bỏ phiếu trong các trường hợp sau đây:

a. Thông qua các hợp đồng quy định tại điểm m khoản 2 Điều này khi cổ đông đó có lợi ích liên quan;

b. Việc mua lại cổ phần của cổ đông đó trừ trường hợp việc mua lại cổ phần được thực hiện tương ứng với tỷ lệ sở hữu của tất cả các cổ đông hoặc việc mua lại được thực hiện thông qua giao dịch khớp lệnh trên Sở giao dịch chứng khoán hoặc chào mua công khai theo quy định của pháp luật.

4. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình.

5. Công ty đại chúng không được cung cấp khoản vay hoặc bảo lãnh cho các đối tượng theo quy định tại khoản 1, khoản 2 và khoản 3 Điều 26 Nghị định 71/2017/NĐ-CP.

### **Điều 16. Thực hiện quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông**

1. Cổ đông là cá nhân, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức có thể trực tiếp hoặc ủy quyền bằng văn bản cho một người khác dự họp hoặc thông qua một trong các hình thức quy định tại khoản 2 Điều 140 Luật Doanh nghiệp. Trường hợp cổ đông là tổ chức chưa có người đại diện theo ủy quyền quy định tại khoản 4 Điều 15 của Luật Doanh nghiệp thì ủy quyền cho một người khác dự họp Đại hội đồng cổ đông.

Người được các đối tượng nói trên ủy quyền dự họp theo khoản 1 khoản 2 Điều này không được ủy quyền lại cho người khác. Việc ủy quyền chỉ được thực hiện từng lần.

Cổ đông là tổ chức có thể ủy quyền tối đa cho một người làm đại diện theo ủy quyền.

Người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức phải thỏa mãn các tiêu chuẩn và điều kiện tại khoản 5 Điều 15 Luật Doanh nghiệp và đồng thời phải có đủ năng lực pháp luật. Người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức không được ủy quyền cho người khác trừ trường hợp ủy quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông. Việc chỉ định người đại diện theo ủy quyền và nội dung văn bản chỉ định người đại diện theo ủy quyền thực hiện theo khoản 4 Điều 15 Luật Doanh nghiệp.

Người được ủy quyền phải có đủ năng lực pháp luật, năng lực hành vi dân sự.

2. Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông phải lập thành văn bản theo mẫu của Công ty và phải có chữ ký theo quy định sau đây:

a. Trường hợp cổ đông cá nhân là người ủy quyền thì giấy ủy quyền phải có chữ ký của cổ đông đó và cá nhân, được ủy quyền dự họp;

b. Trường hợp người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức là người ủy quyền thì giấy ủy quyền phải có chữ ký của người đại diện theo ủy quyền, người đại diện theo pháp luật của cổ đông tổ chức và cá nhân được ủy quyền dự họp;

c. Trong trường hợp khác thì giấy ủy quyền phải có chữ ký của người đại diện theo pháp luật của cổ đông và người được ủy quyền dự họp.

Người được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải nộp văn bản ủy quyền khi đăng ký dự họp trước khi vào phòng họp.

3. Người được ủy quyền được biểu quyết, bầu cử tại Đại hội đồng cổ đông và thực hiện các quyền khác của một đại biểu dự họp Đại hội đồng cổ đông.

4. Phiếu biểu quyết của người được ủy quyền dự họp trong phạm vi được ủy quyền vẫn có hiệu lực khi xảy ra một trong các trường hợp sau đây:

a. Người ủy quyền đã chết, bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự;

b. Người ủy quyền đã hủy bỏ việc chỉ định ủy quyền;

c. Người ủy quyền đã hủy bỏ thẩm quyền của người thực hiện việc ủy quyền.

Điều khoản này không áp dụng trong trường hợp Công ty nhận được thông báo về một trong các sự kiện trên trước giờ khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc trước khi cuộc họp được triệu tập lại.

### **Điều 17. Thay đổi các quyền**

1. Việc thay đổi hoặc hủy bỏ các quyền đặc biệt gắn liền với một loại cổ phần ưu đãi có hiệu lực khi được cổ đông nắm giữ ít nhất 65% cổ phần phổ thông tham dự họp thông qua đồng thời được cổ đông nắm giữ ít nhất 65% quyền biểu quyết của loại cổ phần ưu đãi nêu trên biểu quyết thông qua. Việc tổ chức cuộc họp của các cổ đông nắm giữ một loại cổ phần ưu đãi để thông qua việc thay đổi quyền nêu trên chỉ có giá trị khi có tối thiểu 02 (hai) cổ đông (hoặc đại diện được ủy quyền của họ) và nắm giữ tối thiểu 1/3 (một phần ba) giá trị mệnh giá của các cổ phần loại đó đã phát hành. Trường hợp không có đủ số đại biểu như nêu trên thì cuộc họp được tổ chức lại trong vòng 30 (ba mươi) ngày sau đó và những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó (không phụ thuộc vào số lượng người và số cổ phần) có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền đều được coi là đủ số lượng đại biểu yêu cầu. Tại các cuộc họp của cổ đông nắm giữ cổ phần ưu đãi nêu trên, những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó có mặt trực tiếp hoặc qua người đại diện có thể yêu cầu bỏ phiếu kín. Mỗi cổ phần cùng loại có quyền biểu quyết ngang bằng nhau tại các cuộc họp nêu trên.

2. Thủ tục tiến hành các cuộc họp riêng biệt như vậy được thực hiện tương tự với các quy định tại Điều 19 và Điều 21 Điều lệ này.

3. Trừ khi các điều khoản phát hành cổ phần quy định khác, các quyền đặc biệt gắn liền với các loại cổ phần có quyền ưu đãi đối với một số hoặc tất cả các vấn đề liên quan đến việc phân phối lợi nhuận hoặc tài sản của Công ty không bị thay đổi khi Công ty phát hành thêm các cổ phần cùng loại.

### **Điều 18. Triệu tập họp, chương trình họp và thông báo họp Đại hội đồng cổ đông**

1. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được triệu tập theo các trường hợp quy định tại điểm b hoặc điểm c khoản 4 Điều 14

Điều lệ này.

2. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện các công việc sau đây:

a. Chuẩn bị danh sách cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không sớm hơn 10 (mười) ngày trước ngày gửi thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông;

Công ty phải công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ theo quy định pháp luật;

b. Chuẩn bị chương trình, nội dung đại hội;

c. Chuẩn bị tài liệu cho đại hội;

d. Dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp; danh sách và thông tin chi tiết của các ứng viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên theo điểm đ khoản 7 Điều 136 Luật Doanh nghiệp;

e. Xác định thời gian và địa điểm tổ chức đại hội;

f. Gửi thông báo họp Đại hội đồng cổ đông cho tất cả các cổ đông có quyền dự họp;

g. Các công việc khác phục vụ đại hội.

3. Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông được gửi bằng phương thức bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của cổ đông, đồng thời đăng trên trang thông tin điện tử của Công ty theo khoản 2 Điều 139 Luật Doanh nghiệp. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả các cổ đông trong Danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất 10 (mười) ngày trước ngày khai mạc (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ, được trả cước phí hoặc được bỏ vào hòm thư). Thông báo mời họp phải có nội dung theo khoản 1 Điều 139 Luật Doanh nghiệp: Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp; tên, địa chỉ thường trú của cổ đông, thời gian, địa điểm họp và những yêu cầu khác đối với người dự họp.

Thông báo mời họp phải được gửi kèm theo các tài liệu sau đây:

a. Chương trình họp, Các tài liệu thảo luận làm cơ sở thông qua quyết định;

c. Phiếu biểu quyết;

d. Mẫu chỉ định đại diện theo ủy quyền dự họp;

e. Dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp.

Trường hợp Công ty có trang thông tin điện tử, việc gửi tài liệu họp theo thông báo mời họp quy định tại khoản 3 Điều này có thể thay thế bằng việc đăng tải lên trang thông tin điện tử của Công ty. Trường hợp này, thông báo mời họp phải ghi rõ nơi, cách thức tải tài liệu và Công ty phải gửi tài liệu họp cho cổ đông nếu cổ đông yêu cầu.

Công ty đại chúng phải công bố thông tin về họp Đại hội đồng cổ đông thường niên, Đại hội đồng cổ đông bất thường hoặc thông qua nghị quyết Đại hội đồng cổ đông dưới hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản theo quy định pháp luật.

4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông theo quy định tại khoản 3 Điều 12 Điều lệ này có quyền kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và phải được gửi đến Công ty ít nhất 03 (ba) ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bao gồm họ và tên cổ đông, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng và loại cổ phần cổ đông đó nắm giữ, và vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp.



5. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền từ chối kiến nghị quy định tại khoản 4 Điều này nếu thuộc một trong các trường hợp sau:

- a. Kiến nghị được gửi đến không đúng thời hạn hoặc không đủ, không đúng nội dung;
- b. Vào thời điểm kiến nghị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không nắm giữ đủ từ 10% cổ phần phổ thông trở lên trong thời gian liên tục ít nhất 06 (sáu) tháng theo quy định tại khoản 3 Điều 12 Điều lệ này;
- c. Vấn đề kiến nghị không thuộc phạm vi thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
- d. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

6. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải chấp nhận và đưa kiến nghị quy định tại khoản 4 Điều này vào dự kiến chương trình và nội dung cuộc họp, trừ trường hợp quy định tại khoản 5 Điều này; kiến nghị được chính thức bổ sung vào chương trình và nội dung cuộc họp nếu được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận.

7. Chỉ có Đại hội đồng cổ đông mới có quyền quyết định thay đổi chương trình họp đã được gửi kèm theo thông báo mời họp theo quy định tại Điều 139 của Luật Doanh nghiệp.

### **Điều 19. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông**

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện cho ít nhất 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.

2. Trường hợp không có đủ số lượng đại biểu cần thiết trong vòng 30 (ba mươi) phút kể từ thời điểm xác định khai mạc đại hội, người triệu tập họp có quyền hủy cuộc họp. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được triệu tập lại trong vòng ba mươi (30) ngày kể từ ngày dự định tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông triệu tập lần thứ hai chỉ được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện ít nhất 33% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.

3. Trường hợp đại hội lần thứ hai không được tiến hành do không có đủ số đại biểu cần thiết trong vòng ba mươi (30) phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc đại hội, cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ ba có thể được triệu tập trong vòng 20 (hai mươi) ngày kể từ ngày dự định tiến hành đại hội lần hai. Trong trường hợp này, đại hội được tiến hành không phụ thuộc vào tổng số phiếu có quyền biểu quyết của các cổ đông dự họp, được coi là hợp lệ và có quyền quyết định tất cả các vấn đề dự kiến được phê chuẩn tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất.

### **Điều 20. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông**

1. Trước khi khai mạc cuộc họp, Công ty phải tiến hành thủ tục đăng ký cổ đông, lập danh sách cổ đông đăng ký dự họp và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các cổ đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết.

Đại biểu đương nhiên dự Đại hội đồng cổ đông là các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban điều hành và các cổ đông có tên trong danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông.

2. Khi tiến hành đăng ký cổ đông, người đăng ký dự họp sẽ được cấp thẻ biểu quyết cho những vấn đề cần biểu quyết trong chương trình họp. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành bằng cách thu thẻ biểu quyết tán thành nghị quyết, sau đó thu thẻ biểu quyết không tán thành, cuối cùng kiểm phiếu tập hợp số phiếu biểu quyết tán thành, không tán thành, không có ý kiến. Kết quả kiểm phiếu được chủ tọa công bố trước khi bế mạc cuộc họp.

Chủ tọa cử một hoặc một số người làm thư ký cuộc họp.

Đại hội đồng cổ đông bầu một hoặc một số người vào ban kiểm phiếu theo đề nghị của chủ tọa cuộc họp.

3. Cổ đông hoặc người được ủy quyền dự họp đến sau khi cuộc họp đã khai mạc vẫn được đăng ký và có quyền tham gia và biểu quyết tại đại hội ngay sau khi đăng ký. Chủ tọa không có trách nhiệm dừng đại hội để cho cổ đông đến muộn đăng ký và hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.

4. Chủ tịch Hội đồng quản trị làm chủ tọa các cuộc họp do Hội đồng quản trị triệu tập. Trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên Hội đồng quản trị còn lại bầu một người trong số họ làm chủ tọa cuộc họp theo nguyên tắc đa số. Trường hợp không bầu được người làm chủ tọa, Trưởng Ban kiểm soát điều khiển để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp trong số những người dự họp và người có phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp.

Trong các trường hợp khác, người ký tên triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông điều khiển cuộc họp Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất được cử làm chủ tọa cuộc họp.

5. Chương trình và nội dung cuộc họp phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trong phiên khai mạc. Chương trình phải xác định rõ và chi tiết thời gian đối với từng vấn đề trong nội dung chương trình họp.

6. Chủ tọa đại hội có quyền tiến hành các biện pháp cần thiết và hợp lý để điều khiển cuộc họp Đại hội đồng cổ đông một cách có trật tự, đúng theo chương trình đã được thông qua và phản ánh được mong muốn của đa số đại biểu tham dự.

7. Chủ tọa đại hội có quyền hoãn cuộc họp đã có đủ số lượng đại biểu dự họp cần thiết theo quy định tại khoản 8 và khoản 9 Điều 142 Luật Doanh nghiệp.

8. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có các quyền theo khoản 7 Điều 142 Luật Doanh nghiệp, cụ thể:

a. Yêu cầu tất cả người dự họp chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh hợp pháp, hợp lý khác;

b. Yêu cầu cơ quan có thẩm quyền duy trì trật tự cuộc họp; trục xuất những người không tuân thủ quyền điều hành của chủ tọa, cố ý gây rối trật tự, ngăn cản tiến triển bình thường của cuộc họp hoặc không tuân thủ các yêu cầu về kiểm tra an ninh ra khỏi cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

9. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông, sau khi đã xem xét một cách cẩn trọng, có thể tiến hành các biện pháp thích hợp để:

a. Bố trí chỗ ngồi tại địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;

b. Bảo đảm an toàn cho mọi người có mặt tại các địa điểm họp;

c. Tạo điều kiện cho cổ đông tham dự (hoặc tiếp tục tham dự) đại hội. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có toàn quyền thay đổi những biện pháp nêu trên và áp dụng tất cả các biện pháp cần thiết. Các biện pháp áp dụng có thể là cấp giấy vào cửa hoặc sử dụng những hình thức lựa chọn khác.

10. Hàng năm, Công ty tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông ít nhất 01 (một) lần. Đại hội đồng cổ đông thường niên không được tổ chức dưới hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản.

## **Điều 21. Thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông**

1. Hình thức thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

a. Đại hội đồng cổ đông thông qua các quyết định thuộc thẩm quyền bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp hoặc lấy ý kiến bằng văn bản.

b. Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông về các vấn đề sau đây phải được thông qua bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông:

i. Sửa đổi, bổ sung các nội dung của Điều lệ Công ty;

ii. Định hướng phát triển Công ty;

iii. Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;

iv. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát;

v. Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất đã được kiểm toán của Công ty;

vi. Thông qua báo cáo tài chính hằng năm;

vii. Tổ chức lại, giải thể Công ty.

2. Trừ trường hợp quy định tại khoản 3, khoản 4 Điều này, các quyết định của Đại hội đồng cổ đông sẽ được thông qua khi có từ 51% trở lên tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông có quyền biểu quyết dự họp tán thành.

3. Bầu thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát phải thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 144 Luật Doanh nghiệp.

4. Nghị quyết về nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện ít nhất 65% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành:

a. Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;

b. Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh;

c. Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý Công ty;

d. Dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;

e. Tổ chức lại, giải thể Công ty;

5. Các nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự và thủ tục thông qua nghị quyết đó không được thực hiện đúng như quy định.

6. Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông phải được thông báo đến cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nghị quyết được thông qua; trường hợp Công ty có trang thông tin điện tử, việc gửi thông báo nghị quyết này có thể thay thế bằng việc đăng tải lên trang thông tin điện tử của Công ty.

Công ty phải công bố thông tin về quyết định của Đại hội đồng cổ đông bao gồm nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, biên bản họp hoặc biên bản kiểm phiếu (trong trường hợp lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản) theo quy định pháp luật.

## **Điều 22. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông**

Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông được thực hiện theo quy định sau đây:

1. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông khi xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty.

2. Hội đồng quản trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết và gửi đến tất cả các cổ đông có quyền biểu

quyết chậm nhất 10 (mười) ngày trước thời hạn phải gửi lại phiếu lấy ý kiến.

Yêu cầu và cách thức gửi phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo được thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 18 Điều lệ này.

3. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;

b. Mục đích lấy ý kiến;

c. Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính của cổ đông là tổ chức hoặc họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông;

d. Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;

e. Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề lấy ý kiến;

f. Thời hạn phải gửi về Công ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời;

g. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị và người đại diện theo pháp luật của Công ty.

4. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, của người đại diện theo ủy quyền hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức.

5. Phiếu lấy ý kiến có thể được gửi về Công ty theo các hình thức sau:

a. Gửi thư: Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu;

b. Gửi fax hoặc thư điện tử: Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty qua fax hoặc thư điện tử phải được giữ bí mật đến thời điểm kiểm phiếu.

Các phiếu lấy ý kiến Công ty nhận được sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở trong trường hợp gửi thư hoặc bị tiết lộ trước thời điểm kiểm phiếu/ trong trường hợp gửi fax, thư điện tử là không hợp lệ. Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được coi là phiếu không tham gia biểu quyết.

6. Hội đồng quản trị kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Ban kiểm soát hoặc của cổ đông không phải là người điều hành doanh nghiệp. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;

b. Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua nghị quyết;

c. Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số biểu quyết không hợp lệ và phương thức gửi phiếu biểu quyết, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết;

d. Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề;

e. Các vấn đề đã được thông qua;

f. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị, người đại diện theo pháp luật của Công ty, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu.

Các thành viên Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu

trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.

7. Biên bản kiểm phiếu phải được gửi đến các cổ đông trong vòng 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu. Trường hợp Công ty có trang thông tin điện tử, việc gửi biên bản kiểm phiếu có thể thay thế bằng việc đăng tải trên trang thông tin điện tử của Công ty.

8. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản có giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

9. Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản phải được số cổ đông đại diện ít nhất 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết chấp thuận và có giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

10. Công ty phải công bố thông tin về quyết định của Đại hội đồng cổ đông bao gồm nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, biên bản họp hoặc biên bản kiểm phiếu (trong trường hợp lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản) theo quy định pháp luật.

### **Điều 23. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông**

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải được lập bằng tiếng Việt, có thể lập thêm bằng tiếng Anh và có các nội dung chủ yếu sau đây:

- a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
- b. Thời gian và địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;
- c. Chương trình họp và nội dung cuộc họp;
- d. Họ, tên chủ tọa và thư ký;
- e. Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông về từng vấn đề trong nội dung chương trình họp;
- f. Số cổ đông và tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp, phụ lục danh sách đăng ký cổ đông, đại diện cổ đông dự họp với số cổ phần và số phiếu bầu tương ứng;
- g. Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ phương thức biểu quyết, tổng số phiếu hợp lệ, không hợp lệ, tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp;
- h. Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ phiếu biểu quyết thông qua tương ứng;
- i. Chữ ký của chủ tọa và thư ký.

Biên bản được lập bằng tiếng Việt và nếu có tiếng Anh đều có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung biên bản tiếng Việt và tiếng Anh thì nội dung trong biên bản tiếng Việt có hiệu lực áp dụng.

2. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được lập xong và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp. Chủ tọa và thư ký cuộc họp phải chịu trách nhiệm liên đới về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.

3. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được gửi đến tất cả cổ đông trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày kết thúc cuộc họp; việc gửi biên bản kiểm phiếu có thể thay thế bằng việc đăng tải lên trang thông tin điện tử của Công ty.

Công ty phải công bố thông tin bất thường về quyết định của Đại hội đồng cổ đông bao gồm nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, biên bản họp hoặc biên bản kiểm phiếu (trong

trường hợp lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản) theo quy định pháp luật.

4. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông được coi là bằng chứng xác thực về những công việc đã được tiến hành tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

5. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp, nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo thông báo mời họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

#### **Điều 24. Yêu cầu hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông**

Trong thời hạn 90 (chín mươi) ngày, kể từ ngày nhận được biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 3 Điều 12 Điều lệ này có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ nghị quyết hoặc một phần nội dung nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

1. Trình tự và thủ tục triệu tập họp hoặc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông không thực hiện đúng theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này, trừ trường hợp quy định tại khoản 5 Điều 21 Điều lệ này.

2. Nội dung nghị quyết vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ này.

Trường hợp quyết định của Đại hội đồng cổ đông bị hủy bỏ theo quyết định của Tòa án hoặc Trọng tài, người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bị hủy bỏ có thể xem xét tổ chức lại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trong vòng 60 (sáu mươi) ngày theo trình tự, thủ tục quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này.

### **VII. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

#### **Điều 25. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị**

1. Trường hợp đã xác định được trước ứng viên, thông tin liên quan đến các ứng viên Hội đồng quản trị được đưa vào tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông và công bố tối thiểu 10 (mười) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng viên này trước khi bỏ phiếu. Ứng viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác và hợp lý của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị. Thông tin liên quan đến ứng viên Hội đồng quản trị được công bố bao gồm các nội dung tối thiểu sau đây:

- a. Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
- b. Trình độ học vấn;
- c. Trình độ chuyên môn;
- d. Quá trình công tác;
- e. Các Công ty mà ứng viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị và các chức danh quản lý khác;
- f. Các lợi ích có liên quan tới Công ty (nếu có);
- g. Họ, tên của cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử ứng viên đó (nếu có);
- h. Các thông tin khác (nếu có).

2. Các cổ đông nắm giữ cổ phần phổ thông trong thời hạn liên tục ít nhất sáu (06) tháng có quyền gộp số quyền biểu quyết để đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% đến dưới 20% tổng số cổ phần có quyền biểu được đề cử 01 (một) ứng viên; từ 20% đến dưới 30% được đề cử tối đa 02 (hai) ứng viên; từ 30% đến dưới 40 % được đề cử được đề cử tối đa 03 (ba) ứng viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa

04 (bốn) ứng viên; từ 50% đến dưới 60% được đề cử tối đa 05 (năm) ứng viên; từ 60% đến dưới 70 % được đề cử tối đa 06 (sáu) ứng viên; từ 70% đến dưới 80% được đề cử tối đa 07 (bảy) ứng viên...nếu cổ đông có số cổ phần hoặc nhóm cổ đông sở hữu hoặc được ủy quyền gấp nhiều lần tỷ lệ 10 % trên thì người đó được đề cử thêm số ứng viên tương ứng.

3. Trường hợp số lượng ứng viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết theo quy định tại khoản 4 Điều 114 Luật Doanh nghiệp, Hội đồng quản trị đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế được Công ty quy định tại Quy chế nội bộ về quản trị Công ty. Việc Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu ứng viên Hội đồng quản trị phải được công bố rõ ràng và phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành đề cử theo quy định pháp luật.

### **Điều 26. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị**

1. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị là 05 người. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá năm (05) năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

Trường hợp tất cả thành viên Hội đồng quản trị cùng kết thúc nhiệm kỳ thì các thành viên đó tiếp tục là thành viên Hội đồng quản trị cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc, trừ trường hợp Điều lệ Công ty có quy định khác.

Trường hợp có thành viên được bầu bổ sung hoặc thay thế thành viên bị miễn nhiệm, bãi nhiệm trong thời hạn nhiệm kỳ thì nhiệm kỳ của thành viên đó là thời hạn còn lại của nhiệm kỳ Hội đồng quản trị.

2. Cơ cấu, tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Hội đồng quản trị như sau:

a. Thành viên Hội đồng quản trị phải có các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

- Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ, không thuộc đối tượng không được quản lý doanh nghiệp theo quy định tại khoản 2 Điều 18 của Luật Doanh nghiệp;
- Có trình độ chuyên môn hoặc kinh nghiệm trong quản lý kinh doanh của Công ty và không nhất thiết phải là cổ đông của Công ty, trừ trường hợp Điều lệ Công ty quy định khác;
- Thành viên của Hội đồng quản trị không được cùng là thành viên Hội đồng quản trị của quá hai Công ty cổ phần khác; thành viên Hội đồng quản trị có thể kiêm nhiệm các chức vụ điều hành trực tiếp sản xuất kinh doanh của Công ty.

b. Cơ cấu Hội đồng quản trị của Công ty đại chúng cần đảm bảo sự cân đối giữa các thành viên điều hành và các thành viên không điều hành. Tối thiểu 1/3 tổng số thành viên Hội đồng quản trị phải là thành viên không điều hành theo quy định khoản 2 Điều 13 Nghị định 71/2017/NĐ-CP.

3. Thành viên Hội đồng quản trị bị miễn nhiệm, bãi nhiệm trong các trường hợp sau đây:

a. Miễn nhiệm:

- Không có đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 151 của Luật Doanh nghiệp;
- Không tham gia các hoạt động của Hội đồng quản trị trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;
- Có đơn từ chức;

b. Bãi nhiệm: Thành viên Hội đồng quản trị có thể bị bãi nhiệm theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

4. Việc thay đổi, bổ nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị phải được công bố thông tin theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

## **Điều 27. Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị**

1. Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Công ty không thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

2. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do luật pháp, Điều lệ Công ty và Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nghĩa vụ sau:

a. Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hàng năm của Công ty;

b. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị; bổ nhiệm và miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng giám đốc, thành viên Ban điều hành và quyết định tiền lương và quyền lợi khác của họ; cử người đại diện theo ủy quyền tham gia Hội đồng thành viên hoặc Đại hội đồng cổ đông ở Công ty khác, quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của những người đó;

c. Giám sát, chỉ đạo Tổng giám đốc và thành viên Ban điều hành trong điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty;

d. Giải quyết các khiếu nại của Công ty đối với người điều hành doanh nghiệp cũng như quyết định lựa chọn đại diện của Công ty để giải quyết các vấn đề liên quan tới các thủ tục pháp lý đối với người điều hành đó;

e. Quyết định cơ cấu tổ chức của Công ty, quy chế quản lý nội bộ của Công ty, việc thành lập hay giải thể Công ty con, chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác;

f. Đề xuất việc tổ chức lại hoặc giải thể Công ty hoặc yêu cầu phá sản Công ty;

g. Xây dựng quy chế nội bộ về quản trị Công ty và trình Đại hội đồng cổ đông chấp thuận thông qua theo quy định tại khoản 1 Điều 7 Nghị định 71/2017/NĐ-CP. Quy chế nội bộ về quản trị Công ty không được trái với quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty;

h. Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến để Đại hội đồng cổ đông thông qua quyết định;

i. Đề xuất mức cổ tức được trả; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh;

j. Đề xuất các loại cổ phần phát hành và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;

k. Đề xuất việc phát hành trái phiếu chuyển đổi và trái phiếu kèm chứng quyền;

l. Quyết định giá chào bán cổ phiếu, trái phiếu;

m. Trình báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán, báo cáo quản trị Công ty lên Đại hội đồng cổ đông;

n. Quyết định bán cổ phần mới trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác;

o. Quyết định mua lại cổ phần theo quy định tại khoản 1 Điều 130 của Luật Doanh nghiệp;

p. Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư trong thẩm quyền và giới hạn theo quy định của pháp luật;

q. Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ;

r. Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng khác có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty. Quy



định này không áp dụng đối với hợp đồng và giao dịch quy định, tại điểm d khoản 2 Điều 135, khoản 1 và khoản 3 Điều 162 của Luật Doanh nghiệp;

s. Quản trị Công ty theo Điều lệ; nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và tuân thủ đúng luật pháp;

t. Báo cáo trình Đại hội đồng cổ đông: Các báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị, kết quả kinh doanh, phương án phân phối lợi nhuận;

u. Thực hiện việc trích lập các quỹ từ nguồn lợi nhuận sau thuế chưa phân phối và cách thức sử dụng quỹ theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông; trừ quỹ khen thưởng phúc lợi do Hội đồng quản trị quyết định cách thức sử dụng quỹ;

v. Quyết định một số công việc kinh doanh thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị theo đề nghị của Tổng giám đốc;

x. Quyết định việc đầu tư và quan hệ quốc tế;

y. Kiến nghị bổ sung hoặc sửa đổi Điều lệ Công ty;

z. Phê duyệt phương án trang bị cơ sở vật chất kỹ thuật trong thẩm quyền theo quy định các quy chế quản trị nội bộ của Công ty;

aa. Hội đồng quản trị có thể đình chỉ các quyết định của Tổng giám đốc nếu xét thấy vi phạm pháp luật, vi phạm Điều lệ Công ty, nghị quyết và các quy định của Hội đồng quản trị;

bb. Chịu trách nhiệm về những vi phạm pháp luật, vi phạm Điều lệ Công ty, những sai phạm trong quản trị do mình gây ra thiệt hại cho Công ty;

cc. Xem xét và ủy quyền cho Tổng giám đốc khởi kiện các vụ án có liên quan đến quyền lợi và tài sản của Công ty;

dd. Các nhiệm vụ và quyền hạn khác theo quy định của pháp luật.

3. Những vấn đề sau đây phải được Hội đồng quản trị phê chuẩn:

a. Thành lập các chi nhánh hoặc văn phòng đại diện của Công ty;

b. Thành lập các Công ty con của Công ty;

c. Trong phạm vi quy định tại khoản 2 Điều 149 Luật Doanh nghiệp và trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 135 và khoản 1, khoản 3 Điều 162 Luật Doanh nghiệp phải do Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn, Hội đồng quản trị quyết định việc thực hiện, sửa đổi và hủy bỏ các hợp đồng của Công ty;

d. Chỉ định và bãi nhiệm những người được Công ty ủy nhiệm là đại diện thương mại và luật sư của Công ty;

e. Các khoản đầu tư không thuộc kế hoạch kinh doanh vượt quá 1 tỷ đồng Việt Nam hoặc các khoản đầu tư thuộc kế hoạch kinh doanh vượt quá 10% giá trị kế hoạch kinh doanh hàng năm;

f. Việc định giá tài sản góp vào Công ty không phải là tiền đồng Việt Nam, ngoại tệ tự do chuyển đổi, vàng;

g. Việc mua hoặc bán cổ phần, phần vốn góp tại các công ty khác được thành lập ở Việt Nam hay nước ngoài theo phân cấp tại (theo phân cấp của Quy chế Tài chính hiện hành);

h. Việc mua lại hoặc thu hồi không quá 10% tổng số cổ phần của từng loại đã được chào bán trong 12 (mười hai) tháng;

i. Quyết định giá mua lại hoặc thu hồi cổ phần của Công ty;

j. Các vấn đề kinh doanh hoặc giao dịch mà Hội đồng quyết định cần phải có sự chấp thuận trong phạm vi quyền hạn và trách nhiệm của mình.

4. Trừ khi pháp luật và Điều lệ quy định khác, Hội đồng quản trị có thể ủy quyền cho nhân viên cấp dưới và người điều hành khác đại diện xử lý công việc thay mặt cho Công ty.

5. Hội đồng quản trị thông qua quyết định bằng biểu quyết tại cuộc họp, lấy ý kiến bằng văn bản. Mỗi thành viên Hội đồng quản trị có một phiếu biểu quyết.

6. Khi thực hiện chức năng, quyền và nghĩa vụ của mình, Hội đồng quản trị tuân thủ đúng quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty và nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông. Trong trường hợp nghị quyết do Hội đồng quản trị thông qua trái với quy định của pháp luật hoặc Điều lệ Công ty gây thiệt hại cho Công ty thì các thành viên tán thành thông qua nghị quyết đó phải cùng liên đới chịu trách nhiệm cá nhân về nghị quyết đó và phải đền bù thiệt hại cho Công ty; thành viên phản đối thông qua nghị quyết nói trên được miễn trừ trách nhiệm. Trường hợp này, cổ đông sở hữu cổ phần của Công ty liên tục trong thời hạn ít nhất 01 năm có quyền yêu cầu Hội đồng quản trị đình chỉ thực hiện nghị quyết nói trên.

#### **Điều 28. Thù lao, tiền lương và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc.**

1. Công ty có quyền trả thù lao cho thành viên Hội đồng quản trị, trả lương cho Tổng giám đốc và người quản lý khác theo kết quả và hiệu quả kinh doanh.

2. Thù lao, tiền lương và quyền lợi khác của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc được trả theo quy định sau đây:

a. Thành viên Hội đồng quản trị được hưởng thù lao và tiền thưởng. Thù lao được tính theo tháng. Mức thù lao, tiền thưởng và các lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định tại cuộc họp thường niên;

b. Thành viên Hội đồng quản trị đồng thời là người lao động của Công ty thì được hưởng lương và các quyền lợi khác như người lao động khác của Công ty;

c. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán các chi phí ăn, ở, đi lại và chi phí hợp lý khác mà họ chi trả khi thực hiện nhiệm vụ cụ thể được giao theo biên bản/ng nghị quyết của Hội đồng quản trị;

d. Tổng giám đốc được trả tiền lương và tiền thưởng. Tiền lương, tiền thưởng, quyền lợi khác của Tổng giám đốc do Hội đồng quản trị quyết định.

3. Thù lao, các lợi ích và mọi chi phí hoạt động khác của Hội đồng quản trị như chi phí ăn, ở, đi lại, chi phí hợp lý khác và tiền lương của Tổng giám đốc và người quản lý khác theo khoản 3 Điều 158 Luật doanh nghiệp được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp và phải được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty, phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

#### **Điều 29. Chủ tịch Hội đồng quản trị**

1. Hội đồng quản trị bầu một thành viên của Hội đồng quản trị làm Chủ tịch. Mỗi thành viên Hội đồng quản trị có một phiếu biểu quyết.

2. Chủ tịch Hội đồng quản trị có nghĩa vụ chuẩn bị chương trình, tài liệu, triệu tập và làm chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị, chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông; đồng thời có các quyền và nghĩa vụ khác quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này.

a. Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị;

b. Tổ chức việc thông qua nghị quyết của Hội đồng quản trị;

c. Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các nghị quyết của Hội đồng quản trị.

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị có trách nhiệm đảm bảo việc Hội đồng quản trị gửi báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán, báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị cho các cổ

đồng tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

4. Chủ tịch Hội đồng quản trị có thể bị bãi miễn theo quyết định của Hội đồng quản trị. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị từ chức hoặc bị bãi miễn, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn (10) mười ngày.

5. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình thì ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên khác thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị. Trường hợp không có người được ủy quyền thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên tạm thời giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc thiểu số phục tùng đa số.

6. Chủ tịch Hội đồng quản trị có thể tuyển dụng thư ký chuyên trách để thực hiện các việc mang tính tổng hợp, phân tích số liệu, tài liệu, làm công việc hành chính, ghi biên bản và các công việc khác của Hội đồng quản trị.

### **Điều 30. Cuộc họp của Hội đồng quản trị**

1. Trường hợp Hội đồng quản trị bầu Chủ tịch thì Chủ tịch Hội đồng quản trị sẽ được bầu trong cuộc họp đầu tiên của nhiệm kỳ Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 (bảy) ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị nhiệm kỳ đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập và chủ trì. Trường hợp có nhiều hơn một (01) thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn 01 (một) người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị và chủ trì.

2. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập các cuộc họp Hội đồng quản trị định kỳ và bất thường. Chủ tịch có thể triệu tập họp khi xét thấy cần thiết, nhưng mỗi quý phải họp ít nhất 01 (một) lần.

Hội đồng quản trị có thể họp định kỳ hoặc bất thường. Cuộc họp Hội đồng quản trị do Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập khi xét thấy cần thiết, nhưng mỗi quý phải họp ít nhất 01 (một) lần.

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị khi có một trong số các đối tượng được quy định tại khoản 4 Điều 153 Luật Doanh nghiệp đề nghị bằng văn bản nêu rõ mục đích cuộc họp, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị, cụ thể:

- a. Ban kiểm soát;
- b. Tổng giám đốc hoặc ít nhất 05 (năm) người quản lý khác;
- c. Ít nhất 02 (hai) thành viên điều hành của Hội đồng quản trị;

4. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 (bảy) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đề nghị nêu tại khoản 3 Điều này. Trường hợp không triệu tập họp theo đề nghị thì Chủ tịch Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty; những người đề nghị tổ chức họp được nêu tại khoản 3 Điều 30 có quyền triệu tập họp Hội đồng quản trị.

5. Trường hợp có yêu cầu của Công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty, Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị để bàn về báo cáo kiểm toán và tình hình Công ty.

6. Cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành tại trụ sở chính của Công ty hoặc tại địa điểm khác.

7. Thông báo họp Hội đồng quản trị phải được gửi cho các thành viên Hội đồng quản trị và các Kiểm soát viên chậm nhất 01 (một) ngày làm việc trước ngày họp. Thông báo họp Hội đồng quản trị phải xác định cụ thể thời gian, địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo

luận. Kèm theo thông báo mời họp phải có tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.

Thông báo mời họp được gửi bằng bưu điện, fax, thư điện tử hoặc phương tiện khác, nhưng phải bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng quản trị và các Kiểm soát viên được đăng ký tại Công ty.

Kiểm soát viên có quyền dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị; có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.

8. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị được tiến hành khi có ít nhất 3/4 (ba phần tư) tổng số thành viên Hội đồng quản trị trở lên dự họp.

Trường hợp không đủ số thành viên dự họp theo quy định, cuộc họp phải được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn 07 (bảy) ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp triệu tập lần thứ hai được tiến hành nếu có hơn 1/2 (một nửa) số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.

9. Thành viên phải tham dự đầy đủ các cuộc họp của Hội đồng quản trị. Thành viên Hội đồng quản trị được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau đây:

a. Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;

b. Ủy quyền cho thành viên HĐQT khác dự họp và phải được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận;

c. Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử.

10. Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất 01 (một) giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả người dự họp.

11. Biểu quyết.

a. Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết về các hợp đồng, các giao dịch mà thành viên đó có lợi ích liên quan.

b. Thành viên Hội đồng quản trị không được tính vào tỷ lệ thành viên tối thiểu có mặt để có thể tổ chức cuộc họp Hội đồng quản trị về những quyết định mà thành viên đó không có quyền biểu quyết;

c. Theo quy định tại điểm d khoản 11 Điều 30 Điều lệ này, khi có vấn đề phát sinh tại cuộc họp liên quan đến lợi ích hoặc quyền biểu quyết của thành viên Hội đồng quản trị mà thành viên đó không tự nguyện từ bỏ quyền biểu quyết, phán quyết của chủ tọa là quyết định cuối cùng, trừ trường hợp tính chất hoặc phạm vi lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị liên quan chưa được công bố đầy đủ;

d. Thành viên Hội đồng quản trị hưởng lợi từ một hợp đồng được quy định tại điểm a và điểm b khoản 5 Điều 38 Điều lệ này được coi là có lợi ích đáng kể trong hợp đồng đó;

e. Kiểm soát viên có quyền dự cuộc họp Hội đồng quản trị, có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.

12. Thành viên Hội đồng quản trị trực tiếp hoặc gián tiếp được hưởng lợi từ một hợp đồng hoặc giao dịch đã được ký kết hoặc đang dự kiến ký kết với Công ty và biết bản thân là người có lợi ích trong đó có trách nhiệm công khai lợi ích này tại cuộc họp đầu tiên của Hội đồng thảo luận về việc ký kết hợp đồng hoặc giao dịch này. Trường hợp thành viên Hội đồng quản trị không biết bản thân và người liên quan có lợi ích vào thời điểm hợp đồng, giao dịch được ký với Công ty, thành viên Hội đồng quản trị này phải công khai các lợi ích liên quan tại cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị được tổ chức sau khi thành viên này biết rằng mình có lợi ích hoặc sẽ có lợi ích trong giao dịch hoặc hợp đồng nêu trên.

13. Hội đồng quản trị thông qua các quyết định và ra nghị quyết trên cơ sở đa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp tán thành. Trường hợp số phiếu tán thành và phản đối ngang bằng nhau, phiếu biểu quyết của Chủ tịch Hội đồng quản trị là phiếu quyết định.

14. Nghị quyết theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản được thông qua trên cơ sở ý kiến tán thành của đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết. Nghị quyết này có hiệu lực và giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp.

15. Chủ tịch Hội đồng quản trị có trách nhiệm gửi biên bản họp Hội đồng quản trị tới các thành viên và biên bản đó là bằng chứng xác thực về công việc đã được tiến hành trong cuộc họp.

16. Biên bản họp Hội đồng quản trị được lập bằng tiếng Việt và có thể lập bằng tiếng Anh. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung biên bản tiếng Việt và tiếng Anh thì nội dung trong biên bản tiếng Việt có hiệu lực áp dụng.

Biên bản họp Hội đồng quản trị và tài liệu sử dụng trong cuộc họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

17. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị phải được ghi biên bản và có thể ghi âm, ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác, có các nội dung chủ yếu sau đây:

- a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
- b. Mục đích, chương trình và nội dung họp;
- c. Thời gian, địa điểm họp;
- d. Họ, tên từng thành viên dự họp hoặc người được ủy quyền dự họp và cách thức dự họp; họ, tên các thành viên không dự họp và lý do;
- e. Các vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp;
- f. Tóm tắt phát biểu ý kiến của từng thành viên dự họp theo trình tự diễn biến của cuộc họp;
- g. Kết quả biểu quyết trong đó ghi rõ những thành viên tán thành, không tán thành và không có ý kiến;
- h. Các vấn đề đã được thông qua;
- i. Họ, tên, chữ ký chủ tọa, người ghi biên bản và tất cả thành viên hoặc đại diện theo ủy quyền dự họp.

18. Chủ tọa, người ghi biên bản và tất cả thành viên hoặc đại diện theo ủy quyền dự họp phải chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của nội dung biên bản họp Hội đồng quản trị.

## **VIII. TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ THÀNH VIÊN BAN ĐIỀU HÀNH**

### **Điều 31. Tổ chức bộ máy quản lý**

Hệ thống quản lý của Công ty phải đảm bảo bộ máy quản lý chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và chịu sự giám sát, chỉ đạo của Hội đồng quản trị trong công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty. Công ty có Ban điều hành gồm Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và các thành viên Ban điều hành khác do Hội đồng quản trị bổ nhiệm. Việc bổ nhiệm miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh nêu trên phải được thông qua bằng nghị quyết Hội đồng quản trị.

### **Điều 32. Người điều hành doanh nghiệp**

1. Hội đồng quản trị có quyền tuyển dụng người trong Ban điều hành với số lượng và tiêu chuẩn phù hợp với cơ cấu và quy chế quản lý của Công ty do Hội đồng quản trị quy định. Tổng giám đốc có quyền đề xuất tuyển dụng thành viên khác trong Ban điều hành để Hội

đồng quản trị xem xét quyết định. Thành viên Ban điều hành phải có trách nhiệm miễn cán để hỗ trợ Công ty đạt được các mục tiêu đề ra trong hoạt động và tổ chức.

2. Tổng giám đốc là người điều hành công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty; các thành viên khác trong Ban điều hành có trách nhiệm giúp việc cho Tổng giám đốc theo từng khối nghiệp vụ và công việc được phân công. Thành viên Ban điều hành chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị; chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trước pháp luật về việc thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao hoặc phân công. Nhiệm kỳ của Tổng giám đốc và nhiệm kỳ của các cán bộ khác trong Ban điều hành theo quyết định cụ thể của Hội đồng quản trị.

3. Tiền lương, lợi ích và các điều khoản khác trong hợp đồng lao động đối với Tổng giám đốc do Hội đồng quản trị quyết định và hợp đồng lao động với thành viên Ban điều hành do Hội đồng quản trị quyết định sau khi tham khảo ý kiến của Tổng giám đốc.

4. Việc thay đổi, bổ nhiệm mới, bổ nhiệm lại, bãi nhiệm người nội bộ phải được công bố thông tin theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

### **Điều 33. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng giám đốc**

1. Hội đồng quản trị bổ nhiệm một (01) thành viên Hội đồng quản trị hoặc thuê một người khác làm Tổng giám đốc; ký hợp đồng lao động trong đó quy định tiền lương và lợi ích khác.

2. Nhiệm kỳ của Tổng giám đốc không quá năm (05) năm và có thể được bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

Việc bổ nhiệm có thể hết hiệu lực căn cứ vào các quy định tại hợp đồng lao động.

3. Tiêu chuẩn và điều kiện của Tổng giám đốc:

a. Có đủ năng lực hành vi dân sự và không thuộc đối tượng không được quản lý doanh nghiệp theo quy định tại khoản 2 Điều 18 Luật Doanh nghiệp;

b. Có trình độ chuyên môn hoặc kinh nghiệm trong quản trị kinh doanh của Công ty.

4. Tổng giám đốc có các quyền và nghĩa vụ sau:

a. Tổ chức thực hiện các nghị quyết của Hội đồng quản trị;

b. Tổ chức thực hiện kế hoạch kinh doanh và phương án đầu tư của Công ty;

c. Quyết định các vấn đề liên quan đến công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty mà không cần phải có quyết định của Hội đồng quản trị, bao gồm việc thay mặt Công ty ký kết các hợp đồng tài chính và thương mại, và các loại hợp đồng khác theo luật định, theo Điều lệ Công ty và Quy chế Tài chính do Hội đồng quản trị ban hành, tổ chức và điều hành hoạt động kinh doanh hàng ngày của Công ty theo những thông lệ quản lý tốt nhất;

d. Kiến nghị với Hội đồng quản trị về phương án cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty;

e. Đề xuất những biện pháp nâng cao hoạt động và quản lý của Công ty;

f. Kiến nghị người điều hành khác của doanh nghiệp mà Công ty cần tuyển dụng để Hội đồng quản trị bổ nhiệm theo quy chế nội bộ và kiến nghị tiền lương và lợi ích khác đối với người điều hành khác để Hội đồng quản trị quyết định;

g. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh quản lý trong Công ty, trừ các chức danh thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;

h. Quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm, khen thưởng, kỷ luật đối với cán bộ công nhân viên dưới quyền và phê duyệt phương án tổ chức bộ máy và nhân sự các đơn vị trực thuộc theo Quy chế Tổ chức do Hội đồng quản trị ban hành;

- i. Quyết định tiền lương và quyền lợi khác đối với người lao động trong Công ty kể cả người quản lý thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của Tổng giám đốc;
- j. Tuyển dụng người lao động theo phân cấp;
- k. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này, các quy chế nội bộ của Công ty, các nghị quyết của Hội đồng quản trị, hợp đồng lao động ký với Công ty;
- l. Kiến nghị phương án trả cổ tức hoặc xử lý lỗ trong kinh doanh;
- m. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty và nghị quyết của Hội đồng quản trị;
- o. Xây dựng và trình Hội đồng quản trị kế hoạch hàng năm, kế hoạch trung hạn và kế hoạch dài hạn;
- p. Quyết định giá mua, giá bán nguyên liệu, sản phẩm (trừ những sản phẩm dịch vụ do Nhà nước quy định);
- q. Quyết định các biện pháp tuyên truyền quảng cáo, tiếp thị, các biện pháp khuyến khích mở rộng sản xuất;
- r. Quyết định và thực hiện những vấn đề về tài chính theo Quy chế tài chính do Hội đồng quản trị ban hành;
- s. Được đề nghị Hội đồng quản trị khen thưởng, kỷ luật các chức danh: Giám đốc nghiệp vụ, Kế toán trưởng, trừ những trường hợp Hội đồng quản trị cần thực hiện trực tiếp;
- t. Báo cáo trước Hội đồng quản trị tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty;
- u. Được quyết định các biện pháp vượt thẩm quyền của mình trong những trường hợp khẩn cấp như thiên tai, địch họa, hỏa hoạn, sự cố khẩn cấp... và chịu trách nhiệm về các quyết định này, đồng thời báo cáo ngay cho Hội đồng quản trị;
- v. Tổng giám đốc phải điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty theo đúng quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty, hợp đồng lao động ký với Công ty và nghị quyết của Hội đồng quản trị. Trường hợp điều hành trái với quy định này mà gây thiệt hại cho Công ty thì Giám đốc hoặc Tổng giám đốc phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và phải bồi thường thiệt hại cho Công ty.
5. Tổng giám đốc chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao và phải báo cáo các cấp này khi được yêu cầu.
6. Hội đồng quản trị có thể miễn nhiệm Tổng giám đốc khi đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết dự họp tán thành và bổ nhiệm Tổng giám đốc mới thay thế.
7. Khi Tổng giám đốc muốn từ chức, từ nhiệm phải có đơn gửi Hội đồng quản trị. Trong thời hạn 60 (sáu mươi) ngày kể từ ngày nhận được đơn, Hội đồng quản trị xem xét và giải quyết. Khi thôi chức vụ, Tổng giám đốc phải bàn giao đầy đủ công việc cho người kế nhiệm mình.
8. Tổng giám đốc đương nhiên mất tư cách khi xảy ra một trong các trường hợp sau đây:
- Chết;
  - Tự ý bỏ nhiệm sở theo quy định của Bộ luật Lao động;
  - Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm Tổng giám đốc ;
  - Không được Hội đồng quản trị bổ nhiệm lại;
  - Bị miễn nhiệm bởi Hội đồng quản trị;

- Hợp đồng lao động hết hạn mà không gia hạn hoặc theo thỏa thuận tại hợp đồng lao động.

9. Trường hợp Tổng giám đốc bị mất tư cách, Hội đồng quản trị phải tạm cử người để thay thế. Trong thời hạn tối đa 30 (ba mươi) ngày, Hội đồng quản trị phải tiến hành các thủ tục để bổ nhiệm Tổng giám đốc mới.

10. Tổng giám đốc Công ty có thể ủy nhiệm cho các Giám đốc nghiệp vụ hoặc người khác thay mặt mình giải quyết một số công việc của Công ty và chịu trách nhiệm pháp lý trước sự ủy quyền, ủy nhiệm của mình; khi Tổng giám đốc đi vắng, Tổng giám đốc được phép ủy quyền cho một trong các Giám đốc nghiệp vụ thay mặt mình điều hành công việc Công ty.

Người được Tổng giám đốc ủy quyền, ủy nhiệm phải chịu trách nhiệm pháp lý trước Tổng giám đốc và trước pháp luật về những công việc mình làm.

Mọi sự ủy quyền, ủy nhiệm có liên quan đến kinh doanh, tài chính, con dấu Công ty đều phải thực hiện bằng văn bản.

Các Giám đốc nghiệp vụ, Kế toán trưởng, các trưởng phòng, ban, Giám đốc chi nhánh trong Công ty có thể ủy quyền, ủy nhiệm cho các nhân viên cấp dưới của mình theo quy định của pháp luật và chịu trách nhiệm trước Tổng giám đốc Công ty và pháp luật về sự ủy quyền, ủy nhiệm của mình.

## **IX. BAN KIỂM SOÁT**

### **Điều 34. Ứng cử, đề cử Kiểm soát viên**

1. Việc ứng cử, đề cử Kiểm soát viên được thực hiện tương tự quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 25 Điều lệ này.

2. Trường hợp số lượng các ứng viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử không đủ số lượng cần thiết theo quy định tại khoản 4 Điều 114 Luật Doanh nghiệp, Ban kiểm soát đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng viên hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế quy định tại Điều lệ Công ty và Quy chế nội bộ về quản trị Công ty. Việc Ban kiểm soát đương nhiệm đề cử ứng viên Ban kiểm soát phải được công bố rõ ràng và phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành đề cử.

### **Điều 35. Kiểm soát viên**

1. Số lượng Kiểm soát viên của Công ty là 03 (ba) người do Đại hội đồng cổ đông bầu ra hoặc bãi miễn. Nhiệm kỳ của Kiểm soát viên không quá 05 (năm) năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Nhiệm kỳ của Kiểm soát viên cùng nhiệm kỳ với thành viên Hội đồng quản trị.

2. Kiểm soát viên phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại khoản 1 Điều 164 Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và không thuộc các trường hợp sau theo quy định tại khoản 2 Điều 20 Nghị định 71/2017/NĐ-CP:

a. Làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty;

b. Là thành viên hay nhân viên của Công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty trong ba 03 (ba) năm liền trước đó.

3. Các Kiểm soát viên bầu một 01 (một) người trong số họ làm Trưởng ban theo nguyên tắc thiểu số phục tùng đa số. Trưởng ban kiểm soát phải là kiểm toán viên hoặc kế toán viên chuyên nghiệp và phải làm việc chuyên trách tại Công ty. Ban kiểm soát phải có hơn một nửa số thành viên thường trú ở Việt Nam. Trưởng ban kiểm soát có các quyền và trách nhiệm sau:

a. Triệu tập cuộc họp Ban kiểm soát;

b. Yêu cầu Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người điều hành khác cung cấp các thông tin liên quan để báo cáo Ban kiểm soát;



c. Lập và ký báo cáo của Ban kiểm soát sau khi đã tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để trình Đại hội đồng cổ đông.

4. Kiểm soát viên bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau:

a. Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm Kiểm soát viên theo quy định tại Luật Doanh nghiệp;

b. Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong 06 (sáu) tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;

c. Có đơn từ chức và được chấp thuận;

d. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này.

5. Kiểm soát viên bị bãi nhiệm trong các trường hợp sau:

a. Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;

b. Vi phạm nghiêm trọng hoặc vi phạm nhiều lần nghĩa vụ của Kiểm soát viên quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty;

c. Theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;

d. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này.

6. Trường hợp Kiểm soát viên có cùng thời điểm kết thúc nhiệm kỳ mà Kiểm soát viên nhiệm kỳ mới chưa được bầu thì Kiểm soát viên đã hết nhiệm kỳ vẫn tiếp tục thực hiện quyền và nghĩa vụ cho đến khi Kiểm soát viên nhiệm kỳ mới được bầu và nhận nhiệm vụ.

7. Việc thay đổi, bổ nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát phải được công bố thông tin theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

### **Điều 36. Ban kiểm soát**

1. Ban kiểm soát có các quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 165 Luật Doanh nghiệp và các quyền, nghĩa vụ sau theo Điều 22 Nghị định 71/2017/NĐ-CP:

a. Đề xuất và kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn tổ chức kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty;

b. Chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động giám sát của mình;

c. Giám sát tình hình tài chính Công ty, tính hợp pháp trong các hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, người quản lý khác, sự phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát với Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và cổ đông;

d. Trường hợp phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ Công ty của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người điều hành doanh nghiệp khác, phải thông báo bằng văn bản với Hội đồng quản trị trong vòng bốn mươi tám (48) giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả;

e. Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên theo quy định tại điểm d và đ khoản 2 Điều 136 Luật Doanh nghiệp và Điều 10 Nghị định 71/2017/NĐ-CP;

f. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

2. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người điều hành doanh nghiệp khác phải cung cấp đầy đủ, chính xác và kịp thời các thông tin và tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động của Công ty theo yêu cầu của Ban kiểm soát hoặc thành viên Ban kiểm soát.

3. Ban kiểm soát có thể ban hành các quy định về cuộc họp của Ban kiểm soát và cách thức hoạt động của Ban kiểm soát. Ban kiểm soát phải họp tối thiểu 02 (hai) lần một năm và

cuộc họp được tiến hành khi có từ 2/3 (hai phần ba) số Kiểm soát viên trở lên dự họp theo khoản 1 Điều 23 Nghị định 71/2017/NĐ-CP.

4. Thù lao, lương, lợi ích khác và các chi phí hoạt động của Kiểm soát viên được thực hiện theo Điều 167 Luật Doanh nghiệp.

## **X. TRÁCH NHIỆM CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, KIỂM SOÁT VIÊN, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC**

### **Điều 37. Trách nhiệm cẩn trọng**

Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc và người điều hành khác có trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ của mình, một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất, nhằm đảm bảo lợi ích tối đa của Công ty.

### **Điều 38. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi**

1. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc và người điều hành khác phải công khai các lợi ích có liên quan theo quy định tại Điều 159 Luật Doanh nghiệp và các quy định pháp luật khác.

2. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc và người điều hành khác; không sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh của Công ty, địa vị, chức vụ và sử dụng tài sản của Công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác.

Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc và người điều hành khác và những người có liên quan của các thành viên này không được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để tư lợi cá nhân hay để phục vụ lợi ích của tổ chức hoặc cá nhân khác.

3. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc và người điều hành khác có nghĩa vụ thông báo cho Hội đồng quản trị tất cả các lợi ích có thể gây xung đột với lợi ích của Công ty mà họ có thể được hưởng thông qua các pháp nhân kinh tế, các giao dịch hoặc cá nhân khác.

4. Trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, Công ty không được cấp các khoản vay hoặc bảo lãnh cho các thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, người điều hành khác và các cá nhân, tổ chức có liên quan tới các thành viên nêu trên trừ trường hợp Công ty đại chúng và tổ chức có liên quan tới cổ đông là các Công ty trong cùng tập đoàn hoặc các Công ty hoạt động theo nhóm Công ty, bao gồm Công ty mẹ - Công ty con, tập đoàn kinh tế và pháp luật chuyên ngành có quy định khác theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 26 Nghị định 71/2017/NĐ-CP.

5. Hợp đồng hoặc giao dịch giữa Công ty với một hoặc nhiều thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, người điều hành khác và người có liên quan của các đối tượng này; cổ đông, người đại diện ủy quyền của cổ đông sở hữu trên 10% tổng vốn cổ phần phổ thông của Công ty và những người có liên quan của họ; doanh nghiệp có liên quan đến các đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 159 Luật Doanh nghiệp phải được Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận, cụ thể như sau:

a. Hội đồng quản trị chấp thuận các hợp đồng và giao dịch có giá trị nhỏ hơn 35% tổng giá trị tài sản doanh nghiệp ghi trong báo cáo tài chính gần nhất đã được kiểm toán. Trường hợp này, người đại diện Công ty ký hợp đồng phải thông báo các thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên về các đối tượng có liên quan đối với hợp đồng, giao dịch đó; đồng thời kèm theo dự thảo hợp đồng hoặc nội dung chủ yếu của giao dịch. Hội đồng quản trị quyết định việc chấp thuận hợp đồng hoặc giao dịch trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được thông báo; thành viên có lợi ích liên quan không có quyền biểu quyết;

b. Đại hội đồng cổ đông chấp thuận các hợp đồng và giao dịch khác ngoài các giao dịch quy định tại điểm a khoản 5 Điều này. Trường hợp này, người đại diện Công ty ký hợp đồng

phải thông báo Hội đồng quản trị và Kiểm soát viên về các đối tượng có liên quan đối với hợp đồng, giao dịch đó; đồng thời kèm theo dự thảo hợp đồng hoặc thông báo nội dung chủ yếu của giao dịch. Hội đồng quản trị trình dự thảo hợp đồng hoặc giải trình về nội dung chủ yếu của giao dịch tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản. Trường hợp này, cổ đông có lợi ích liên quan không có quyền biểu quyết; hợp đồng hoặc giao dịch được chấp thuận khi có số cổ đông đại diện 65% tổng số phiếu biểu quyết còn lại tán thành.

6. Hợp đồng, giao dịch bị vô hiệu và xử lý theo quy định của pháp luật khi được ký kết hoặc thực hiện mà chưa được chấp thuận theo quy định tại khoản 5 Điều này, gây thiệt hại cho Công ty; người ký kết hợp đồng, cổ đông, thành viên Hội đồng quản trị hoặc Tổng giám đốc, có liên quan phải liên đới bồi thường thiệt hại phát sinh, hoàn trả cho Công ty các khoản lợi thu được từ việc thực hiện hợp đồng, giao dịch đó.

7. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, người điều hành khác và những người có liên quan của các thành viên này không được sử dụng các thông tin chưa được phép công bố của Công ty hoặc tiết lộ cho người khác để thực hiện các giao dịch có liên quan.

### **Điều 39. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường**

Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc và người điều hành khác vi phạm nghĩa vụ, trách nhiệm trung thực và cẩn trọng, không hoàn thành nghĩa vụ của mình với sự mẫn cán và năng lực chuyên môn phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại do hành vi vi phạm của mình gây ra.

## **XI. QUYỀN ĐIỀU TRA SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY**

### **Điều 40. Quyền điều tra sổ sách và hồ sơ**

1. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nêu tại khoản 2 Điều 25 Điều lệ này có quyền gửi văn bản yêu cầu được kiểm tra danh sách cổ đông, các biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và sao chụp hoặc trích lục các tài liệu này trong giờ làm việc và tại trụ sở chính của Công ty. Yêu cầu kiểm tra do đại diện được ủy quyền của cổ đông phải kèm theo giấy ủy quyền của cổ đông mà người đó đại diện hoặc bản sao công chứng của giấy ủy quyền này.

2. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc và người điều hành khác có quyền kiểm tra sổ đăng ký cổ đông của Công ty, danh sách cổ đông và những sổ sách và hồ sơ khác của Công ty vì những mục đích liên quan tới chức vụ của mình với điều kiện các thông tin này phải được bảo mật.

3. Công ty phải lưu trữ các tài liệu theo quy định tại khoản 1 Điều 11 Luật Doanh nghiệp tại trụ sở chính; thời hạn lưu trữ thực hiện theo quy định của pháp luật có liên quan.

4. Điều lệ Công ty phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty.

## **XII. CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN**

### **Điều 41. Công nhân viên và công đoàn**

1. Tổng giám đốc phải lập kế hoạch đề Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến việc tuyển dụng, cho người lao động nghỉ việc, tiền lương, bảo hiểm xã hội, phúc lợi, khen thưởng và kỷ luật đối với người lao động và người điều hành doanh nghiệp.

2. Tổng giám đốc phải lập kế hoạch đề Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến quan hệ của Công ty với các tổ chức công đoàn theo các chuẩn mực, thông lệ và chính sách quản lý tốt nhất, những thông lệ và chính sách quy định tại Điều lệ này, các quy chế của Công ty và quy định pháp luật hiện hành.

### **XIII. PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN**

#### **Điều 42. Phân phối lợi nhuận**

1. Đại hội đồng cổ đông quyết định mức chi trả cổ tức và hình thức chi trả cổ tức hàng năm từ lợi nhuận được giữ lại của Công ty.

2. Công ty không thanh toán lãi cho khoản tiền trả cổ tức hay khoản tiền chi trả liên quan tới một loại cổ phiếu.

3. Hội đồng quản trị có thể kiến nghị Đại hội đồng cổ đông thông qua việc thanh toán toàn bộ hoặc một phần cổ tức bằng cổ phiếu và Hội đồng quản trị là cơ quan thực thi quyết định này.

4. Trường hợp cổ tức hay những khoản tiền khác liên quan tới một loại cổ phiếu được chi trả bằng tiền mặt, Công ty phải chi trả bằng tiền đồng Việt Nam. Việc chi trả có thể thực hiện trực tiếp hoặc thông qua các ngân hàng trên cơ sở các thông tin chi tiết về tài khoản ngân hàng do cổ đông cung cấp. Trường hợp Công ty đã chuyển khoản theo đúng các thông tin chi tiết về ngân hàng do cổ đông cung cấp mà cổ đông đó không nhận được tiền, Công ty không phải chịu trách nhiệm về khoản tiền Công ty đã chuyển cho cổ đông này. Việc thanh toán cổ tức đối với các cổ phiếu niêm yết/đăng ký giao dịch tại Sở giao dịch chứng khoán có thể được tiến hành thông qua Công ty chứng khoán hoặc Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam.

5. Căn cứ Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Hội đồng quản trị thông qua nghị quyết xác định một ngày cụ thể để chốt danh sách cổ đông. Căn cứ theo ngày đó, những người đăng ký với tư cách cổ đông hoặc người sở hữu các chứng khoán khác được quyền nhận cổ tức, lãi suất, phân phối lợi nhuận, nhận cổ phiếu, nhận thông báo hoặc tài liệu khác.

6. Các vấn đề khác liên quan đến phân phối lợi nhuận được thực hiện theo quy định của pháp luật.

### **XIV. TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, QUỸ DỰ TRỮ, NĂM TÀI CHÍNH VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN**

#### **Điều 43. Tài khoản ngân hàng**

1. Công ty mở tài khoản tại các ngân hàng Việt Nam hoặc tại các ngân hàng nước ngoài được phép hoạt động tại Việt Nam.

2. Theo sự chấp thuận trước của cơ quan có thẩm quyền, trong trường hợp cần thiết, Công ty có thể mở tài khoản ngân hàng ở nước ngoài theo các quy định của pháp luật.

#### **Điều 44. Năm tài chính**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 hàng năm và kết thúc vào ngày 31 của tháng 12 năm đó. Năm tài chính đầu tiên bắt đầu từ ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và kết thúc vào ngày thứ 31 của tháng 12 năm đó

#### **Điều 45. Chế độ kế toán**

1. Chế độ kế toán Công ty sử dụng là Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam.

2. Công ty lập sổ sách kế toán bằng tiếng Việt và lưu giữ hồ sơ kế toán theo quy định pháp luật về kế toán và pháp luật liên quan. Những hồ sơ này phải chính xác, cập nhật, có hệ thống và phải đủ để chứng minh và giải trình các giao dịch của Công ty.

3. Công ty sử dụng đơn vị tiền tệ trong kế toán là đồng Việt Nam. Trường hợp Công ty có các nghiệp vụ kinh tế phát sinh chủ yếu bằng một loại ngoại tệ thì được tự chọn ngoại tệ đó làm đơn vị tiền tệ trong kế toán, chịu trách nhiệm về lựa chọn đó trước pháp luật và thông báo cho cơ quan quản lý thuế trực tiếp.

## **XV. BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN, BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN**

### **Điều 46. Báo cáo tài chính năm**

1. Công ty phải lập Báo cáo tài chính năm theo quy định của pháp luật cũng như các quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và báo cáo phải được kiểm toán theo quy định tại Điều 48 Điều lệ này.

2. Báo cáo tài chính năm phải bao gồm báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình về lãi/lỗ của Công ty trong năm tài chính, báo cáo tình hình tài chính phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình hoạt động của Công ty tính đến thời điểm lập báo cáo, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và thuyết minh báo cáo tài chính.

3. Báo cáo tài chính năm được kiểm toán (bao gồm ý kiến của kiểm toán viên), phải được công bố theo quy định pháp luật.

### **Điều 47. Báo cáo thường niên**

Công ty phải lập và công bố Báo cáo thường niên theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

## **XVI. KIỂM TOÁN Công ty**

### **Điều 48. Kiểm toán**

1. Đại hội đồng cổ đông thường niên chỉ định một Công ty kiểm toán độc lập hoặc thông qua danh sách các Công ty kiểm toán độc lập và ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định lựa chọn một trong số các đơn vị này tiến hành kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính tiếp theo dựa trên những điều khoản và điều kiện thỏa thuận với Hội đồng quản trị. Công ty phải chuẩn bị và gửi báo cáo tài chính năm cho Công ty kiểm toán độc lập sau khi kết thúc năm tài chính.

2. Công ty kiểm toán độc lập kiểm tra, xác nhận, lập báo cáo kiểm toán và trình báo cáo đó cho Hội đồng quản trị trong vòng 03 (ba) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính.

3. Bản sao của báo cáo kiểm toán được đính kèm báo cáo tài chính năm của Công ty.

4. Kiểm toán viên độc lập thực hiện việc kiểm toán Công ty được phép tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và được quyền nhận các thông báo và các thông tin khác liên quan đến cuộc họp Đại hội đồng cổ đông mà các cổ đông được quyền nhận và được phát biểu ý kiến tại đại hội về các vấn đề có liên quan đến việc kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty.

## **XVII. CON DẤU**

### **Điều 49. Con dấu**

1. Hội đồng quản trị quyết định thông qua con dấu chính thức của Công ty và con dấu được khắc theo quy định của luật pháp và Điều lệ Công ty.

2. Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc sử dụng và quản lý con dấu theo quy định của pháp luật hiện hành.

## **XVIII. CHẤM DỨT HOẠT ĐỘNG VÀ THANH LÝ**

### **Điều 50. Chấm dứt hoạt động**

Công ty có thể bị giải thể trong những trường hợp sau:

1. Công ty không còn đủ số lượng thành viên tối thiểu theo quy định của Luật Doanh nghiệp trong thời hạn 06 (sáu) tháng liên tục mà không làm thủ tục chuyển đổi loại hình doanh nghiệp theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 201 Luật Doanh nghiệp.

2. Giải thể theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông.
3. Bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.
4. Theo quyết định của Tòa án theo quy định tại Điều 203 Luật Doanh nghiệp.
5. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

#### **Điều 51. Thanh lý**

1. Sau khi có quyết định giải thể Công ty, Hội đồng quản trị phải thành lập Ban thanh lý gồm 03 (ba) thành viên. 02 (hai) thành viên do Đại hội đồng cổ đông chỉ định và 01 (một) thành viên do Hội đồng quản trị chỉ định từ một Công ty kiểm toán độc lập. Ban thanh lý chuẩn bị các quy chế hoạt động của mình. Các thành viên của Ban thanh lý có thể được lựa chọn trong số nhân viên của Công ty hoặc chuyên gia độc lập. Tất cả các chi phí liên quan đến thanh lý được Công ty ưu tiên thanh toán trước các khoản nợ khác của Công ty.

2. Ban thanh lý có trách nhiệm báo cáo cho Cơ quan đăng ký kinh doanh về ngày thành lập và ngày bắt đầu hoạt động. Kể từ thời điểm đó, Ban thanh lý thay mặt Công ty trong tất cả các công việc liên quan đến thanh lý Công ty trước Tòa án và các cơ quan hành chính.

3. Tiền thu được từ việc thanh lý được thanh toán theo thứ tự sau:

- a. Các chi phí thanh lý;
- b. Các khoản nợ lương, trợ cấp thôi việc, bảo hiểm xã hội và các quyền lợi khác của người lao động theo thỏa ước lao động tập thể và hợp đồng lao động đã ký kết;
- c. Nợ thuế;
- d. Các khoản nợ khác của Công ty;
- e. Phần còn lại sau khi đã thanh toán tất cả các khoản nợ từ mục (a) đến (d) trên đây được chia cho các cổ đông. Các cổ phần ưu đãi được ưu tiên thanh toán trước.

### **XIX. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ**

#### **Điều 52. Giải quyết tranh chấp nội bộ**

1. Trường hợp phát sinh tranh chấp, khiếu nại liên quan tới hoạt động của Công ty, quyền và nghĩa vụ của các cổ đông theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, các quy định pháp luật khác, Điều lệ Công ty, các quy định giữa:

- a. Cổ đông với Công ty;
- b. Cổ đông với Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng giám đốc hay người điều hành khác;

Các bên liên quan cố gắng giải quyết tranh chấp đó thông qua thương lượng và hoà giải. Trừ trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị chủ trì việc giải quyết tranh chấp và yêu cầu từng bên trình bày các thông tin liên quan đến tranh chấp trong vòng 30 (ba mươi) ngày làm việc kể từ ngày tranh chấp phát sinh. Trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hay Chủ tịch Hội đồng quản trị, bất cứ bên nào cũng có thể yêu cầu Ban kiểm soát chỉ định một chuyên gia độc lập làm trung gian hoà giải cho quá trình giải quyết tranh chấp.

2. Trường hợp không đạt được quyết định hoà giải trong vòng 06 (sáu) tuần từ khi bắt đầu quá trình hoà giải hoặc nếu quyết định của trung gian hoà giải không được các bên chấp nhận, một bên có thể đưa tranh chấp đó ra Trọng tài kinh tế hoặc Tòa án kinh tế.

3. Các bên tự chịu chi phí có liên quan tới thủ tục thương lượng và hoà giải. Việc thanh toán các chi phí của Tòa án được thực hiện theo phán quyết của Tòa án.

## **XX. BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ**

### **Điều 53. Điều lệ Công ty**

1. Việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ này phải được Đại hội đồng cổ đông xem xét, quyết định.

2. Trong trường hợp có những quy định của pháp luật có liên quan đến hoạt động của Công ty chưa được đề cập trong bản Điều lệ này hoặc trong trường hợp có những quy định mới của pháp luật khác với những điều khoản trong Điều lệ này thì những quy định của pháp luật đó đương nhiên được áp dụng và điều chỉnh hoạt động của Công ty.

## **XXI. NGÀY HIỆU LỰC**

### **Điều 54. Ngày hiệu lực**

1. Bản Điều lệ này **gồm 21 Chương 54 Điều** được Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Sài Gòn Hòa xa nhất trí thông qua **ngày 27 tháng 4 năm 2018 tại Khách sạn Liberty SaiGon ParkView, 265 Phạm Ngũ Lão, P. Phạm Ngũ Lão, Q.1, TP. Hồ Chí Minh** và cùng chấp thuận hiệu lực toàn văn của Điều lệ này.

2. Điều lệ được lập thành 10 (mười) bản, có giá trị như nhau, trong đó:

- a. 01 (một) bản nộp tại Phòng công chứng Nhà nước của địa phương;
- b. 05 (năm) bản đăng ký tại cơ quan chính quyền theo quy định của Ủy ban nhân dân Tỉnh, Thành phố;
- c. 04 (bốn) bản lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

3. Điều lệ này là duy nhất và chính thức của Công ty.

4. Các bản sao hoặc trích lục Điều lệ Công ty chỉ có giá trị khi có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

*Họ, tên, chữ ký của người đại diện theo pháp luật ./.*

**PHỤ LỤC**  
**DANH SÁCH CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP**

| Stt | Cổ đông sáng lập                | Địa chỉ   | Quốc tịch | Số CP  | Loại CP   | Mệnh giá (đ/CP) |
|-----|---------------------------------|---|-----------|--------|-----------|-----------------|
| 1   | Tổng công ty Đường sắt Việt Nam | 118 Lê Duẩn, Tp. Hà Nội                                   | Việt Nam  | 51.600 | Phổ thông | 100.000         |
| 2   | Đỗ Văn Trang                    | 86 Nguyễn Thông, P.9 Q.3, Tp.Hồ Chí Minh                  | Việt Nam  | 320    | Phổ thông | 100.000         |
| 3   | Nguyễn Thủy Lưu                 | 65/1 Tân Hưng, P.12 Q.5, Tp.Hồ Chí Minh                   | Việt Nam  | 871    | Phổ thông | 100.000         |
| 4   | Mai Đình Võ                     | 57 Trần Nhật Duật, P. Tân Định, Q.1, Tp.Hồ Chí Minh       | Việt Nam  | 260    | Phổ thông | 100.000         |
| 5   | Nguyễn Lan Phương               | 41 Nguyễn Thương Hiền, Q.Gò Vấp, Tp.Hồ Chí Minh           | Việt Nam  | 300    | Phổ thông | 100.000         |
| 6   | Cao Hữu Sơn                     | 57 Trần Nhật Duật, P. Tân Định, Q.1 Tp.Hồ Chí Minh        | Việt Nam  | 471    | Phổ thông | 100.000         |
| 7   | Đào Văn An                      | 257 Đại lộ 3, P.Phước Bình, Q.9, Tp.Hồ Chí Minh           | Việt Nam  | 90     | Phổ thông | 100.000         |
| 8   | Huỳnh Thị Bộ                    | 351/22 Ng. Trọng Tuyển, P.1, Q.Tân Bình, Tp.Hồ Chí Minh   | Việt Nam  | 290    | Phổ thông | 100.000         |
| 9   | Lưu Ngọc Xanh                   | 5A Lê Minh Xuân, P.7 Q.Tân Bình, Tp.Hồ Chí Minh           | Việt Nam  | 240    | Phổ thông | 100.000         |
| 10  | Nguyễn Ngọc Bích                | 04 Cư xá Lý Thái Tổ, P.1, Q.3 Tp.Hồ Chí Minh              | Việt Nam  | 270    | Phổ thông | 100.000         |
| 11  | Nguyễn Thuận                    | 217 Cư xá Lý Thái Tổ, P.1, Q.3, Tp.Hồ Chí Minh            | Việt Nam  | 260    | Phổ thông | 100.000         |
| 12  | Nguyễn Trọng Hoàn               | 12B Trần Phú Huyện Long Khánh, Tỉnh Đồng Nai              | Việt Nam  | 20     | Phổ thông | 100.000         |
| 13  | Lê Nguyễn Thanh Tuấn            | 1412/1A KP.1, P.An Phú Đông,Q.12, Tp.Hồ Chí Minh          | Việt Nam  | 10     | Phổ thông | 100.000         |
| 14  | Trịnh Hồng Diệp                 | Xã Mỹ Lộc, Huyện Hậu Lộc, Tỉnh Thanh Hoá                  | Việt Nam  | 30     | Phổ thông | 100.000         |
| 15  | Đoàn Thị Kiều Uyên              | 55 Vũ Chi Hiếu, P.13, Q.5, Tp.Hồ Chí Minh                 | Việt Nam  | 90     | Phổ thông | 100.000         |
| 16  | Phương Thị Thu Hà               | 285/Q1A, CMT8, P.12, Q.10, Tp.Hồ Chí Minh                 | Việt Nam  | 260    | Phổ thông | 100.000         |
| 17  | Phù Quang Khanh                 | 40 Nguyễn Trường Tộ, P.12 Q.4, Tp.Hồ Chí Minh             | Việt Nam  | 280    | Phổ thông | 100.000         |
| 18  | Lưu Thị Lệ                      | 130/20 CMT8 P.10 Q.3 TP.Hồ Chí Minh                       | Việt Nam  | 487    | Phổ thông | 100.000         |
| 19  | Nguyễn Phúc Hậu                 | 78/1 Trần Nhân Tôn, P.2, Q.10, TP.Hồ Chí Minh             | Việt Nam  | 2.297  | Phổ thông | 100.000         |
| 20  | Lương Chi Vĩ                    | 322 lô C, CC Lý Thường Kiệt, P7, Q.11 Tp.Hồ Chí Minh      | Việt Nam  | 503    | Phổ thông | 100.000         |
| 21  | Nguyễn Hoàng Sơn                | 528/7A Phạm Văn Chí, P8, Q.6, Tp.Hồ Chí Minh              | Việt Nam  | 631    | Phổ thông | 100.000         |
| 22  | Nguyễn Minh Đức                 | Xã Bình Trung, Huyện Châu Thành, Tỉnh Tiền Giang          | Việt Nam  | 283    | Phổ thông | 100.000         |
| 23  | Nguyễn Thanh Phong              | 16/16 Bùi V. Ba, P. Tân Thuận Đông, Q.7, Tp. Hồ Chí Minh  | Việt Nam  | 1.499  | Phổ thông | 100.000         |
| 24  | Nguyễn Thị Thanh Mai            | 289/108 Trần Hưng Đạo, P.Cô Giang, Q.1, Tp.Hồ Chí Minh    | Việt Nam  | 2.371  | Phổ thông | 100.000         |
| 25  | Phạm Kim Liên                   | 174/10 Lý Chính Thắng, P7, Q.3, Tp.Hồ Chí Minh            | Việt Nam  | 1.742  | Phổ thông | 100.000         |
| 26  | Phạm Quan Liêm                  | 5A Lê Minh Xuân, P7, Q.Tân Bình, Tp.Hồ Chí Minh           | Việt Nam  | 1.863  | Phổ thông | 100.000         |
| 27  | Vũ Hữu Vinh                     | 95/50 Huỳnh V. Bảnh, P.17, Q.PNhuận, Tp.Hồ Chí Minh       | Việt Nam  | 110    | Phổ thông | 100.000         |
| 28  | Nguyễn Thanh Minh               | 339/2 Ng. Thái Bình, P.12 Q.Tân Bình, Tp. Hồ Chí Minh     | Việt Nam  | 592    | Phổ thông | 100.000         |
| 29  | Trần Trọng Hưng                 | 132/1B/A2 Tô Hiến Thành, P15, Q.10, Tp.Hồ Chí Minh        | Việt Nam  | 625    | Phổ thông | 100.000         |
| 30  | Phạm Trí Dũng                   | 46 Hoàng An, Trung Phường, Tp. Hà Nội                     | Việt Nam  | 485    | Phổ thông | 100.000         |
| 31  | Phạm Như Hồng                   | 12B Hai Bà Trưng, Tp.Hà Nội                               | Việt Nam  | 30     | Phổ thông | 100.000         |
| 32  | Ngô Sơn Thịnh                   | Áp 2, Xã Phú An, Huyện Cai Lậy, Tỉnh Tiền Giang           | Việt Nam  | 400    | Phổ thông | 100.000         |
| 33  | Khiển Quang Lân                 | 09-011 Lô 11 CXThanh Đa, P.27, Q. B.Thanh, Tp.Hồ Chí Minh | Việt Nam  | 220    | Phổ thông | 100.000         |
| 34  | Lê Đức Thịnh                    | 124 Đoàn Văn Bơ, P9, Q.4 Tp.Hồ Chí Minh                   | Việt Nam  | 931    | Phổ thông | 100.000         |



| Stt | Cổ đông sáng lập      | Địa chỉ  | Quốc tịch | Số CP | Loại CP   | Mệnh giá (đ/CP) |
|-----|-----------------------|--|-----------|-------|-----------|-----------------|
| 35  | Cao Hữu Triều         | Xã Nhân Bình, Huyện Lý Nhân, Tỉnh Hà Nam                         | Việt Nam  | 195   | Phổ thông | 100.000         |
| 36  | Hồng Thị Thanh Thủy   | 154 Cao Thắng, Tp. Hải Phòng                                     | Việt Nam  | 30    | Phổ thông | 100.000         |
| 37  | Lê Thị Lệ Nga         | 110D Lê Lai, P.3, Q. Gò Vấp, Tp. Hồ Chí Minh                     | Việt Nam  | 391   | Phổ thông | 100.000         |
| 38  | Lương Ngọc Liên       | 53 Lý Thường Kiệt, P.4, Q. Gò Vấp, Tp. Hồ Chí Minh               | Việt Nam  | 542   | Phổ thông | 100.000         |
| 39  | Lương Trung Việt      | 563/37 Nguyễn Đình Chiểu, P.2, Q.3, Tp. Hồ Chí Minh              | Việt Nam  | 126   | Phổ thông | 100.000         |
| 40  | Nguyễn Minh Tuấn      | 136 CMT8, P.10, Q.3, Tp. Hồ Chí Minh                             | Việt Nam  | 429   | Phổ thông | 100.000         |
| 41  | Nguyễn Thanh Trung    | 3A Trần Văn Kỳ, P.14, Tp. Hồ Chí Minh                            | Việt Nam  | 308   | Phổ thông | 100.000         |
| 42  | Nguyễn Thái Trung     | 45/21 Nguyễn Phát, P.6, Q. Tân Bình, Tp. Hồ Chí Minh             | Việt Nam  | 200   | Phổ thông | 100.000         |
| 43  | Nguyễn Thị Hồng       | Xã Bình Minh, Huyện Tịnh Gia, Tỉnh Thanh Hoá                     | Việt Nam  | 161   | Phổ thông | 100.000         |
| 44  | Nguyễn Thị Liên       | 143 Bùi Viện, P. Phạm Ngũ Lão, Q.1, Tp. Hồ Chí Minh              | Việt Nam  | 150   | Phổ thông | 100.000         |
| 45  | Nguyễn Văn Hùng       | 157/29 Trần Văn Đăng, P.11, Q.3, Tp. Hồ Chí Minh                 | Việt Nam  | 260   | Phổ thông | 100.000         |
| 46  | Nguyễn Xuân Tinh      | 57 Trần Nhật Duật, P. Tân Định, Q.1, Tp. Hồ Chí Minh             | Việt Nam  | 499   | Phổ thông | 100.000         |
| 47  | Nguyễn Thị Xuân Tinh  | 136 CMT8, P.10, Q.3, Tp. Hồ Chí Minh                             | Việt Nam  | 30    | Phổ thông | 100.000         |
| 48  | Đỗ Đức Đăng           | 216 Võ Thị Sáu, P.12 Q3, Tp. Hồ Chí Minh                         | Việt Nam  | 70    | Phổ thông | 100.000         |
| 49  | Phạm Hữu Chính        | 351/13 Ng. Trương Tuyển, P.1 Q. Tân Bình, Tp. Hồ Chí Minh        | Việt Nam  | 30    | Phổ thông | 100.000         |
| 50  | Tô Thị Sư             | 104 Cao Thắng, P.4 Q.3, Tp. Hồ Chí Minh                          | Việt Nam  | 170   | Phổ thông | 100.000         |
| 51  | Trần Thị Quý          | 27-29 Trần Hoà, P.10, Q.5, Tp. Hồ Chí Minh                       | Việt Nam  | 220   | Phổ thông | 100.000         |
| 52  | Trần Thị Thủy Dương   | 285/Q1A CMT8, P.12, Q.10, Tp. Hồ Chí Minh                        | Việt Nam  | 20    | Phổ thông | 100.000         |
| 53  | Cao Hữu Chiến         | H10A CMT8, P.12, Q.TB, Tp. Hồ Chí Minh                           | Việt Nam  | 229   | Phổ thông | 100.000         |
| 54  | Vũ Văn Hoàng          | Xã Nghĩa Thịnh, Huyện Nghĩa Hưng, Tỉnh Nam Hà                    | Việt Nam  | 40    | Phổ thông | 100.000         |
| 55  | Huỳnh Phước           | 142/24 L. Thúc Hoạch, P. Phú Thọ Hòa, Q. Thủ Đức Tp. Hồ Chí Minh | Việt Nam  | 250   | Phổ thông | 100.000         |
| 56  | Huỳnh Thị Ngọc Châm   | 104, Lô D, Cư xã Thanh Đa, P.27, Tp. Hồ Chí Minh                 | Việt Nam  | 359   | Phổ thông | 100.000         |
| 57  | Lê Liên               | 271 Huỳnh Văn Bánh, P.11, Q. Phú Nhuận, Tp. Hồ Chí Minh          | Việt Nam  | 20    | Phổ thông | 100.000         |
| 58  | Lê Văn Thi            | 124/30 Xóm Đất, P.8, Q.11, Tp. Hồ Chí Minh                       | Việt Nam  | 298   | Phổ thông | 100.000         |
| 59  | Đặng Thị Ngọc Châu    | 265/7/29 PNLão, P. PNLão, Q.1, Tp. Hồ Chí Minh                   | Việt Nam  | 90    | Phổ thông | 100.000         |
| 60  | Đặng Thủy Oanh        | A2 Cư xã Bắc Bình P.25, Q. Bình Thạnh, Tp. Hồ Chí Minh           | Việt Nam  | 308   | Phổ thông | 100.000         |
| 61  | Đặng Tuyết Minh       | 70/29 Cư xã Đô Thành, P.4, Q.3, Tp. Hồ Chí Minh                  | Việt Nam  | 409   | Phổ thông | 100.000         |
| 62  | Nguyễn Diệu Khanh     | 12/3D Kỳ Đồng, P.9, Q.3, Tp. Hồ Chí Minh                         | Việt Nam  | 229   | Phổ thông | 100.000         |
| 63  | Nguyễn Thị Cẩm Vân    | 562/1B Lê Quang Định, Q. Gò Vấp, Tp. Hồ Chí Minh                 | Việt Nam  | 200   | Phổ thông | 100.000         |
| 64  | Nguyễn Văn Thiện      | 303/2 Cô Giang, P.2, Phú Nhuận, Tp. Hồ Chí Minh                  | Việt Nam  | 260   | Phổ thông | 100.000         |
| 65  | Nguyễn Xuân Toàn      | 301T4 Lô B CC 189B, Công Quỳnh, Q.1, Tp. Hồ Chí Minh             | Việt Nam  | 194   | Phổ thông | 100.000         |
| 66  | Phạm Trư Phiêu        | 517/19 Nguyễn Trãi, P.7, Q.5, Tp. Hồ Chí Minh                    | Việt Nam  | 793   | Phổ thông | 100.000         |
| 67  | Đỗ Văn Thịnh          | 202DC/63 Hoà Bình, P.5, Q.11, Tp. Hồ Chí Minh                    | Việt Nam  | 537   | Phổ thông | 100.000         |
| 68  | Tang Trịnh Thanh Trúc | Vinh Mỹ B, Vinh Lợi, Bạc Liêu                                    | Việt Nam  | 10    | Phổ thông | 100.000         |
| 69  | Trần An Liên          | 132 Ng. Thái Học, P. PNLão, Q.1, Tp. Hồ Chí Minh                 | Việt Nam  | 555   | Phổ thông | 100.000         |
| 70  | Trình Văn Thông       | 575/70 CMT8, P.15, Q.10, Tp. Hồ Chí Minh                         | Việt Nam  | 453   | Phổ thông | 100.000         |

| Stt | Có đóng sáng lập     | Địa chỉ   | Quốc tịch | Số CP | Loại CP   | Mệnh giá (đ/CP) |
|-----|----------------------|---|-----------|-------|-----------|-----------------|
| 71  | Vũ Thị Kim Dung      | 50 CMT8, P.6, Q.3, Tp.Hồ Chí Minh                       | Việt Nam  | 20    | Phổ thông | 100.000         |
| 72  | Nguyễn Kim Phụng     | B4/1 Chu Văn An, P.12, Q.Bình Thạnh, Tp.Hồ Chí Minh     | Việt Nam  | 421   | Phổ thông | 100.000         |
| 73  | Lê Thị Thanh Hương   | 141/10 Lý Tự Trọng, P.Bến Thành, Q.1, Tp.Hồ Chí Minh    | Việt Nam  | 424   | Phổ thông | 100.000         |
| 74  | Nguyễn Thị Phước     | 264/3 KP3, P. Hiệp Bình Chánh, Q.TĐức, Tp. Hồ Chí Minh  | Việt Nam  | 260   | Phổ thông | 100.000         |
| 75  | Nguyễn Văn Bình      | 5/3 KP3, P. Hiệp Bình Chánh, Q.Thủ Đức, Tp.Hồ Chí Minh  | Việt Nam  | 240   | Phổ thông | 100.000         |
| 76  | Quần Thị Cẩm Tú      | 84/2 Nguyễn Thị Nhỏ, P9, Q.Tân Bình, Tp.Hồ Chí Minh     | Việt Nam  | 190   | Phổ thông | 100.000         |
| 77  | Hồ Thị Thanh Hiền    | Xã Minh Đạo, Huyện Tiên Sơn, Tỉnh Bắc Ninh              | Việt Nam  | 210   | Phổ thông | 100.000         |
| 78  | Hoàng Việt Phương    | 143 Lầu 2 Bùi Viện, P.PNLão, Q.1, Tp.Hồ Chí Minh        | Việt Nam  | 110   | Phổ thông | 100.000         |
| 79  | Lại Thị Nhung        | 82/25/2 Lý Thường Kiệt, P7, Gò Vấp, Tp.Hồ Chí Minh      | Việt Nam  | 260   | Phổ thông | 100.000         |
| 80  | Lê Mai Đình Hưng     | 82/23 Bùi Đình Túy, P24, Q.Bình Thạnh, Tp.Hồ Chí Minh   | Việt Nam  | 220   | Phổ thông | 100.000         |
| 81  | Nguyễn Hồng Cúc Mai  | Xã Thọ Hải, Huyện Thọ Xuân, Tỉnh Thanh Hoá              | Việt Nam  | 70    | Phổ thông | 100.000         |
| 82  | Nguyễn Thị Bích Hạnh | 239/34/26 Hoàng Đạo (Trần Văn Đương), Tp.Hồ Chí Minh    | Việt Nam  | 260   | Phổ thông | 100.000         |
| 83  | Nguyễn Thị Danh      | 16 PNLão, P.PNLão, Q.1, Tp.Hồ Chí Minh                  | Việt Nam  | 170   | Phổ thông | 100.000         |
| 84  | Nguyễn Thị Hương     | Xã Tân Việt, Huyện Nam Thành, Tỉnh Hải Hưng             | Việt Nam  | 90    | Phổ thông | 100.000         |
| 85  | Nguyễn Thị Ngọc      | 361/8 Tân Quy, Q.7, Tp.Hồ Chí Minh                      | Việt Nam  | 240   | Phổ thông | 100.000         |
| 86  | Nguyễn Văn Ba        | 144/45 Trần Phú, P.4 Q.5 Tp.Hồ Chí Minh                 | Việt Nam  | 360   | Phổ thông | 100.000         |
| 87  | Nguyễn Thị Ngọc      | Xã Minh Đạo, Huyện Tiên Sơn, Tỉnh Bắc Ninh              | Việt Nam  | 10    | Phổ thông | 100.000         |
| 88  | Nguyễn Văn Ba        | 283 CX Lý Thái Tổ, P.1, Q3, Tp.Hồ Chí Minh              | Việt Nam  | 260   | Phổ thông | 100.000         |
| 89  | Đình Thị Mùng        | 21/1/9 Nguyễn Thiện Thuật, P2, Q.3, Tp.Hồ Chí Minh      | Việt Nam  | 260   | Phổ thông | 100.000         |
| 90  | Phạm Thị Thuý        | 15 Đoàn Như Hải, P.12, Q.4, Tp.Hồ Chí Minh              | Việt Nam  | 210   | Phổ thông | 100.000         |
| 91  | Phan Thị Thành       | 40 Nguyễn Trương Tô, P.12, Q.4, Tp.Hồ Chí Minh          | Việt Nam  | 80    | Phổ thông | 100.000         |
| 92  | Trịnh Thị Hương Lan  | Xã Hiệp Thành, Huyện Đức Trọng, Tỉnh Lâm Đồng           | Việt Nam  | 30    | Phổ thông | 100.000         |
| 93  | Vân Thuý Quyên       | 351/13 Ng. Trọng Tuyển, P.1, Q.Tân Bình, Tp.Hồ Chí Minh | Việt Nam  | 30    | Phổ thông | 100.000         |
| 94  | Vân Thuý Quyên       | 288 CMT8, P.10 Q.3, Tp.Hồ Chí Minh                      | Việt Nam  | 90    | Phổ thông | 100.000         |
| 95  | Huyền Văn Hào        | 268 Thống Nhất, Nha Trang, Tỉnh Khánh Hoà               | Việt Nam  | 378   | Phổ thông | 100.000         |
| 96  | Cao Hữu Dương        | Xã Nhân Bình, Huyện Lý Nhân, Tỉnh Hà Nam                | Việt Nam  | 40    | Phổ thông | 100.000         |
| 97  | Danh Thị Hoa         | Xã Phan Rang, Huyện Tháp Chàm, Tỉnh Ninh Thuận          | Việt Nam  | 180   | Phổ thông | 100.000         |
| 98  | Dương Ngọc Thoa      | Xã Khánh Công, Huyện Yên Khánh, Tỉnh Ninh Bình          | Việt Nam  | 100   | Phổ thông | 100.000         |
| 99  | Hồ Thị Yến           | Xã Mương Mán, Huyện Hàm Thuận Nam, Tỉnh Thuận Hải       | Việt Nam  | 190   | Phổ thông | 100.000         |
| 100 | Huyền Thị Tuyết      | Xã Phước Diêm, Huyện Ninh Phước, Tỉnh Ninh Thuận        | Việt Nam  | 110   | Phổ thông | 100.000         |
| 101 | Lê Thị Hạnh          | Xã Phan Rang, Huyện Tháp Chàm, Tỉnh Ninh Thuận          | Việt Nam  | 368   | Phổ thông | 100.000         |
| 102 | Lê Thị Ngọc Trinh    | Xã Phước Diêm, Huyện Ninh Phước, Tỉnh Ninh Thuận        | Việt Nam  | 110   | Phổ thông | 100.000         |
| 103 | Lưu Công Chính       | Xã Giao Yến, Huyện Xuân Thủy, Tỉnh Nam Hà               | Việt Nam  | 80    | Phổ thông | 100.000         |
| 104 | Nguyễn Thị Xuân      | Xã Phước Diêm, Huyện Ninh Phước, Tỉnh Ninh Thuận        | Việt Nam  | 110   | Phổ thông | 100.000         |
| 105 | Nguyễn Thị Thu Thuý  | Xã Phan Rang, Huyện Tháp Chàm, Tỉnh Ninh Thuận          | Việt Nam  | 104   | Phổ thông | 100.000         |
| 106 | Nguyễn Xuân Dương    | Xã Phước Diêm, Huyện Ninh Phước, Tỉnh Ninh Bình         | Việt Nam  | 90    | Phổ thông | 100.000         |

| SĐT | Cố đông sáng lập     | Địa chỉ   | Quốc tịch | Số CP | Loại CP   | Mệnh giá (đ/CP) |
|-----|----------------------|---|-----------|-------|-----------|-----------------|
| 107 | Nguyễn Văn Hoà       | Xã Phước Diêm, Huyện Ninh Phước, Tỉnh Ninh Thuận      | Việt Nam  | 170   | Phổ thông | 100.000         |
| 108 | Nguyễn Văn Long      | Xã Đức Hợp, Huyện Kim Động, Tỉnh Hưng Yên             | Việt Nam  | 50    | Phổ thông | 100.000         |
| 109 | Nguyễn Văn Từ        | Xã Phan Rang, Huyện Tháp Chàm, Tỉnh Ninh Thuận        | Việt Nam  | 10    | Phổ thông | 100.000         |
| 110 | Nguyễn Xuân Tùng     | Tập thể 608, Thành Lễ, Thanh Trì, Tp. Hà Nội          | Việt Nam  | 10    | Phổ thông | 100.000         |
| 111 | Phạm Đình Thang      | Xã Phước Diêm, Huyện Ninh Phước, Tỉnh Ninh Thuận      | Việt Nam  | 278   | Phổ thông | 100.000         |
| 112 | Phạm Văn Nam         | D7, Hoàng Diệu, Tx. Thái Bình, Tỉnh Thái Bình         | Việt Nam  | 90    | Phổ thông | 100.000         |
| 113 | Trần Phước           | 29/7 Lê Hồng Phong, Tp. Nha Trang, Tỉnh Khánh Hoà     | Việt Nam  | 50    | Phổ thông | 100.000         |
| 114 | Trần Thị Dung        | Xã Phước Diêm, Huyện Ninh Phước, Tỉnh Ninh Thuận      | Việt Nam  | 160   | Phổ thông | 100.000         |
| 115 | Trần Thị Loan        | KP4, Phú Thủy, Tp. Phan Thiết, Tỉnh Bình Thuận        | Việt Nam  | 290   | Phổ thông | 100.000         |
| 116 | Trần Trung Trí       | Xã Tây Đô, Huyện Hưng Hà, Tỉnh Thái Bình              | Việt Nam  | 80    | Phổ thông | 100.000         |
| 117 | Võ Thị Hương         | Thị trấn Phước Dân, Huyện Ninh Phước, Tỉnh Ninh Thuận | Việt Nam  | 70    | Phổ thông | 100.000         |
| 118 | Vũ Thị Phương        | Xã Phước Diêm, Huyện Ninh Phước, Tỉnh Ninh Thuận      | Việt Nam  | 70    | Phổ thông | 100.000         |
| 119 | Phạm Xuân Hùng       | 143 Bùi Viên, P. PNL.áo, Q.1, Tp. Hồ Chí Minh         | Việt Nam  | 190   | Phổ thông | 100.000         |
| 120 | Lê Thị Minh Thơ      | 170 Hoàng Văn Thụ, Tp. Nha Trang, Tỉnh Khánh Hoà      | Việt Nam  | 260   | Phổ thông | 100.000         |
| 121 | Lê Thị Phương        | Phước Tân, Tp. Nha Trang, Tỉnh Khánh Hoà              | Việt Nam  | 260   | Phổ thông | 100.000         |
| 122 | Lương Thị Ngọc Thanh | Phước Tân, Tp. Nha Trang, Tỉnh Khánh Hoà              | Việt Nam  | 260   | Phổ thông | 100.000         |
| 123 | Nguyễn Thị Yên       | 170 Hoàng Văn Thụ, Tp. Nha Trang, Tỉnh Khánh Hoà      | Việt Nam  | 260   | Phổ thông | 100.000         |
| 124 | Huyền Thị Ánh Nguyệt | 85/3/1 Phương Sài, Tp. Nha Trang, Tỉnh Khánh Hoà      | Việt Nam  | 260   | Phổ thông | 100.000         |
| 125 | Nguyễn Thị Giỏi      | 49B Nguyễn Thiện Thuật, Tp. Nha Trang, Tỉnh Khánh Hoà | Việt Nam  | 310   | Phổ thông | 100.000         |
| 126 | Nguyễn Thị Huệ       | 24 Dối T Thủy, Tp. Nha Trang, Tỉnh Khánh Hoà          | Việt Nam  | 260   | Phổ thông | 100.000         |
| 127 | Nguyễn Thị Nha       | 170/3 Hoàng Văn Thụ, Tp. Nha Trang, Tỉnh Khánh Hoà    | Việt Nam  | 190   | Phổ thông | 100.000         |
| 128 | Nguyễn Thị Thanh Gia | 68/8 Đò Lương, Tp. Nha Trang, Tỉnh Khánh Hoà          | Việt Nam  | 260   | Phổ thông | 100.000         |
| 129 | Phạm Huy Quân        | Xã Nhân Quyền, Huyện Bình Giang, Tỉnh Hải Dương       | Việt Nam  | 10    | Phổ thông | 100.000         |
| 130 | Trần Thái Nam        | Thị trấn Thanh Ba, Huyện Thanh Ba, Tỉnh Vĩnh Phú      | Việt Nam  | 70    | Phổ thông | 100.000         |
| 131 | Trần Thị Ngọc Âu     | Vinh Phước, Tp. Nha Trang, Tỉnh Khánh Hoà             | Việt Nam  | 30    | Phổ thông | 100.000         |
| 132 | Trương Thị Mè        | Phước Tân, Tp. Nha Trang, Tỉnh Khánh Hoà              | Việt Nam  | 260   | Phổ thông | 100.000         |
| 133 | Vũ Thị Minh Tâm      | 170 Hoàng Văn Thụ, Tp. Nha Trang, Tỉnh Khánh Hoà      | Việt Nam  | 260   | Phổ thông | 100.000         |
| 134 | Bùi Quang Toàn       | 1 Quang Trung, P.9, Tp. Đà Lạt, Tỉnh Lâm Đồng         | Việt Nam  | 290   | Phổ thông | 100.000         |
| 135 | Lương Đình Soa       | 01 Quang Trung, P.9, Tp. Đà Lạt, Tỉnh Lâm Đồng        | Việt Nam  | 160   | Phổ thông | 100.000         |
| 136 | Nguyễn Duy Chương    | Xã Gia Hiệp, Huyện Di Linh, Tỉnh Lâm Đồng             | Việt Nam  | 50    | Phổ thông | 100.000         |
| 137 | Nguyễn Duy Khải      | 6/1 Quang Trung, P.9, Tp. Đà Lạt, Tỉnh Lâm Đồng       | Việt Nam  | 200   | Phổ thông | 100.000         |
| 138 | Nguyễn Thị Bích Thủy | 01 Quang Trung, P.9, Tp. Đà Lạt, Tỉnh Lâm Đồng        | Việt Nam  | 180   | Phổ thông | 100.000         |
| 139 | Nguyễn Thị Nhung     | 2/17D Nguyễn Trãi, P.9, Tp. Đà Lạt, Tỉnh Lâm Đồng     | Việt Nam  | 210   | Phổ thông | 100.000         |
| 140 | Nguyễn Xuân Nguyễn   | Xã Đinh Văn, Huyện Lâm Hà, Tỉnh Lâm Đồng              | Việt Nam  | 140   | Phổ thông | 100.000         |
| 141 | Quách Thị Thanh Mai  | 1 Quang Trung, P.9, Tp. Đà Lạt, Tỉnh Lâm Đồng         | Việt Nam  | 160   | Phổ thông | 100.000         |
| 142 | Tào Thị Minh Hồng    | 1 Quang Trung, P.9, Tp. Đà Lạt, Tỉnh Lâm Đồng         | Việt Nam  | 220   | Phổ thông | 100.000         |

| Stt | Cố đồng sáng lập      | Địa chỉ  | Quốc tịch | Số CP | Loại CP   | Mệnh giá (đ/CP) |
|-----|-----------------------|--|-----------|-------|-----------|-----------------|
| 143 | Huyện Đình Lâm        | B5 Chu Văn An, P.12, Q.Tân Bình, Tp.Hồ Chí Minh        | Việt Nam  | 1.018 | Phổ thông | 100.000         |
| 144 | Huyện Thị Tuyết Nga   | 48/18 Hàm Tử P.1, Q.5, Tp.Hồ Chí Minh                  | Việt Nam  | 974   | Phổ thông | 100.000         |
| 145 | Lê Mỹ Dung            | 177/2 Bình Triệu, P.HBChánh, Q.TĐức, Tp.Hồ Chí Minh    | Việt Nam  | 3.343 | Phổ thông | 100.000         |
| 146 | Lê Phương Nam         | B7 Chu Văn An, P.12, Q.Bình Thạnh, Tp.Hồ Chí Minh      | Việt Nam  | 1.211 | Phổ thông | 100.000         |
| 147 | Đàm Văn Hiệp          | TK53/13B Bến C.Dương, P.Cầu Kho, Q.1 Tp.Hồ Chí Minh    | Việt Nam  | 2.651 | Phổ thông | 100.000         |
| 148 | Nguyễn Đức Thắng      | 59-59A An Dương Vương, P.8, Q.5, Tp.Hồ Chí Minh        | Việt Nam  | 1.883 | Phổ thông | 100.000         |
| 149 | Nguyễn Thị Ngã        | 216/88 Hoà Hảo, P.13, Q.10, Tp.Hồ Chí Minh             | Việt Nam  | 3.188 | Phổ thông | 100.000         |
| 150 | Đoàn Văn Tuấn         | 121 Nguyễn Trãi, P.2, Q.5, Tp.Hồ Chí Minh              | Việt Nam  | 2.775 | Phổ thông | 100.000         |
| 151 | Tăng Thị Minh Tân     | 20/16F Kỳ Đồng, P.9, Q.3, Tp.Hồ Chí Minh               | Việt Nam  | 3.160 | Phổ thông | 100.000         |
| 152 | Trần Vi Đường         | 97 Đê Thám, P.Cô Giang, Q.1, Tp.Hồ Chí Minh            | Việt Nam  | 1.165 | Phổ thông | 100.000         |
| 153 | Trương Ái Liễu        | 161 Nguyễn Duy Dương, P.3, Q.10, Tp.Hồ Chí Minh        | Việt Nam  | 1.018 | Phổ thông | 100.000         |
| 154 | Hoàng Thị Nga         | Xã Đông Hoàng, Huyện Đông Sơn, Tỉnh Thanh Hoá          | Việt Nam  | 20    | Phổ thông | 100.000         |
| 155 | Hoàng Thị Phương      | 290/6 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, P.8, Q.3, Tp.Hồ Chí Minh      | Việt Nam  | 90    | Phổ thông | 100.000         |
| 156 | Lê Anh Thủy           | 130/7 CMT8, Q.10, Q.3, Tp.Hồ Chí Minh                  | Việt Nam  | 80    | Phổ thông | 100.000         |
| 157 | Lê Thị Minh Nguyệt    | 021C Chung cư Ngõ Gia Tự, Q.10, Tp.Hồ Chí Minh         | Việt Nam  | 70    | Phổ thông | 100.000         |
| 158 | Lưu Tuyết Trinh       | 24 Hàng Đa, Tp.Hà Nội                                  | Việt Nam  | 10    | Phổ thông | 100.000         |
| 159 | Mai Văn Hoàn          | 15 Ngõ Phố Giác, Ngõ Sỹ Liên, Tp.Hà Nội                | Việt Nam  | 330   | Phổ thông | 100.000         |
| 160 | Đặng Thị Thu Vy       | 205/72 Trần Văn Đăng, P.11 Q.3, Tp.Hồ Chí Minh         | Việt Nam  | 20    | Phổ thông | 100.000         |
| 161 | Nguyễn Khánh Ly       | 21 Đại Đồng, Tp.Hà Nội                                 | Việt Nam  | 10    | Phổ thông | 100.000         |
| 162 | Nguyễn Thị Kim Oanh   | 221 CX Đường Sài, Lý Thái Tổ, P.1, Q.3, Tp.Hồ Chí Minh | Việt Nam  | 260   | Phổ thông | 100.000         |
| 163 | Nguyễn Thị Ngọc Quý   | 81/55/5 Hồ Văn Huê, P.9, Q.Phú Nhuận, Tp.Hồ Chí Minh   | Việt Nam  | 90    | Phổ thông | 100.000         |
| 164 | Nguyễn Thị Song Hà    | P.102-M15B, Trương Định, Tp. Hà Nội                    | Việt Nam  | 170   | Phổ thông | 100.000         |
| 165 | Nguyễn Thị Thanh Thủy | A7 P.11, Tập thể Khương Thượng, Hà Nội                 | Việt Nam  | 10    | Phổ thông | 100.000         |
| 166 | Nguyễn Thị Thu Hà     | Tổ 11, Sài Đồng, Gia Lâm, Tp.Hà Nội                    | Việt Nam  | 10    | Phổ thông | 100.000         |
| 167 | Nguyễn Thủy Trần      | 220/37 Lê Văn Sỹ, P.14, Q.3, Tp.Hồ Chí Minh            | Việt Nam  | 360   | Phổ thông | 100.000         |
| 168 | Nguyễn Trung Đông     | Xã Mộ Đạo, Huyện Quê Võ, Tỉnh Bắc Ninh                 | Việt Nam  | 10    | Phổ thông | 100.000         |
| 169 | Đỗ Kỳ Anh             | Tập thể Công Trường 2, Vĩnh Tuy, Tp.Hà Nội             | Việt Nam  | 30    | Phổ thông | 100.000         |
| 170 | Phan Thị Kim Phương   | Xã Am Thượng, Huyện Thanh Hoá, Tỉnh Vĩnh Phú           | Việt Nam  | 10    | Phổ thông | 100.000         |
| 171 | Trần Bộ Thiên         | 1980A, Huỳnh V. Chinh, P.19, Q.TBinh, Tp.Hồ Chí Minh   | Việt Nam  | 90    | Phổ thông | 100.000         |
| 172 | Trương Quốc Dũng      | Xã Đại Lãm, Huyện Đại Lãm, Tỉnh Quảng Nam              | Việt Nam  | 10    | Phổ thông | 100.000         |
| 173 | Vây Văn Minh          | 1260 Đường 3-2, P.2, Q.11, Tp.Hồ Chí Minh              | Việt Nam  | 20    | Phổ thông | 100.000         |
| 174 | Hồ Thị Bích Hằng      | 69 Đoàn V. Bơ, Q.4, Tp.Hồ Chí Minh                     | Việt Nam  | 20    | Phổ thông | 100.000         |
| 175 | Lê Song Bình          | 39 Huỳnh Văn Chánh, P.19 Q.Tân Bình, Tp.Hồ Chí Minh    | Việt Nam  | 130   | Phổ thông | 100.000         |
| 176 | Nguyễn Minh Đạt       | 22 Hùng Vương, P.2, Q.10, Tp.Hồ Chí Minh               | Việt Nam  | 220   | Phổ thông | 100.000         |
| 177 | Trương Bội Hiền       | 360 Trần Phú, Q.5, Tp. Hồ Chí Minh                     | Việt Nam  | 20    | Phổ thông | 100.000         |
| 178 | Hàng Tín              | 228/21 Hậu Giang, P.9, Q.6, Tp.Hồ Chí Minh             | Việt Nam  | 10    | Phổ thông | 100.000         |

| Stt | Cổ đông sáng lập           | Địa chỉ  | Quốc tịch | Số CP  | Loại CP   | Mệnh giá (đ/CP) |
|-----|----------------------------|--|-----------|--------|-----------|-----------------|
| 179 | Huyện Đăng Dũng            | 418/12 Phan Xích Long, P.2, Q.Phước Ninh, Tp.Hồ Chí Minh | Việt Nam  | 20     | Phổ thông | 100.000         |
| 180 | Đặng Thụy Ngọc Trang       | 80/14 Nguyễn Lâm, P.3, Q.Bình Thạnh, Tp.Hồ Chí Minh      | Việt Nam  | 40     | Phổ thông | 100.000         |
| 181 | Nguyễn Thị Phương Trang    | Xã Bình Trung, Huyện Châu Thành, Tỉnh Tiền Giang         | Việt Nam  | 20     | Phổ thông | 100.000         |
| 182 | Bùi Quang Thắng            | 53/103 Châu Thương Văn, Tp.Đà Nẵng                       | Việt Nam  | 15     | Phổ thông | 100.000         |
| 183 | Hà Văn Bình                | Xã Vã Lạc, Huyện Kiến Xương, Tỉnh Thái Bình              | Việt Nam  | 180    | Phổ thông | 100.000         |
| 184 | Huyền Lâm                  | Xã Bình Chánh, Huyện Bình Sơn, Tỉnh Quảng Ngãi           | Việt Nam  | 30     | Phổ thông | 100.000         |
| 185 | Huyền Lê Trung             | Thôn 4, Xã Sông Lũy, Huyện Bắc Bình, Tỉnh Bình Thuận     | Việt Nam  | 500    | Phổ thông | 100.000         |
| 186 | Kiều Xuân Thắng            | Tập thể Viện KHVN, Kim Mã, Tp.Hà Nội                     | Việt Nam  | 90     | Phổ thông | 100.000         |
| 187 | Lê Hanh                    | 561/19/5 XVNT, P.26, Q.Bình Thạnh, Tp.Hồ Chí Minh        | Việt Nam  | 853    | Phổ thông | 100.000         |
| 188 | Mai Thị Trang              | Xã Phan Rang, Huyện Tháp Chàm, Tỉnh Ninh Thuận           | Việt Nam  | 10     | Phổ thông | 100.000         |
| 189 | Đặng Thị Thu Hương         | 285/5 Trần Bình Trọng, P.4, Q.5, Tp.Hồ Chí Minh          | Việt Nam  | 466    | Phổ thông | 100.000         |
| 190 | Đặng Thị Thu Thủy          | 7 Nguyễn Oanh, P.17, Q.Gò Vấp, Tp.Hồ Chí Minh            | Việt Nam  | 30     | Phổ thông | 100.000         |
| 191 | Ngô Hoa Thanh              | Thị trấn Phúc Yên, Huyện Mê Linh, Tỉnh Vĩnh Phúc         | Việt Nam  | 10     | Phổ thông | 100.000         |
| 192 | Nguyễn Anh Hưng            | Xã Tân Hồng, Huyện Ba Vì, Tỉnh Hà Tây                    | Việt Nam  | 10     | Phổ thông | 100.000         |
| 193 | Nguyễn Thị Len             | Xã Trục Mỹ, Huyện Trục Ninh, Tỉnh Nam Định               | Việt Nam  | 10     | Phổ thông | 100.000         |
| 194 | Nguyễn Thị Minh Hà         | 215F/1 Phan Đăng Lưu, P.1 Q.Phú Nhuận, Tp.Hồ Chí Minh    | Việt Nam  | 280    | Phổ thông | 100.000         |
| 195 | Nguyễn Thị Xuân Hoa        | Xã Diên Lạc, Huyện Diên Khánh, Tỉnh Khánh Hòa            | Việt Nam  | 10     | Phổ thông | 100.000         |
| 196 | Nguyễn Văn Chương          | P.309/461 Trần Quý Cáp, Tp. Hà Nội                       | Việt Nam  | 50     | Phổ thông | 100.000         |
| 197 | Phan Hiền                  | Xã An Lộc, Huyện Bình Long, Tỉnh Bình Phước              | Việt Nam  | 20     | Phổ thông | 100.000         |
| 198 | Thái Văn Ba                | Tổ 33, P. Phước Mỹ, Q.Sơn Trà, Tp.Đà Nẵng                | Việt Nam  | 10     | Phổ thông | 100.000         |
| 199 | Tô Thủy Trinh              | Xã Hải Ninh, Huyện Bắc Bình, Tỉnh Bình Thuận             | Việt Nam  | 10     | Phổ thông | 100.000         |
| 200 | Trần Ngọc Minh Thu         | Xã Tân Kim, Huyện Cần Giuộc, Tỉnh Long An                | Việt Nam  | 311    | Phổ thông | 100.000         |
| 201 | Trần Thị Thu Trang         | Xã Bình Đông, Huyện Gò Công Đông, Tỉnh Tiền Giang        | Việt Nam  | 10     | Phổ thông | 100.000         |
| 202 | Trần Văn A                 | 369/57 Lý Thái Tổ, P.9, Q.10, Tp.Hồ Chí Minh             | Việt Nam  | 270    | Phổ thông | 100.000         |
| 203 | Vũ Thị Quay                | Bình Khê, Phước Tân, Tp.Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa        | Việt Nam  | 10     | Phổ thông | 100.000         |
| 204 | Công ty TNHH TM-DL Đại Lâm | 764 Trần Hưng Đạo, P.7 Q.5 Tp.Hồ Chí Minh                | Việt Nam  | 50.000 | Phổ thông | 100.000         |
| 205 | Trần Hiền Phước            | 97 Đê Thám, P.C6 Giang, Q.1, Tp.Hồ Chí Minh              | Việt Nam  | 2.000  | Phổ thông | 100.000         |

# MỤC LỤC

|   |    |
|---|----|
| I. ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ.....  | 1  |
| Điều 1. Giải thích thuật ngữ .....  | 1  |
| Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện và thời hạn hoạt động của Công ty.....                  | 2  |
| Điều 3. Người đại diện theo pháp luật của Công ty .....   | 3  |
| III. MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA Công ty.....   | 3  |
| Điều 4. Mục tiêu hoạt động của Công ty.....   | 3  |
| Điều 5. Phạm vi kinh doanh và hoạt động của Công ty .....   | 4  |
| IV. VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP.....   | 5  |
| Điều 6. Vốn điều lệ, cổ phần, cổ đông sáng lập .....  | 5  |
| Điều 7. Chứng nhận cổ phiếu.....  | 5  |
| Điều 8. Chứng chỉ chứng khoán khác .....  | 6  |
| Điều 9. Chuyển nhượng cổ phần.....  | 6  |
| Điều 10. Thu hồi cổ phần .....  | 6  |
| V. CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN TRỊ VÀ KIỂM SOÁT.....   | 6  |
| Điều 11. Cơ cấu tổ chức, quản trị và kiểm soát .....  | 6  |
| VI. CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG.....  | 7  |
| Điều 12. Quyền của cổ đông .....  | 7  |
| Điều 13. Nghĩa vụ của cổ đông .....   | 8  |
| Điều 14. Đại hội đồng cổ đông .....   | 8  |
| Điều 15. Quyền và nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông .....   | 9  |
| Điều 16. Thực hiện quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông .....  | 10 |
| Điều 17. Thay đổi các quyền.....  | 11 |
| Điều 18. Triệu tập họp, chương trình họp và thông báo họp Đại hội đồng cổ đông.....                                   | 11 |
| Điều 19. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông.....  | 13 |
| Điều 20. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông .....                                 | 13 |
| Điều 21. Thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông.....   | 14 |
| Điều 22. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông..... | 15 |
| Điều 23. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông .....  | 17 |
| Điều 24. Yêu cầu hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông.....  | 18 |
| VII. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ.....   | 18 |
| Điều 25. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị .....   | 18 |
| Điều 26. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị.....   | 19 |
| Điều 27. Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị .....  | 20 |
| Điều 28. Thù lao, tiền lương và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc .....                    | 22 |
| Điều 29. Chủ tịch Hội đồng quản trị .....   | 22 |
| Điều 30. Cuộc họp của Hội đồng quản trị.....  | 23 |
| VIII. TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ THÀNH VIÊN BAN ĐIỀU HÀNH.....  | 25 |
| Điều 31. Tổ chức bộ máy quản lý .....   | 25 |
| Điều 32. Người điều hành doanh nghiệp .....   | 25 |

|   |    |
|---|----|
| Điều 33. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng giám đốc .....                                    | 26 |
| IX. BAN KIỂM SOÁT.....  | 28 |
| Điều 34. Ứng cử, đề cử Kiểm soát viên .....   | 28 |
| Điều 35. Kiểm soát viên.....  | 28 |
| Điều 36. Ban kiểm soát .....  | 29 |
| X. TRÁCH NHIỆM CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, KIỂM SOÁT VIÊN,<br>TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC ..... | 30 |
| Điều 37. Trách nhiệm cần trọng.....   | 30 |
| Điều 38. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi.....   | 30 |
| Điều 39. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường.....  | 31 |
| XI. QUYỀN ĐIỀU TRA SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY .....   | 31 |
| Điều 40. Quyền điều tra sổ sách và hồ sơ .....  | 31 |
| XII. CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN .....  | 31 |
| Điều 41. Công nhân viên và công đoàn .....  | 31 |
| XIII. PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN.....  | 32 |
| Điều 42. Phân phối lợi nhuận.....   | 32 |
| XIV. TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, QUỸ DỰ TRỮ, NĂM TÀI CHÍNH VÀ CHẾ ĐỘ KẾ<br>TOÁN.....                                   | 32 |
| Điều 43. Tài khoản ngân hàng .....  | 32 |
| Điều 44. Năm tài chính .....  | 32 |
| Điều 45. Chế độ kế toán.....  | 32 |
| XV. BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN, BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ<br>THÔNG TIN .....                            | 33 |
| Điều 46. Báo cáo tài chính năm .....  | 33 |
| Điều 47. Báo cáo thường niên.....   | 33 |
| XVI. KIỂM TOÁN Công ty.....   | 33 |
| Điều 48. Kiểm toán .....  | 33 |
| XVII. CON DẤU .....   | 33 |
| Điều 49. Con dấu.....   | 33 |
| XVIII. CHẤM DỨT HOẠT ĐỘNG VÀ THANH LÝ .....   | 33 |
| Điều 50. Chấm dứt hoạt động .....   | 33 |
| Điều 51. Thanh lý.....  | 34 |
| XIX. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ.....  | 34 |
| Điều 52. Giải quyết tranh chấp nội bộ .....   | 34 |
| XX. BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ .....  | 35 |
| Điều 53. Điều lệ Công ty.....   | 35 |
| XXI. NGÀY HIỆU LỰC .....  | 35 |
| Điều 54. Ngày hiệu lực .....  | 35 |

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**  
NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2017

**CÔNG TY CỔ PHẦN**  
**SÀI GÒN HÒA XA**



**MỤC LỤC**

|  | <b>Trang</b>   |
|--|----------------|
| <b>1. Mục lục</b>  | <b>1</b>       |
| <b>2. Báo cáo của Hội đồng quản trị</b>  | <b>2 - 4</b>   |
| <b>3. Báo cáo kiểm toán độc lập</b>  | <b>5</b>       |
| <b>4. Bảng cân đối kế toán tổng hợp tại ngày 31 tháng 12 năm 2017</b>  | <b>6 - 9</b>   |
| <b>5. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp<br/>cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017</b> | <b>10</b>      |
| <b>6. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp<br/>cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017</b>           | <b>11 - 12</b> |
| <b>7. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp<br/>cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017</b>    | <b>13 - 34</b> |
| <b>8. Phụ lục</b>  | <b>35 - 37</b> |

\*\*\*\*\*

**BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Sài Gòn Hòa Xa (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017.

**Khái quát về Công ty**

Công ty Cổ phần Sài Gòn Hòa Xa là doanh nghiệp được cổ phần hóa từ công ty Nhà nước Công ty Dịch vụ Du lịch Đường sắt Sài Gòn theo Quyết định số 990/QĐ-BGTVT ngày 15 tháng 04 năm 2004 của Bộ trưởng Bộ Giao thông Vận tải. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0300481625, đăng ký lần đầu ngày 04 tháng 01 năm 2005 và đăng ký thay đổi lần thứ 08 ngày 26 tháng 01 năm 2016 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp.

**Trụ sở chính**

- Địa chỉ : 275C Phạm Ngũ Lão, phường Phạm Ngũ Lão, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh
- Điện thoại : (84-28) 38 367 660
- Fax : (84-28) 38 369 031

Công ty có các đơn vị trực thuộc sau:

| Tên đơn vị                                 | Địa chỉ   |
|--|---|
| Khách sạn Hải Vân                          | 69 Huỳnh Thúc Kháng, phường Bến Thành, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh                |
| Khách sạn Kỳ Đồng                          | 10D Kỳ Đồng, Phường 9, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh                                |
| Du lịch Đường sắt Sài Gòn                  | 10D Kỳ Đồng, Phường 9, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh                                |
| Trung tâm Dịch vụ và Kinh doanh Địa ốc     | 51 đường 20, Khu phố 4, phường Hiệp Bình Chánh, quận Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh |
| Khách sạn Ga Sài Gòn                       | 01 Nguyễn Thông, Phường 9, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh                            |
| Khách sạn Đường sắt Nha Trang              | 17 Thái Nguyên, phường Phước Tân, TP. Nha Trang                               |
| Khách sạn Cà Ná                            | Quốc lộ 1 A, thôn Lạc Sơn 1, xã Cà Ná, huyện Thuận Nam, tỉnh Ninh Thuận       |
| Khách sạn Đường sắt Đà Lạt                 | 01 Quang Trung, TP. Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng                                     |
| Trung tâm Dịch vụ Thương mại               | 20/6 Võ văn Kiệt, phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh            |
| Nhà hàng Khách sạn Hưng Triệu              | 146/33 Kha Vạn Cân, phường Hiệp Bình Chánh, quận Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh     |
| Xí nghiệp Dịch vụ Vận tải Hóa xa Sài Gòn   | 01 Nguyễn Thông, Phường 9, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh                            |
| Trung tâm Dịch vụ và Thương mại Bình Triệu | 310/4B Quốc lộ 13, phường Hiệp Bình Chánh, quận Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh      |

Hoạt động kinh doanh của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là:

- Kinh doanh vận tải hàng hóa bằng đường ô tô, đường sắt.
- Giáo dục mầm non và tiểu học.
- Giáo dục trung học cơ sở và trung học phổ thông.
- Giáo dục nghề nghiệp.
- Đào tạo cao đẳng, đại học và sau đại học.
- Giáo dục văn hóa nghệ thuật, thể thao và giải trí.
- Dịch vụ hỗ trợ giáo dục.
- Hoạt động của các câu lạc bộ thể thao.
- Trồng rau đậu, các loại và trồng hoa, cây cảnh.
- Hoạt động của các đại lý vận tải hàng hoá đường biển và hàng không, vé máy bay và tàu hỏa.
- Kinh doanh khách sạn, nhà hàng.
- Dịch vụ chăm sóc cá nhân và dịch vụ chăm sóc cá nhân khác: dịch vụ xoa bóp.



**CÔNG TY CỔ PHẦN SÀI GÒN HÒA XA**  
**BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (tiếp theo)**

- Kinh doanh du lịch lữ hành nội địa và quốc tế.
- Mua bán phương tiện, thiết bị giao thông vận tải, thiết bị xây dựng công trình – xếp dỡ; nông sản, lâm sản, thủy sản, nguyên vật liệu phục vụ sản xuất công nghiệp, nông nghiệp và tiêu dùng, rượu bia và nước giải khát.
- Đại lý kinh doanh xăng dầu.
- Kinh doanh nhà, dịch vụ kho bãi, cho thuê mặt bằng, cho thuê nhà, xưởng. Kinh doanh doanh bất động sản.
- Kinh doanh vận chuyển hành khách bằng ô tô theo hợp đồng, vận tải hàng hóa bằng đường thủy.
- Dịch vụ quảng cáo thương mại.
- Nuôi thủy sản.
- Xây dựng các công trình giao thông, dân dụng.
- Chuẩn bị mặt bằng.
- Dịch vụ chăm sóc da mặt (trừ dịch vụ gây chảy máu).
- Mua bán hóa mỹ phẩm, hàng công nghệ phẩm, thực phẩm chế biến.
- Chế biến nông sản.
- Sản xuất đồ gỗ (trừ chế biến gỗ).
- Dịch vụ karaoke (không kinh doanh tại trụ sở).
- Bán buôn sắt, thép; tre, nứa, gỗ cây và gỗ chế biến; xi măng, gạch xây, ngói, đá, cát, sỏi; kính xây dựng, sơn, vécni, gạch ốp lát và thiết bị vệ sinh; đồ ngũ kim; vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng.
- Mua bán thuốc lá điều sản xuất trong nước.

**Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý**

Các thành viên Hội đồng quản trị và Ban điều hành của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

**Hội đồng quản trị**

| Họ và tên            | Chức vụ    | Ngày bổ nhiệm             |
|----------------------|------------|---------------------------|
| Bà Trần Thiên Kim    | Chủ tịch   | Ngày 21 tháng 01 năm 2016 |
| Ông Trần Văn Đường   | Thành viên | Ngày 14 tháng 5 năm 2015  |
| Bà Lưu Thị Lê        | Thành viên | Ngày 14 tháng 5 năm 2015  |
| Bà Tăng Thị Minh Tân | Thành viên | Ngày 14 tháng 5 năm 2015  |
| Bà Trương Ái Liễu    | Thành viên | Ngày 14 tháng 5 năm 2015  |

**Ban kiểm soát**

| Họ và tên            | Chức vụ    | Ngày bổ nhiệm            |
|----------------------|------------|--------------------------|
| Bà Huỳnh Thị Đào     | Trưởng ban | Ngày 01 tháng 7 năm 2015 |
| Bà Lữ Thị Tiến       | Thành viên | Ngày 14 tháng 5 năm 2015 |
| Lê Nguyễn Thanh Tuấn | Thành viên | Ngày 14 tháng 5 năm 2015 |

**Tổng Giám đốc**

Tổng Giám đốc của Công ty là Ông Trần Văn Đường (bổ nhiệm ngày 01 tháng 4 năm 2016).

**Đại diện theo pháp luật**

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này là Bà Trần Thiên Kim - Chủ tịch Hội đồng quản trị (bổ nhiệm ngày 21 tháng 01 năm 2016).

**Kiểm toán viên**

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C đã được chỉ định kiểm toán Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 của Công ty.

815.  
TY  
HỮU  
A T U  
C  
HỘ

**CÔNG TY CỔ PHẦN SÀI GÒN HÒA XÁ**  
BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (tiếp theo)

**Trách nhiệm của Tổng Giám đốc**

Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính tổng hợp phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp này, Ban Tổng Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính tổng hợp;
- Lập Báo cáo tài chính tổng hợp trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp.

Tổng Giám đốc đảm bảo các số kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các số sách kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp.

**Phê duyệt Báo cáo tài chính**

Hội đồng quản trị phê duyệt Báo cáo tài chính tổng hợp đính kèm. Báo cáo tài chính tổng hợp đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2017, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp.

Thay mặt Hội đồng quản trị,



**Trần Thiên Kim**  
Chủ tịch Hội đồng quản trị

Ngày 29 tháng 3 năm 2018





**BAKER TILLY  
A&C**

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN A&C  
A&C AUDITING AND CONSULTING CO., LTD.



Số: 1.0609/18/TC-AC

Headquarters : 02 Trưng Sơn St., Tân Bình Dist., Ho Chi Minh City  
Tel: (84.8) 3 5472972 - Fax: (84.8) 3 5472970  
Branch in Ha Noi : 40 Giang Vo St., Dong Da Dist., Ha Noi City  
Branch in Nha Trang : Lot 5TH 06A.01, Le Hong Phong II Urban Area,  
Phuoc Hai Ward, Nha Trang City  
Branch in Can Tho : 15-13 Vo Nguyen Giap St., Can Tho City  
www.a-c.com.vn

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ TỔNG GIÁM ĐỐC  
CÔNG TY CỔ PHẦN SÀI GÒN HÒA XA**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo của Công ty Cổ phần Sài Gòn Hòa Xa (sau đây gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 14 tháng 3 năm 2018, từ trang 06 đến trang 37, bao gồm Bảng cân đối kế toán tổng hợp tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp.

### Trách nhiệm của Tổng Giám đốc

Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính tổng hợp dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính tổng hợp. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính tổng hợp do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính tổng hợp.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

### Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính tổng hợp đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Sài Gòn Hòa Xa tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp.

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C



Nguyễn Minh Trí - Phó Tổng Giám đốc  
Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 0089-2018-008-1

TP. Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 3 năm 2018

Phan Vũ Công Bá - Kiểm toán viên  
Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 0197-2018-008-1



**CÔNG TY CỔ PHẦN SÀI GÒN HÒA XÁ**

Địa chỉ: 275C Phạm Ngũ Lão, phường Phạm Ngũ Lão, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị tính: VND

| CHỈ TIÊU  | Mã số      | Thuyết minh | Số cuối năm            | Số đầu năm             |
|---|------------|-------------|------------------------|------------------------|
| <b>A - TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>                         | <b>100</b> |             | <b>126.192.321.047</b> | <b>192.261.829.641</b> |
| <b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>        | <b>110</b> | <b>V.1</b>  | <b>13.786.100.959</b>  | <b>25.683.411.138</b>  |
| 1. Tiền   | 111        |             | 13.786.100.959         | 25.683.411.138         |
| 2. Các khoản tương đương tiền                       | 112        |             | -                      | -                      |
| <b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>                | <b>120</b> |             | <b>-</b>               | <b>-</b>               |
| 1. Chứng khoán kinh doanh                           | 121        |             | -                      | -                      |
| 2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh         | 122        |             | -                      | -                      |
| 3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn                  | 123        |             | -                      | -                      |
| <b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>             | <b>130</b> |             | <b>106.412.640.553</b> | <b>94.916.819.890</b>  |
| 1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng                 | 131        | V.2         | 106.872.406.956        | 94.593.518.626         |
| 2. Trả trước cho người bán ngắn hạn                 | 132        | V.3a        | 229.252.980            | 1.205.890.399          |
| 3. Phải thu nội bộ ngắn hạn                         | 133        |             | -                      | -                      |
| 4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng | 134        |             | -                      | -                      |
| 5. Phải thu về cho vay ngắn hạn                     | 135        |             | -                      | -                      |
| 6. Phải thu ngắn hạn khác                           | 136        | V.4a        | 210.827.021            | 237.302.865            |
| 7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi               | 137        | V.5         | (899.846.404)          | (1.119.892.000)        |
| 8. Tài sản thiếu chờ xử lý                          | 139        |             | -                      | -                      |
| <b>IV. Hàng tồn kho</b>                             | <b>140</b> |             | <b>5.908.291.388</b>   | <b>70.453.425.174</b>  |
| 1. Hàng tồn kho                                     | 141        | V.6         | 5.908.291.388          | 70.453.425.174         |
| 2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho                   | 149        |             | -                      | -                      |
| <b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>                     | <b>150</b> |             | <b>85.288.147</b>      | <b>1.208.173.439</b>   |
| 1. Chi phí trả trước ngắn hạn                       | 151        | V.7a        | 45.067.879             | 1.188.673.819          |
| 2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ              | 152        |             | -                      | -                      |
| 3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước         | 153        | V.13        | 40.220.268             | 19.499.620             |
| 4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ       | 154        |             | -                      | -                      |
| 5. Tài sản ngắn hạn khác                            | 155        |             | -                      | -                      |

3004  
**CÔNG**  
**CHÍNH**  
**TOÁN**  
**A**  
**VH-T**

**CÔNG TY CỔ PHẦN SÀI GÒN HÒA XÁ**

Địa chỉ: 275C Phạm Ngũ Lão, phường Phạm Ngũ Lão, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

**Bảng cân đối kế toán tổng hợp (tiếp theo)**

| CHỈ TIÊU  | Mã số      | Thuyết minh | Số cuối năm            | Số đầu năm             |
|---|------------|-------------|------------------------|------------------------|
| <b>B- TÀI SẢN DÀI HẠN</b>                       | <b>200</b> |             | <b>28.737.851.880</b>  | <b>30.987.928.382</b>  |
| <b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>            | <b>210</b> |             | <b>1.004.603.665</b>   | <b>835.839.242</b>     |
| 1. Phải thu dài hạn của khách hàng              | 211        |             | -                      | -                      |
| 2. Trả trước cho người bán dài hạn              | 212        | V.3b        | 30.000.000             | 30.000.000             |
| 3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc           | 213        |             | -                      | -                      |
| 4. Phải thu nội bộ dài hạn                      | 214        |             | -                      | -                      |
| 5. Phải thu về cho vay dài hạn                  | 215        |             | -                      | -                      |
| 6. Phải thu dài hạn khác                        | 216        | V.4b        | 974.603.665            | 805.839.242            |
| 7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi            | 219        |             | -                      | -                      |
| <b>II. Tài sản cố định</b>                      | <b>220</b> |             | <b>14.711.074.925</b>  | <b>15.380.936.008</b>  |
| 1. Tài sản cố định hữu hình                     | 221        | V.8         | 14.711.074.925         | 15.380.936.008         |
| - Nguyên giá                                    | 222        |             | 45.036.472.356         | 43.933.926.588         |
| - Giá trị hao mòn lũy kế                        | 223        |             | (30.325.397.431)       | (28.552.990.580)       |
| 2. Tài sản cố định thuê tài chính               | 224        |             | -                      | -                      |
| - Nguyên giá                                    | 225        |             | -                      | -                      |
| - Giá trị hao mòn lũy kế                        | 226        |             | -                      | -                      |
| 3. Tài sản cố định vô hình                      | 227        |             | -                      | -                      |
| - Nguyên giá                                    | 228        |             | 252.023.800            | 252.023.800            |
| - Giá trị hao mòn lũy kế                        | 229        |             | (252.023.800)          | (252.023.800)          |
| <b>III. Bất động sản đầu tư</b>                 | <b>230</b> | V.9         | <b>1.738.399.954</b>   | <b>2.041.352.845</b>   |
| - Nguyên giá                                    | 231        |             | 4.857.009.067          | 4.857.009.067          |
| - Giá trị hao mòn lũy kế                        | 232        |             | (3.118.609.113)        | (2.815.656.222)        |
| <b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>              | <b>240</b> |             | <b>2.286.206.804</b>   | <b>3.374.205.289</b>   |
| 1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn | 241        |             | -                      | -                      |
| 2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang              | 242        | V.10        | 2.286.206.804          | 3.374.205.289          |
| <b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>              | <b>250</b> |             | <b>1.903.673.555</b>   | <b>1.903.673.555</b>   |
| 1. Đầu tư vào công ty con                       | 251        |             | -                      | -                      |
| 2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết      | 252        |             | -                      | -                      |
| 3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác               | 253        | V.11        | 1.903.673.555          | 1.903.673.555          |
| 4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn            | 254        |             | -                      | -                      |
| 5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn              | 255        |             | -                      | -                      |
| <b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>                 | <b>260</b> |             | <b>7.093.892.977</b>   | <b>7.451.921.443</b>   |
| 1. Chi phí trả trước dài hạn                    | 261        | V.7b        | 7.093.892.977          | 7.451.921.443          |
| 2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại               | 262        |             | -                      | -                      |
| 3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn  | 263        |             | -                      | -                      |
| 4. Tài sản dài hạn khác                         | 268        |             | -                      | -                      |
| <b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>                        | <b>270</b> |             | <b>154.930.172.927</b> | <b>223.249.758.023</b> |

492  
'G'  
(M)  
!VA  
2  
PV

**CÔNG TY CỔ PHẦN SÀI GÒN HÒA XÁ**

Địa chỉ: 275C Phạm Ngũ Lão, phường Phạm Ngũ Lão, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

**Bảng cân đối kế toán tổng hợp (tiếp theo)**

| CHỈ TIÊU  | Mã số      | Thuyết minh | Số cuối năm            | Số đầu năm             |
|---|------------|-------------|------------------------|------------------------|
|   |            |             |                        |                        |
| <b>C - NỢ PHẢI TRẢ</b>                              | <b>300</b> |             | <b>126.336.439.829</b> | <b>197.596.349.177</b> |
| <b>I. Nợ ngắn hạn</b>                               | <b>310</b> |             | <b>111.793.845.947</b> | <b>162.099.731.367</b> |
| 1. Phải trả người bán ngắn hạn                      | 311        | V.12a,c     | 2.101.699.821          | 51.620.189.982         |
| 2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn                | 312        |             | 10.018.227             | 166.728.748            |
| 3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước              | 313        | V.13        | 3.338.470.135          | 1.244.912.064          |
| 4. Phải trả người lao động                          | 314        |             | 71.323.000             | -                      |
| 5. Chi phí phải trả ngắn hạn                        | 315        |             | -                      | -                      |
| 6. Phải trả nội bộ ngắn hạn                         | 316        |             | -                      | -                      |
| 7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng | 317        |             | -                      | -                      |
| 8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn                | 318        |             | -                      | -                      |
| 9. Phải trả ngắn hạn khác                           | 319        | V.15a,c     | 566.468.240            | 898.714.308            |
| 10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn               | 320        | V.16a,c     | 105.254.100.000        | 107.962.000.000        |
| 11. Dự phòng phải trả ngắn hạn                      | 321        |             | -                      | -                      |
| 12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi                       | 322        | V.17        | 451.766.524            | 207.186.265            |
| 13. Quỹ bình ổn giá                                 | 323        |             | -                      | -                      |
| 14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ      | 324        |             | -                      | -                      |
| <b>II. Nợ dài hạn</b>                               | <b>330</b> |             | <b>14.542.593.882</b>  | <b>35.496.617.810</b>  |
| 1. Phải trả người bán dài hạn                       | 331        | V.12b,c     | 82.610.000             | 179.610.000            |
| 2. Người mua trả tiền trước dài hạn                 | 332        |             | -                      | -                      |
| 3. Chi phí phải trả dài hạn                         | 333        |             | -                      | -                      |
| 4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh                | 334        |             | -                      | -                      |
| 5. Phải trả nội bộ dài hạn                          | 335        |             | -                      | -                      |
| 6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn                 | 336        | V.14        | 1.142.776.522          | 1.401.496.522          |
| 7. Phải trả dài hạn khác                            | 337        | V.15b,c     | 880.007.360            | 1.936.351.288          |
| 8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn                 | 338        | V.16b,c     | 12.437.200.000         | 31.979.160.000         |
| 9. Trái phiếu chuyển đổi                            | 339        |             | -                      | -                      |
| 10. Cổ phiếu ưu đãi                                 | 340        |             | -                      | -                      |
| 11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả                 | 341        |             | -                      | -                      |
| 12. Dự phòng phải trả dài hạn                       | 342        |             | -                      | -                      |
| 13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ            | 343        |             | -                      | -                      |

**CÔNG TY TNHH SÀI GÒN HÒA XÁ**



**CÔNG TY CỔ PHẦN SÀI GÒN HÒA XÁ**

Địa chỉ: 275C Phạm Ngũ Lão, phường Phạm Ngũ Lão, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh


**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**


Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

**Bảng cân đối kế toán tổng hợp (tiếp theo)**

| CHỈ TIÊU   | Mã số      | Thuyết minh | Số cuối năm            | Số đầu năm             |
|--|------------|-------------|------------------------|------------------------|
| <b>D- VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>                                     | <b>400</b> |             | <b>28.593.733.098</b>  | <b>25.653.408.846</b>  |
| <b>I. Vốn chủ sở hữu</b>                                     | <b>410</b> |             | <b>28.593.733.098</b>  | <b>25.653.408.846</b>  |
| 1. Vốn góp của chủ sở hữu                                    | 411        | V.18        | 17.200.000.000         | 17.200.000.000         |
| - Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết                     | 411a       |             | 17.200.000.000         | 17.200.000.000         |
| - Cổ phiếu ưu đãi  | 411b       |             | -                      | -                      |
| 2. Thặng dư vốn cổ phần                                      | 412        |             | -                      | -                      |
| 3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu                          | 413        |             | -                      | -                      |
| 4. Vốn khác của chủ sở hữu                                   | 414        |             | -                      | -                      |
| 5. Cổ phiếu quỹ  | 415        |             | -                      | -                      |
| 6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản                           | 416        |             | -                      | -                      |
| 7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái                                | 417        |             | -                      | -                      |
| 8. Quỹ đầu tư phát triển                                     | 418        | V.18        | 8.099.508.599          | 6.089.074.999          |
| 9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp                           | 419        |             | -                      | -                      |
| 10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu                            | 420        |             | -                      | -                      |
| 11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối                        | 421        | V.18        | 3.294.224.499          | 2.364.333.847          |
| - Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước | 421a       |             | 26.620.359             | 2.364.333.847          |
| - Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này                   | 421b       |             | 3.267.604.140          | -                      |
| 12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản                         | 422        |             | -                      | -                      |
| <b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>                        | <b>430</b> |             | <b>-</b>               | <b>-</b>               |
| 1. Nguồn kinh phí  | 431        |             | -                      | -                      |
| 2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định              | 432        |             | -                      | -                      |
| <b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>                                   | <b>440</b> |             | <b>154.930.172.927</b> | <b>223.249.758.023</b> |

TP. Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 3 năm 2018

  
Lương Ngọc Liên  
Người lập

  
Nguyễn Minh Đức  
Kế toán trưởng

  
Trần Việt Đường  
Tổng Giám đốc



**CÔNG TY CỔ PHẦN SÀI GÒN HÒA XÁ**

Địa chỉ: 275C Phạm Ngũ Lão, phường Phạm Ngũ Lão, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP**


Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị tính: VND


| CHỈ TIÊU   | Mã số | Thuyết minh | Năm nay              | Năm trước            |
|--|-------|-------------|----------------------|----------------------|
| 1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ          | 01    | VI.1        | 993.339.503.111      | 861.217.623.153      |
| 2. Các khoản giảm trừ doanh thu                    | 02    |             | -                    | -                    |
| 3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ | 10    |             | 993.339.503.111      | 861.217.623.153      |
| 4. Giá vốn hàng bán                                | 11    | VI.2        | 957.602.798.526      | 827.633.130.549      |
| 5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ   | 20    |             | 35.736.704.585       | 33.584.492.604       |
| 6. Doanh thu hoạt động tài chính                   | 21    | VI.3        | 42.392.398           | 23.636.810           |
| 7. Chi phí tài chính                               | 22    | VI.4        | 9.987.629.000        | 10.690.406.152       |
| Trong đó: chi phí lãi vay                          | 23    |             | 9.987.473.899        | 10.686.449.672       |
| 8. Chi phí bán hàng                                | 25    | VI.5        | 12.391.828.461       | 11.855.439.140       |
| 9. Chi phí quản lý doanh nghiệp                    | 26    | VI.6        | 11.780.421.354       | 10.594.207.498       |
| 10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh        | 30    |             | 1.619.218.168        | 468.076.624          |
| 11. Thu nhập khác                                  | 31    | VI.7        | 3.725.372.686        | 3.174.914.667        |
| 12. Chi phí khác                                   | 32    | VI.8        | 690.010.248          | 81.766.582           |
| 13. Lợi nhuận khác                                 | 40    |             | 3.035.362.438        | 3.093.148.085        |
| 14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế              | 50    |             | 4.654.580.606        | 3.561.224.709        |
| 15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành   | 51    | V.13        | 1.386.976.466        | 1.222.587.495        |
| 16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại    | 52    |             | -                    | -                    |
| 17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp       | 60    |             | <u>3.267.604.140</u> | <u>2.338.637.214</u> |
| 18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu                       | 70    | VI.9        | <u>1.900</u>         | <u>1.169</u>         |
| 19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu                     | 71    | VI.9        | <u>1.900</u>         | <u>1.169</u>         |



TP. Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 3 năm 2018

  
Lương Ngọc Liên  
Người lập

  
Nguyễn Minh Đức  
Kế toán trưởng

  
Trần Văn Dương  
Tổng Giám đốc



**CÔNG TY CỔ PHẦN SÀI GÒN HÒA XA**

Địa chỉ: 275C Phạm Ngũ Lão, phường Phạm Ngũ Lão, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỔNG HỢP**

(Theo phương pháp trực tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị tính: VND

| CHỈ TIÊU  | Mã số     | Thuyết minh | Năm nay               | Năm trước              |
|---|-----------|-------------|-----------------------|------------------------|
| <b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>                               |           |             |                       |                        |
| 1. Tiền thu bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác                        | 01        |             | 1.082.867.418.036     | 958.890.978.159        |
| 2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ                          | 02        |             | (1.025.274.741.398)   | (921.351.582.894)      |
| 3. Tiền chi trả cho người lao động  | 03        |             | (17.666.325.134)      | (17.801.464.638)       |
| 4. Tiền lãi vay đã trả  | 04        |             | (9.874.702.609)       | (11.113.618.157)       |
| 5. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp  | 05        | V.13        | (1.351.209.559)       | (525.478.723)          |
| 6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh  | 06        |             | 7.837.520.962         | 14.594.114.199         |
| 7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh                                       | 07        |             | (25.400.000.324)      | (20.642.381.301)       |
| <b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>                            | <b>20</b> |             | <b>11.137.959.974</b> | <b>2.050.566.645</b>   |
| <b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>                                  |           |             |                       |                        |
| 1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác    | 21        |             | (889.247.450)         | (3.311.831.077)        |
| 2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác | 22        | VI.7        | 61.600.000            | -                      |
| 3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác                         | 23        |             | -                     | -                      |
| 4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác                 | 24        |             | -                     | -                      |
| 5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác                                      | 25        |             | -                     | -                      |
| 6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác                                  | 26        |             | -                     | -                      |
| 7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia                          | 27        | VI.3        | 42.294.647            | 22.713.084             |
| <b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>                                | <b>30</b> |             | <b>(785.352.803)</b>  | <b>(3.289.117.993)</b> |

004  
 :OP  
 HN  
 TOÁ  
 1-1

**CÔNG TY CỔ PHẦN SÀI GÒN HÒA XÁ**

Địa chỉ: 275C Phạm Ngũ Lão, phường Phạm Ngũ Lão, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh


**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**


Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017


**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp (tiếp theo)**

| CHỈ TIÊU   | Mã số     | Thuyết minh | Năm nay                      | Năm trước                    |
|--|-----------|-------------|------------------------------|------------------------------|
|  |           |             |                              |                              |
| <b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>   |           |             |                              |                              |
| 1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu                             | 31        |             | -                            | -                            |
| 2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành | 32        |             | -                            | -                            |
| 3. Tiền thu từ đi vay  | 33        | V.16        | 907.945.000.000              | 718.889.000.000              |
| 4. Tiền trả nợ gốc vay   | 34        | V.16        | (930.194.860.000)            | (701.874.710.000)            |
| 5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính  | 35        |             | -                            | -                            |
| 6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu   | 36        |             | -                            | -                            |
| <i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>  | <b>40</b> |             | <u>(22.249.860.000)</u>      | <u>17.014.290.000</u>        |
| <b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm</b>   | <b>50</b> |             | <b>(11.897.252.829)</b>      | <b>15.775.738.652</b>        |
| <b>Tiền và tương đương tiền đầu năm</b>  | <b>60</b> | <b>V.1</b>  | <b>25.683.411.138</b>        | <b>9.906.748.760</b>         |
| Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ                                    | 61        |             | (57.350)                     | 923.726                      |
| <b>Tiền và tương đương tiền cuối năm</b>   | <b>70</b> | <b>V.1</b>  | <u><b>13.786.100.959</b></u> | <u><b>25.683.411.138</b></u> |

TP. Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 3 năm 2018

  
 Lương Ngọc Liên  
 Người lập

  
 Nguyễn Minh Đức  
 Kế toán trưởng

  
 Trần Vi Đường  
 Tổng Giám đốc

 498  
 IG 1  
 ỆNH  
 VÀ  
 &  
 .PH

## CÔNG TY CỔ PHẦN SÀI GÒN HÒA XA

Địa chỉ: 275C Phạm Ngũ Lão, phường Phạm Ngũ Lão, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

### BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

#### I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

##### 1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Sài Gòn Hòa Xa (sau đây gọi tắt là "Công ty") là công ty cổ phần.

##### 2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là kinh doanh thương mại và dịch vụ.

##### 3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là: Mua bán thuốc lá điều sản xuất trong nước, kinh doanh khách sạn, nhà hàng, dịch vụ vận tải và dịch vụ du lịch.

##### 4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

##### 5. Cấu trúc Công ty

*Các đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc*

| Tên đơn vị                                 | Địa chỉ   |
|--|---|
| Khách sạn Hải Vân                          | 69 Huỳnh Thúc Kháng, phường Bến Thành, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh                |
| Khách sạn Kỳ Đồng                          | 10D Kỳ Đồng, Phường 9, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh                                |
| Du lịch Đường sắt Sài Gòn                  | 10D Kỳ Đồng, Phường 9, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh                                |
| Trung tâm Dịch vụ và Kinh doanh địa ốc     | 51 đường 20, Khu phố 4, phường Hiệp Bình Chánh, quận Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh |
| Khách sạn Ga Sài Gòn                       | 01 Nguyễn Thông, Phường 9, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh                            |
| Khách sạn Đường sắt Nha Trang              | 17 Thái Nguyên, phường Phước Tân, TP. Nha Trang                               |
| Khách sạn Cà Ná                            | Quốc lộ 1 A, thôn Lạc Sơn 1, xã Cà Ná, huyện Thuận Nam, tỉnh Ninh Thuận       |
| Khách sạn Đường sắt Đà Lạt                 | 01 Quang Trung, TP. Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng                                     |
| Trung tâm Dịch vụ Thương mại               | 20/6 Võ văn Kiệt, phường Nguyễn Thái Bình, quận 1, TP. Hồ Chí Minh            |
| Nhà hàng Khách sạn Hưng Triệu              | 146/33 Kha Vạn Cân, phường Hiệp Bình Chánh, quận Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh     |
| Xí nghiệp Dịch vụ Vận tải Hòa xa Sài Gòn   | 01 Nguyễn Thông, Phường 9, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh                            |
| Trung tâm Dịch vụ và Thương mại Bình Triệu | 310/4B Quốc lộ 13, phường Hiệp Bình Chánh, quận Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh      |

##### 6. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Các số liệu tương ứng của năm trước so sánh được với số liệu của năm nay.

##### 7. Nhân viên

Tại ngày kết thúc năm tài chính Công ty có 184 nhân viên đang làm việc (số đầu năm là 226 nhân viên).

## **CÔNG TY CỔ PHẦN SÀI GÒN HÒA XÁ**

Địa chỉ: 275C Phạm Ngũ Lão, phường Phạm Ngũ Lão, quận 1, TP. Hồ Chí Minh

### **BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)**

---

## **II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**

### **1. Năm tài chính**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

### **2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do phần lớn các nghiệp vụ được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

## **III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

### **1. Chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp.

### **2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán**

Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp.

## **IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

### **1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

Các đơn vị trực thuộc hình thành bộ máy kế toán riêng, hạch toán phụ thuộc. Báo cáo tài chính tổng hợp của toàn Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp Báo cáo tài chính của các đơn vị trực thuộc. Doanh thu và số dư giữa các đơn vị trực thuộc được loại trừ khi lập Báo cáo tài chính tổng hợp.

### **2. Các giao dịch bằng ngoại tệ**

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được quy đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch.

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng tại ngày kết thúc năm tài chính được xác định theo tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ.

## **CÔNG TY CỔ PHẦN SÀI GÒN HÒA XÁ**

Địa chỉ: 275C Phạm Ngũ Lão, phường Phạm Ngũ Lão, quận 1, TP. Hồ Chí Minh

### **BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)**

#### **3. Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

#### **4. Các khoản đầu tư tài chính**

##### ***Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác***

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí trực tiếp liên quan đến hoạt động đầu tư. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.
- Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

#### **5. Các khoản phải thu**

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
  - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 06 tháng đến dưới 01 năm.
  - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 01 năm đến dưới 02 năm.
  - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 02 năm đến dưới 03 năm.
  - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 03 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng, giảm số dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.



## **CÔNG TY CỔ PHẦN SÀI GÒN HÒA XÁ**

Địa chỉ: 275C Phạm Ngũ Lão, phường Phạm Ngũ Lão, quận 1, TP. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)**

---

### **6. Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Hàng tồn kho của Công ty bao gồm nguyên vật liệu, công cụ, dụng cụ và hàng hóa.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá xuất kho được tính theo phương pháp nhập trước, xuất trước và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

### **7. Chi phí trả trước**

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty chủ yếu là công cụ, dụng cụ, chi phí sửa chữa tài sản cố định và chi phí đền bù. Các chi phí trả trước này được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

#### ***Công cụ, dụng cụ***

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 03 năm.

#### ***Chi phí sửa chữa tài sản cố định***

Chi phí sửa chữa tài sản phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong 03 năm.

#### ***Chi phí đền bù***

Chi phí đền bù thể hiện khoản tiền đã trả để có được phần đất Công ty đang sử dụng và được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian sử dụng đất (50 năm).

### **8. Tài sản thuê hoạt động**

Thuê tài sản được phân loại là thuê hoạt động nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người cho thuê. Chi phí thuê hoạt động được phản ánh vào chi phí theo phương pháp đường thẳng cho suốt thời hạn thuê tài sản, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán tiền thuê.

### **9. Tài sản cố định hữu hình**

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm.



## CÔNG TY CỔ PHẦN SÀI GÒN HÒA XÁ

Địa chỉ: 275C Phạm Ngũ Lão, phường Phạm Ngũ Lão, quận 1, TP. Hồ Chí Minh

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)**

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

| <u>Loại tài sản cố định</u>     | <u>Số năm</u> |
|---------------------------------|---------------|
| Nhà cửa, vật kiến trúc          | 04 – 28       |
| Máy móc và thiết bị             | 03 – 05       |
| Phương tiện vận tải, truyền dẫn | 06 – 10       |
| Thiết bị, dụng cụ quản lý       | 03            |

#### 10. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định vô hình của Công ty chỉ gồm chương trình phần mềm máy tính.

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hoá. Nguyên giá của chương trình phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Chương trình phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 06 năm.

#### 11. Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư là nhà thuộc sở hữu của Công ty. Bất động sản đầu tư cho thuê được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá của bất động sản đầu tư là toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra hoặc giá trị hợp lý của các khoản đưa ra để trao đổi nhằm có được bất động sản đầu tư tính đến thời điểm mua hoặc xây dựng hoàn thành.

Các chi phí liên quan đến bất động sản đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu được ghi nhận vào chi phí, trừ khi chi phí này có khả năng chắc chắn làm cho bất động sản đầu tư tạo ra lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu thì được ghi tăng nguyên giá.

Khi bất động sản đầu tư được bán, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ nào phát sinh được hạch toán vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Việc chuyển từ bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho thành bất động sản đầu tư chỉ khi chủ sở hữu chấm dứt sử dụng tài sản đó và bắt đầu cho bên khác thuê hoạt động hoặc khi kết thúc giai đoạn xây dựng. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hay hàng tồn kho chỉ khi chủ sở hữu bắt đầu sử dụng tài sản này hoặc bắt đầu triển khai cho mục đích bán. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho không làm thay đổi nguyên giá hay giá trị còn lại của bất động sản tại ngày chuyển đổi.

## CÔNG TY CỔ PHẦN SÀI GÒN HÒA XÀ

Địa chỉ: 275C Phạm Ngũ Lão, phường Phạm Ngũ Lão, quận 1, TP. Hồ Chí Minh

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)**

Bất động sản đầu tư sử dụng để cho thuê được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của bất động sản đầu tư như sau:

| <u>Loại tài sản cố định</u> | <u>Số năm</u> |
|-----------------------------|---------------|
| Nhà                         | 11 - 25       |

#### 12. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

#### 13. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán tổng hợp căn cứ theo kỳ hạn còn lại tại ngày kết thúc năm tài chính.

#### 14. Vốn chủ sở hữu

##### *Vốn góp của chủ sở hữu*

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

#### 15. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

#### 16. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

##### *Doanh thu bán hàng hóa*

Doanh thu bán hàng hóa được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

9813  
CÔNG TY  
M HỮU  
VÀ TỬ  
C  
PHỐ

## **CÔNG TY CỔ PHẦN SÀI GÒN HÒA XA**

Địa chỉ: 275C Phạm Ngũ Lão, phường Phạm Ngũ Lão, quận 1, TP. Hồ Chí Minh

### **BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)**

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa cho người mua.
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại hàng hóa đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại hàng hóa (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác).
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

#### ***Doanh thu cung cấp dịch vụ***

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp.
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào thời điểm báo cáo.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc năm tài chính.

#### ***Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động***

Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê. Tiền cho thuê nhận trước của nhiều kỳ được phân bổ vào doanh thu phù hợp với thời gian cho thuê.

#### ***Tiền lãi***

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

### **17. Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được tính vào giá trị của tài sản đó. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong năm, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

## CÔNG TY CỔ PHẦN SÀI GÒN HÒA XÀ

Địa chỉ: 275C Phạm Ngũ Lão, phường Phạm Ngũ Lão, quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)**

### 18. Các khoản chi phí

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và quy định của các chuẩn mực kế toán để đảm bảo phân ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

### 19. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

#### *Thuế thu nhập hiện hành*

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

#### *Thuế thu nhập hoãn lại*

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoãn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi:

- Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp; và
- Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:
  - Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
  - Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.



## CÔNG TY CỔ PHẦN SÀI GÒN HÒA XA

Địa chỉ: 275C Phạm Ngũ Lão, phường Phạm Ngũ Lão, quận 1, TP. Hồ Chí Minh

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)**

#### 20. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

#### 21. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính của Công ty.

## V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP

### 1. Tiền và các khoản tương đương tiền

|                                 | Số cuối năm           | Số đầu năm            |
|---------------------------------|-----------------------|-----------------------|
| Tiền mặt                        | 2.924.686.570         | 2.278.487.994         |
| Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn | 10.861.414.389        | 23.404.923.144        |
| <b>Cộng</b>                     | <b>13.786.100.959</b> | <b>25.683.411.138</b> |

### 2. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

|                                   | Số cuối năm            | Số đầu năm            |
|-----------------------------------|------------------------|-----------------------|
| Công ty TNHH Thương mại Thanh Tâm | 21.532.366.907         | 29.667.155.152        |
| DNTN Tiến Đạt                     | 27.433.279.152         | 17.607.660.519        |
| Công ty TNHH MTV Kim Hường        | 12.329.914.856         | 8.834.237.589         |
| Các khách hàng khác               | 45.576.846.041         | 38.484.465.366        |
| <b>Cộng</b>                       | <b>106.872.406.956</b> | <b>94.593.518.626</b> |

### 3. Trả trước cho người bán ngắn hạn/dài hạn

#### 3a. Trả trước cho người bán ngắn hạn

|  | Số cuối năm        | Số đầu năm           |
|--|--------------------|----------------------|
| China Southern Airlines - Phương Nam                   | -                  | 25.735.699           |
| Công ty TNHH Việt Mỹ                                   | 71.052.980         | 258.000.000          |
| Trung tâm Khoa học Công nghệ và Kỹ thuật Xây dựng      | 79.200.000         | 79.200.000           |
| Công ty TNHH Thiết kế Kỹ thuật và Thương mại Tín Thành | -                  | 536.000.000          |
| Các nhà cung cấp khác                                  | 79.000.000         | 306.954.700          |
| <b>Cộng</b>  | <b>229.252.980</b> | <b>1.205.890.399</b> |

**CÔNG TY CỔ PHẦN SÀI GÒN HÒA XÁ**

Địa chỉ: 275C Phạm Ngũ Lão, phường Phạm Ngũ Lão, quận 1, TP. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)****3b. Trả trước cho người bán dài hạn**

Chi nhánh Văn phòng Luật sư Trần Vũ Hải.

**4. Phải thu ngắn hạn/dài hạn khác****4a. Phải thu ngắn hạn khác**

|                                  | Số cuối năm        |          | Số đầu năm         |          |
|----------------------------------|--------------------|----------|--------------------|----------|
|                                  | Giá trị            | Dự phòng | Giá trị            | Dự phòng |
| Tạm ứng                          | 20.000.000         | -        | 18.950.935         | -        |
| Các khoản ký quỹ, ký cược        | 650.000            | -        | 650.000            | -        |
| Các khoản phải thu ngắn hạn khác | 190.177.021        | -        | 217.701.930        | -        |
| <b>Cộng</b>                      | <b>210.827.021</b> | <b>-</b> | <b>237.302.865</b> | <b>-</b> |

**4b. Phải thu dài hạn khác**

|  | Số cuối năm        |          | Số đầu năm         |          |
|--|--------------------|----------|--------------------|----------|
|  | Giá trị            | Dự phòng | Giá trị            | Dự phòng |
| Các khoản ký cược, ký quỹ                    | 770.764.000        | -        | 567.310.000        | -        |
| Thuế GTGT tạm nộp cho hoạt động cho thuê đất | 114.277.652        | -        | 140.149.652        | -        |
| Các khoản phải thu dài hạn khác              | 89.562.013         | -        | 98.379.590         | -        |
| <b>Cộng</b>                                  | <b>974.603.665</b> | <b>-</b> | <b>805.839.242</b> | <b>-</b> |

**5. Nợ xấu**

|  | Thời gian quá hạn | Số cuối năm        |                        | Thời gian quá hạn         | Số đầu năm           |                        |
|--|-------------------|--------------------|------------------------|---------------------------|----------------------|------------------------|
|  |                   | Giá gốc            | Giá trị có thể thu hồi |                           | Giá gốc              | Giá trị có thể thu hồi |
| Công ty TNHH MTV Thương mại Lâm Kim Ngọc |                   |                    |                        |                           |                      |                        |
| <i>Phải thu tiền bán hàng</i>            | Trên 03 năm       | 540.324.621        | -                      | Từ 02 năm đến dưới 03 năm | 1.040.324.621        | 312.097.621            |
| DNTN Long An                             |                   |                    |                        |                           |                      |                        |
| <i>Phải thu tiền bán hàng</i>            | Trên 03 năm       | 42.509.024         | -                      | Từ 02 năm đến dưới 03 năm | 142.509.024          | 42.753.024             |
| Ông Phạm Đức Minh.                       |                   |                    |                        |                           |                      |                        |
| <i>Phải thu tiền bán hàng</i>            | Trên 03 năm       | 317.012.759        | -                      | Từ 02 năm đến dưới 03 năm | 412.012.759          | 120.103.759            |
| <b>Cộng</b>                              |                   | <b>899.846.404</b> | <b>-</b>               |                           | <b>1.594.846.404</b> | <b>474.954.404</b>     |

Tình hình biến động dự phòng nợ phải thu khó đòi như sau:

|                    | Năm nay            | Năm trước            |
|--------------------|--------------------|----------------------|
| Số đầu năm         | 1.119.892.000      | 1.458.000.000        |
| Hoàn nhập dự phòng | (220.045.596)      | (338.108.000)        |
| <b>Số cuối năm</b> | <b>899.846.404</b> | <b>1.119.892.000</b> |

**6. Hàng tồn kho**

|                       | Số cuối năm          |          | Số đầu năm            |          |
|-----------------------|----------------------|----------|-----------------------|----------|
|                       | Giá gốc              | Dự phòng | Giá gốc               | Dự phòng |
| Nguyên liệu, vật liệu | 152.355.221          | -        | 548.542.855           | -        |
| Hàng hóa              | 5.755.936.167        | -        | 69.904.882.319        | -        |
| <b>Cộng</b>           | <b>5.908.291.388</b> | <b>-</b> | <b>70.453.425.174</b> | <b>-</b> |

**CÔNG TY CỔ PHẦN SÀI GÒN HÒA XÁ**

Địa chỉ: 275C Phạm Ngũ Lão, phường Phạm Ngũ Lão, quận 1, TP. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)****7. Chi phí trả trước ngắn hạn/dài hạn****7a. Chi phí trả trước ngắn hạn**

|                                     | <u>Số cuối năm</u>       | <u>Số đầu năm</u>           |
|-------------------------------------|--------------------------|-----------------------------|
| Công cụ, dụng cụ                    | 2.587.879                | -                           |
| Chi phí bảo hiểm                    | 42.480.000               | 36.290.000                  |
| Các chi phí trả trước ngắn hạn khác | -                        | 1.152.383.819               |
| <b>Cộng</b>                         | <b><u>45.067.879</u></b> | <b><u>1.188.673.819</u></b> |

**7b. Chi phí trả trước dài hạn**

|                                    | <u>Số cuối năm</u>          | <u>Số đầu năm</u>           |
|------------------------------------|-----------------------------|-----------------------------|
| Chi phí đền bù                     | 5.679.771.700               | 5.804.145.700               |
| Công cụ, dụng cụ                   | 936.907.101                 | 1.351.893.203               |
| Chi phí duy tu, sửa chữa           | 474.814.176                 | 216.365.039                 |
| Các chi phí trả trước dài hạn khác | 2.400.000                   | 79.517.501                  |
| <b>Cộng</b>                        | <b><u>7.093.892.977</u></b> | <b><u>7.451.921.443</u></b> |

**8. Tài sản cố định hữu hình**

|   | <u>Nhà cửa, vật<br/>kiến trúc</u> | <u>Máy móc và<br/>thiết bị</u> | <u>Phương tiện<br/>vận tải,<br/>truyền dẫn</u> | <u>Thiết bị, dụng<br/>cụ quản lý</u> | <u>Cộng</u>                  |
|---|-----------------------------------|--------------------------------|--|--------------------------------------|------------------------------|
| Nguyên giá                                  |                                   |                                |  |                                      |                              |
| Số đầu năm                                  | 39.349.413.027                    | 1.167.054.980                  | 3.228.999.620                                  | 188.458.961                          | 43.933.926.588               |
| Mua trong năm                               | -                                 | -                              | -  | 38.900.000                           | 38.900.000                   |
| Đầu tư XD CB<br>hoàn thành                  | 1.366.783.518                     | -                              | -  | -                                    | 1.366.783.518                |
| Thanh lý, nhượng<br>bán                     | -                                 | (48.660.000)                   | (254.477.750)                                  | -                                    | (303.137.750)                |
| <b>Số cuối năm</b>                          | <b><u>40.716.196.545</u></b>      | <b><u>1.118.394.980</u></b>    | <b><u>2.974.521.870</u></b>                    | <b><u>227.358.961</u></b>            | <b><u>45.036.472.356</u></b> |
| <i>Trong đó:</i>                            |                                   |                                |  |                                      |                              |
| Đã khấu hao hết<br>nhưng vẫn còn sử<br>dụng | 14.486.376.404                    | 701.713.162                    | 2.433.782.289                                  | 188.458.961                          | 17.810.330.816               |
| Chờ thanh lý                                | -                                 | -                              | -  | -                                    | -                            |
| <b>Giá trị hao mòn</b>                      |                                   |                                |  |                                      |                              |
| Số đầu năm                                  | 24.532.941.026                    | 784.333.162                    | 3.047.257.431                                  | 188.458.961                          | 28.552.990.580               |
| Khấu hao trong<br>năm                       | 1.819.041.993                     | 91.500.000                     | 154.002.608                                    | 11.000.000                           | 2.075.544.601                |
| Thanh lý, nhượng<br>bán                     | -                                 | (48.660.000)                   | (254.477.750)                                  | -                                    | (303.137.750)                |
| <b>Số cuối năm</b>                          | <b><u>26.351.983.019</u></b>      | <b><u>827.173.162</u></b>      | <b><u>2.946.782.289</u></b>                    | <b><u>199.458.961</u></b>            | <b><u>30.325.397.431</u></b> |
| <b>Giá trị còn lại</b>                      |                                   |                                |  |                                      |                              |
| Số đầu năm                                  | 14.816.472.001                    | 382.721.818                    | 181.742.189                                    | -                                    | 15.380.936.008               |
| <b>Số cuối năm</b>                          | <b><u>14.364.213.526</u></b>      | <b><u>291.221.818</u></b>      | <b><u>27.739.581</u></b>                       | <b><u>27.900.000</u></b>             | <b><u>14.711.074.925</u></b> |
| <i>Trong đó:</i>                            |                                   |                                |  |                                      |                              |
| Tạm thời chưa sử dụng                       | -                                 | -                              | -  | -                                    | -                            |
| Đang chờ thanh lý                           | -                                 | -                              | -  | -                                    | -                            |

Một số tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại theo sổ sách là 14.364.213.526 VND đã được thế chấp, cầm cố để đảm bảo cho các khoản vay của Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh.

S-C.T  
 Y  
 U HAN  
 U VAY  
 S CHY

**CÔNG TY CỔ PHẦN SÀI GÒN HÒA XÁ**

Địa chỉ: 275C Phạm Ngũ Lão, phường Phạm Ngũ Lão, quận 1, TP. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)****9. Bất động sản đầu tư**

|                    | <u>Nguyên giá</u>    | <u>Giá trị hao mòn</u> | <u>Giá trị còn lại</u> |
|--------------------|----------------------|------------------------|------------------------|
| Số đầu năm         | 4.857.009.067        | 2.815.656.222          | 2.041.352.845          |
| Tăng trong năm     |                      | 302.952.891            |                        |
| <b>Số cuối năm</b> | <b>4.857.009.067</b> | <b>3.118.609.113</b>   | <b>1.738.399.954</b>   |

Theo quy định tại Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 05 "Bất động sản đầu tư", giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư tại ngày kết thúc năm tài chính cần phải được trình bày. Tuy nhiên, Công ty hiện chưa xác định được giá trị hợp lý của các bất động sản đầu tư do chưa có điều kiện để thực hiện.

Danh mục bất động sản đầu tư tại ngày kết thúc năm tài chính như sau:

|  | <u>Nguyên giá</u>    | <u>Hao mòn lũy kế</u> | <u>Giá trị còn lại</u> |
|--|----------------------|-----------------------|------------------------|
| Hội trường - Khách sạn Đà Lạt          | 82.383.592           | 82.383.592            | -                      |
| Biệt thự số 09 B - Khách sạn Đà Lạt    | 190.825.451          | 166.768.000           | 24.057.451             |
| Nhà hàng Thăng Cảnh - Khách sạn Đà Lạt | 325.291.491          | 325.291.491           | -                      |
| Nhà dịch vụ 9C - Khách sạn Đà Lạt      | 719.697.811          | 230.243.055           | 489.454.756            |
| Biệt thự số 11 - Khách sạn Đà Lạt      | 330.322.975          | 330.322.975           | -                      |
| Nhà sách Phương Nam - Nha Trang        | 2.920.487.747        | 1.881.600.000         | 1.038.887.747          |
| Quán Hello Coffee - Nha Trang          | 288.000.000          | 102.000.000           | 186.000.000            |
| <b>Cộng</b>                            | <b>4.857.009.067</b> | <b>3.118.609.113</b>  | <b>1.738.399.954</b>   |

Toàn bộ bất động sản đầu tư có giá trị còn lại theo sổ sách là 1.738.399.954 VND đã được thế chấp, cầm cố để đảm bảo cho các khoản vay của Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh.

**10. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

|  | <u>Số đầu năm</u>    | <u>Chi phí phát sinh trong năm</u> | <u>Kết chuyển vào TSCĐ trong năm</u> | <u>Kết chuyển giảm khác</u> | <u>Số cuối năm</u>   |
|--|----------------------|------------------------------------|--------------------------------------|-----------------------------|----------------------|
| Xây dựng cơ bản dở dang                                |                      |                                    |                                      |                             |                      |
| Công trình Khách sạn, Nhà hàng Bình Triệu              | 2.144.898.622        | 216.037.929                        | (216.037.929)                        | -                           | 2.144.898.622        |
| Kê đá làm bãi xe Nhà hàng Cà Ná Quán - Khách sạn Cà Ná | 457.752.718          | 693.092.909                        | (1.150.745.589)                      | (100.038)                   | -                    |
| Chi phí thiết kế Khách sạn Nha Trang                   | 630.245.767          | -                                  | -                                    | (630.245.767)               | -                    |
| Chi phí khác   | 141.308.182          | -                                  | -                                    | -                           | 141.308.182          |
| <b>Cộng</b>  | <b>3.374.205.289</b> | <b>909.130.838</b>                 | <b>(1.366.783.518)</b>               | <b>(630.345.805)</b>        | <b>2.286.206.804</b> |

**11. Các khoản đầu tư tài chính****Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác**

Công ty đã đầu tư vào cổ phiếu của Công ty Cổ phần Hải Vân Nam.

**12. Phải trả người bán ngắn hạn/dài hạn****12a. Phải trả người bán ngắn hạn**

|  | <u>Số cuối năm</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|--|--------------------|-------------------|
| Công ty TNHH MTV Thuốc lá Sài Gòn                          | -                  | 48.258.188.646    |
| Xí nghiệp Dịch vụ Vận tải và Thương mại Đường sắt Phía Nam | 606.070.000        | 606.070.000       |
| Công ty TNHH Thương mại Tân Hiệp                           | 380.597.830        | 228.522.910       |
| Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Vận tải                    | -                  | -                 |



**CÔNG TY CỔ PHẦN SÀI GÒN HÒA XA**

Địa chỉ: 275C Phạm Ngũ Lão, phường Phạm Ngũ Lão, quận 1, TP. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)**

|                                       | <u>Số cuối năm</u>          | <u>Số đầu năm</u>            |
|---------------------------------------|-----------------------------|------------------------------|
| Minh Thành Phát                       |                             | 1.044.490.965                |
| Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ H.P.C | 493.735.000                 | 377.080.000                  |
| Các nhà cung cấp khác                 | 621.296.991                 | 1.105.837.461                |
| <b>Cộng</b>                           | <b><u>2.101.699.821</u></b> | <b><u>51.620.189.982</u></b> |

**12b. Phải trả người bán dài hạn**

|  | <u>Số cuối năm</u>       | <u>Số đầu năm</u>         |
|--|--------------------------|---------------------------|
| Công ty TNHH Kỹ thuật Công nghệ Việt Tín Thành | 82.610.000               | 82.610.000                |
| Công ty TNHH Xây dựng và Thương mại T.C.D      | -                        | 97.000.000                |
| <b>Cộng</b>                                    | <b><u>82.610.000</u></b> | <b><u>179.610.000</u></b> |

**12c. Nợ quá hạn chưa thanh toán**

|   | <u>Số cuối năm</u>          | <u>Số đầu năm</u>           |
|---|-----------------------------|-----------------------------|
| Công ty Cổ phần Hàng hải và Đầu tư Công nghiệp Vinashin       | 25.000.000                  | 25.000.000                  |
| Công ty Cổ phần Đầu tư - Thương mại - Dạy nghề Trung Nam Việt | 12.024.285                  | 12.024.285                  |
| Công ty Cổ phần Thương mại và Hàng hải Hà Nội                 | 200.500.000                 | 200.500.000                 |
| Công ty TNHH Vận tải biển Vinafeo                             | 50.400.000                  | 50.400.000                  |
| Công ty TNHH Thương mại Cơ khí Tân Thanh                      | 27.341.500                  | 27.341.500                  |
| Công ty TNHH Nội thất Tây Cửu Long                            | 45.125.200                  | 45.125.200                  |
| Xí nghiệp Dịch vụ Vận tải và Thương mại Đường sắt phía Nam    | 606.070.000                 | 606.070.000                 |
| Công ty Cổ phần Vận tải Quốc tế Vĩnh Lộc Phát                 | 77.327.360                  | 77.327.360                  |
| Khách vãng lai  | 1.031.069                   | 1.031.069                   |
| <b>Cộng</b>   | <b><u>1.044.819.414</u></b> | <b><u>1.044.819.414</u></b> |

Các khoản nợ này liên quan đến vụ kiện tranh chấp nghĩa vụ thực hiện hợp đồng lao động của ông Lê Hạnh, Giám đốc trước đây của Xí nghiệp Dịch vụ Vận tải Hòa xa Sài Gòn.

**13. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

|                            | <u>Số đầu năm</u>           |                          | <u>Số phát sinh trong năm</u> |                                | <u>Số cuối năm</u>          |                          |
|----------------------------|-----------------------------|--------------------------|-------------------------------|--------------------------------|-----------------------------|--------------------------|
|                            | <u>Phải nộp</u>             | <u>Phải thu</u>          | <u>Số phải nộp</u>            | <u>Số đã thực nộp</u>          | <u>Phải nộp</u>             | <u>Phải thu</u>          |
| Thuế GTGT hàng bán nội địa | 407.741.550                 | -                        | 11.289.259.746                | (9.541.574.246)                | 2.155.427.050               | -                        |
| Thuế tiêu thụ đặc biệt     | 189.233.842                 | -                        | 2.000.771.615                 | (2.024.126.081)                | 165.879.376                 | -                        |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp | 473.609.013                 | 3.180.088                | 1.386.976.466                 | (1.351.209.559)                | 509.375.920                 | 3.180.088                |
| Thuế thu nhập cá nhân      | 174.327.659                 | -                        | 455.372.738                   | (479.738.863)                  | 149.961.534                 | -                        |
| Thuế nhà đất               | -                           | -                        | 31.936.779                    | (68.976.959)                   | -                           | 37.040.180               |
| Tiền thuế đất              | -                           | 16.319.532               | 3.818.025.315                 | (3.443.879.528)                | 357.826.255                 | -                        |
| Các loại thuế khác         | -                           | -                        | 15.000.000                    | (15.000.000)                   | -                           | -                        |
| <b>Cộng</b>                | <b><u>1.244.912.064</u></b> | <b><u>19.499.620</u></b> | <b><u>18.997.342.659</u></b>  | <b><u>(16.924.505.236)</u></b> | <b><u>3.338.470.135</u></b> | <b><u>40.220.268</u></b> |

**Thuế giá trị gia tăng**

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ với thuế suất 10%.



## CÔNG TY CỔ PHẦN SÀI GÒN HÒA XÁ

Địa chỉ: 275C Phạm Ngũ Lão, phường Phạm Ngũ Lão, quận 1, TP. Hồ Chí Minh

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

#### **Thuế tiêu thụ đặc biệt**

Công ty phải nộp thuế tiêu thụ đặc biệt cho hoạt động kinh doanh mát xa với thuế suất 30%.

#### **Thuế thu nhập doanh nghiệp**

Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 20%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm được dự tính như sau:

|  | <u>Năm nay</u>       | <u>Năm trước</u>     |
|--|----------------------|----------------------|
| Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế  | 4,654,580.606        | 3.561.224.709        |
| Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp: |                      |                      |
| - Các khoản điều chỉnh tăng  | 2.167.396.743        | 2.404.525.131        |
| - Các khoản điều chỉnh giảm  | (97.751)             | (923.726)            |
| Thu nhập tính thuế   | 6.821.879.598        | 5.964.826.114        |
| Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp   | 20%                  | 20%                  |
| <b>Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp</b>   | <b>1.364.375.920</b> | <b>1.192.965.223</b> |
| <b>Điều chỉnh thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của các năm trước</b>                                  | <b>22.600.546</b>    | <b>29.622.272</b>    |
| <b>Thuế thu nhập doanh nghiệp còn phải nộp</b>   | <b>1.386.976.466</b> | <b>1.222.587.495</b> |

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của Công ty được căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Do vậy số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính tổng hợp có thể sẽ thay đổi khi cơ quan thuế kiểm tra.

#### **Tiền thuê đất**

Công ty phải nộp tiền thuê đất cho các khu đất đang sử dụng với mức tiền thuê như sau:

| <u>Vị trí đất</u>  | <u>VND/m<sup>2</sup></u> |
|--|--------------------------|
| - 69 Huỳnh Thúc Kháng, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh                 | 2.240.000                |
| - 10 D Kỳ Đồng, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh                        | 1.408.000                |
| - 01 Nguyễn Thông, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh                     | 1.126.400                |
| - 310/4B Quốc lộ 13, quận Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh             | 86.400                   |
| - 146/33 Kha Vạn Cân, quận Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh            | 59.996                   |
| - 51 đường 20, quận Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh                   | 36.720                   |
| - Quốc lộ 1A, phường Bình Chiểu, quận Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh | 96.600                   |
| - Khách sạn Cà Ná - Thuận Nam, Ninh Thuận                      | 8.250                    |
| - Nhà hàng Cà Ná quán - Thuận Nam, Ninh Thuận                  | 8.250                    |
| - 01 Quang Trung, TP. Đà Lạt                                   | 61.716                   |
| - 17 Thái Nguyên, TP. Nha Trang                                | 112.500                  |
| - 132 Lê Duẩn, quận Hai Bà Trưng, TP. Hà Nội                   | 618.764                  |
| - 132 Lê Duẩn, quận Hai Bà Trưng, TP. Hà Nội                   | 190.791                  |
| - 275C Phạm Ngũ Lão, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh                   | 2.252.800                |

#### **Thuế nhà đất**

Thuế nhà đất được nộp theo thông báo của cơ quan thuế.

#### **Các loại thuế khác**

Công ty kê khai và nộp theo quy định.

**CÔNG TY CỔ PHẦN SÀI GÒN HÒA XÁ**

Địa chỉ: 275C Phạm Ngũ Lão, phường Phạm Ngũ Lão, quận 1, TP. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)****14. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn**

Khoản tiền thuê tài sản nhận trước của Công ty Cổ phần Văn hóa Phương Nam.

**15. Phải trả ngắn hạn/dài hạn khác****15a. Phải trả ngắn hạn khác**

|                                  | <u>Số cuối năm</u>        | <u>Số đầu năm</u>         |
|----------------------------------|---------------------------|---------------------------|
| Tiền tạm mượn các cá nhân        | 520.000.000               | 842.000.000               |
| Chi phí lãi vay                  | 30.493.000                | 40.782.600                |
| Các khoản phải trả ngắn hạn khác | 15.975.240                | 15.931.708                |
| <b>Cộng</b>                      | <b><u>566.468.240</u></b> | <b><u>898.714.308</u></b> |

**15b. Phải trả dài hạn khác**

|                                 | <u>Số cuối năm</u>        | <u>Số đầu năm</u>           |
|---------------------------------|---------------------------|-----------------------------|
| Nhận ký quỹ, ký cược            | 830.007.360               | 828.707.360                 |
| Các khoản phải trả dài hạn khác | 50.000.000                | 1.107.643.928               |
| <b>Cộng</b>                     | <b><u>880.007.360</u></b> | <b><u>1.936.351.288</u></b> |

**15c. Nợ quá hạn chưa thanh toán**

Công ty không có nợ phải trả khác quá hạn chưa thanh toán.

**16. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn/dài hạn****16a. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn**

|  | <u>Số cuối năm</u>            | <u>Số đầu năm</u>             |
|--|-------------------------------|-------------------------------|
| <b>Vay ngắn hạn phải trả các bên liên quan</b>   | <b><u>2.600.000.000</u></b>   | <b><u>2.600.000.000</u></b>   |
| Vay các thành viên Hội đồng quản trị và các cá nhân liên quan khác                                   | 2.600.000.000                 | 2.600.000.000                 |
| <b>Vay ngắn hạn phải trả các tổ chức và cá nhân khác</b>   | <b><u>102.654.100.000</u></b> | <b><u>105.362.000.000</u></b> |
| Vay Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh TP.Hồ Chí Minh <sup>(i)</sup> | 80.116.000.000                | 59.334.000.000                |
| Vay cá nhân khác   | 22.538.100.000                | 46.028.000.000                |
| <b>Cộng</b>  | <b><u>105.254.100.000</u></b> | <b><u>107.962.000.000</u></b> |

Công ty có khả năng trả được các khoản vay ngắn hạn.

- (i) Khoản vay Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh TP.Hồ Chí Minh để bổ sung vốn lưu động với lãi suất theo từng lần nhận nợ, thời hạn vay 03 tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp tài sản của Công ty (xem thuyết minh số V.8 và V.9) và tài sản cá nhân của Ông Trần Văn Đường là nhà ở tại số 996 Nguyễn Duy, Phường 12, Quận 8, TP. Hồ Chí Minh.

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay ngắn hạn trong năm như sau:

|                        | <u>Số đầu năm</u>             | <u>Số tiền vay phát sinh trong năm</u> | <u>Số tiền vay đã trả trong năm</u> | <u>Số cuối năm</u>            |
|------------------------|-------------------------------|--|-------------------------------------|-------------------------------|
| Vay ngắn hạn ngân hàng | 59.334.000.000                | 868.766.000.000                        | (847.984.000.000)                   | 80.116.000.000                |
| Vay ngắn hạn cá nhân   | 48.628.000.000                | 39.179.000.000                         | (62.668.900.000)                    | 25.138.100.000                |
| <b>Cộng</b>            | <b><u>107.962.000.000</u></b> | <b><u>907.945.000.000</u></b>          | <b><u>(910.652.900.000)</u></b>     | <b><u>105.254.100.000</u></b> |

**CÔNG TY CỔ PHẦN SÀI GÒN HÒA XÁ**

Địa chỉ: 275C Phạm Ngũ Lão, phường Phạm Ngũ Lão, quận 1, TP. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)****16b. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn**

|  | <u>Số cuối năm</u>           | <u>Số đầu năm</u>            |
|--|------------------------------|------------------------------|
| Vay các thành viên Hội đồng quản trị và các cá nhân liên quan khác | 9.230.000.000                | 26.990.000.000               |
| Vay các cá nhân và tổ chức khác                                    | 3.207.200.000                | 4.989.160.000                |
| <b>Cộng</b>  | <b><u>12.437.200.000</u></b> | <b><u>31.979.160.000</u></b> |

Công ty có khả năng trả được các khoản vay dài hạn.

Vay không có tài sản đảm bảo các cá nhân để bổ sung vốn lưu động với lãi suất 0,71%/tháng, thời hạn vay 60 tháng. Các khoản nợ vay này được gia hạn khi đáo hạn trừ có những thỏa thuận khác phát sinh.

Chi tiết phát sinh của khoản vay dài hạn như sau:

|                               |                              |
|-------------------------------|------------------------------|
| Số đầu năm                    | 31.979.160.000               |
| Số tiền vay đã trả            | (19.520.000.000)             |
| Cần trừ tiền cho thuê tài sản | (21.960.000)                 |
| <b>Số cuối năm</b>            | <b><u>12.437.200.000</u></b> |

**16c. Vay và nợ thuê tài chính quá hạn chưa thanh toán**

Công ty không có các khoản vay quá hạn chưa thanh toán.

**17. Quỹ khen thưởng, phúc lợi**

|                                   | <u>Số đầu năm</u>         | <u>Trích quỹ trong năm</u> | <u>Chi quỹ trong năm</u>   | <u>Số cuối năm</u>        |
|-----------------------------------|---------------------------|----------------------------|----------------------------|---------------------------|
| Quỹ khen thưởng                   | 82.235.183                | 163.639.944                | (33.939.903)               | 211.935.224               |
| Quỹ phúc lợi                      | 124.126.082               | 163.639.944                | (48.759.726)               | 239.006.300               |
| Quỹ thưởng Ban quản lý, điều hành | 825.000                   | -                          | -                          | 825.000                   |
| <b>Cộng</b>                       | <b><u>207.186.265</u></b> | <b><u>327.279.888</u></b>  | <b><u>(82.699.629)</u></b> | <b><u>451.766.524</u></b> |

**18. Vốn chủ sở hữu****18a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

|   | <u>Vốn đầu tư của chủ sở hữu</u> | <u>Quỹ đầu tư phát triển</u> | <u>Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối</u> | <u>Cộng</u>                  |
|---|----------------------------------|------------------------------|--|------------------------------|
| Số dư đầu năm trước   | 17.200.000.000                   | 12.603.865.779               | (6.489.094.147)                          | 23.314.771.632               |
| Lợi nhuận trong năm trước   | -                                | -                            | 2.338.637.214                            | 2.338.637.214                |
| Chuyển Quỹ đầu tư phát triển về lợi nhuận sau thuế chưa phân phối | -                                | (6.514.790.780)              | 6.514.790.780                            | -                            |
| <b>Số dư cuối năm trước</b>                                       | <b><u>17.200.000.000</u></b>     | <b><u>6.089.074.999</u></b>  | <b><u>2.364.333.847</u></b>              | <b><u>25.653.408.846</u></b> |
| Số dư đầu năm nay   | 17.200.000.000                   | 6.089.074.999*               | 2.364.333.847                            | 25.653.408.846               |
| Lợi nhuận trong năm nay   | -                                | -                            | 3.267.604.140                            | 3.267.604.140                |
| Trích lập các quỹ trong năm                                       | -                                | 2.010.433.600                | (2.337.713.488)                          | (327.279.888)                |
| <b>Số dư cuối năm nay</b>   | <b><u>17.200.000.000</u></b>     | <b><u>8.099.508.599</u></b>  | <b><u>3.294.224.499</u></b>              | <b><u>28.593.733.098</u></b> |

087  
3 T  
4 H  
VÀ  
2 1  
P.V

**CÔNG TY CỔ PHẦN SÀI GÒN HÒA XÁ**

Địa chỉ: 275C Phạm Ngũ Lão, phường Phạm Ngũ Lão, quận 1, TP. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)****18b. Cổ phiếu**

|                                     | <u>Số cuối năm</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|-------------------------------------|--------------------|-------------------|
| Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành | 1.720.000          | 1.720.000         |
| Số lượng cổ phiếu đã phát hành      | 1.720.000          | 1.720.000         |
| - Cổ phiếu phổ thông                | 1.720.000          | 1.720.000         |
| - Cổ phiếu ưu đãi                   | -                  | -                 |
| Số lượng cổ phiếu được mua lại      | -                  | -                 |
| - Cổ phiếu phổ thông                | -                  | -                 |
| - Cổ phiếu ưu đãi                   | -                  | -                 |
| Số lượng cổ phiếu đang lưu hành     | 1.720.000          | 1.720.000         |
| - Cổ phiếu phổ thông                | 1.720.000          | 1.720.000         |
| - Cổ phiếu ưu đãi                   | -                  | -                 |

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

**18c. Phân phối lợi nhuận**

Trong năm Công ty đã phân phối lợi nhuận theo Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên năm 2017 ngày 29 tháng 03 năm 2017 như sau:

|                                   | VND             |
|-----------------------------------|-----------------|
| • Trích Quỹ đầu tư phát triển     | : 2.010.433.600 |
| • Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi | : 327.279.888   |

**19. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán****19a. Tài sản thuê ngoài**

Tổng số tiền thuê tối thiểu trong tương lai của các hợp đồng thuê hoạt động tài sản không thể hủy ngang theo các thời hạn như sau:

|                        | <u>Số cuối năm</u>     | <u>Số đầu năm</u>     |
|------------------------|------------------------|-----------------------|
| Từ 01 năm trở xuống    | 3.358.007.038          | 2.740.632.298         |
| Trên 01 năm đến 05 năm | 13.088.685.096         | 10.962.529.112        |
| Trên 05 năm            | 90.006.016.910         | 71.110.146.852        |
| <b>Cộng</b>            | <b>106.452.709.044</b> | <b>84.813.308.262</b> |

Các khoản thanh toán tiền thuê hoạt động ở trên là tiền thuê đất của các hợp đồng thuê đất nêu trên được tính theo đơn giá thuê đang áp dụng cho năm 2017 và có thể thay đổi hoặc điều chỉnh trong tương lai theo chính sách của Nhà nước.

**19b. Ngoại tệ các loại**

Tại ngày kết thúc năm tài chính, tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm 447,40 USD (số đầu năm là 3.818,63 USD).

**CÔNG TY CỔ PHẦN SÀI GÒN HÒA XA**

Địa chỉ: 275C Phạm Ngũ Lão, phường Phạm Ngũ Lão, quận 1, TP. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)****VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP****1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ****1a. Tổng doanh thu**

|   | <u>Năm nay</u>                | <u>Năm trước</u>              |
|---|-------------------------------|-------------------------------|
| Doanh thu bán hàng hóa                                  | 938.221.434.611               | 797.247.709.975               |
| Doanh thu cung cấp dịch vụ                              | 52.457.927.136                | 61.683.283.178                |
| Doanh thu kinh doanh bất động sản đầu tư <sup>(i)</sup> | 2.660.141.364                 | 2.286.630.000                 |
| <b>Cộng</b>   | <b><u>993.339.503.111</u></b> | <b><u>861.217.623.153</u></b> |

<sup>(i)</sup> Thu nhập và chi phí liên quan đến bất động sản đầu tư cho thuê như sau:

|   | <u>Năm nay</u>              | <u>Năm trước</u>            |
|---|-----------------------------|-----------------------------|
| Thu nhập từ việc cho thuê bất động sản đầu tư                         | 2.660.141.364               | 2.286.630.000               |
| Chi phí trực tiếp liên quan đến việc tạo ra thu nhập từ việc cho thuê | 302.952.891                 | 327.380.400                 |
| <b>Thu nhập kinh doanh bất động sản đầu tư</b>                        | <b><u>2.357.188.473</u></b> | <b><u>1.959.249.600</u></b> |

**1b. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan**

Công ty không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan.

**2. Giá vốn hàng bán**

|  | <u>Năm nay</u>                | <u>Năm trước</u>              |
|--|-------------------------------|-------------------------------|
| Giá vốn của hàng hóa đã bán            | 909.468.842.438               | 769.854.534.646               |
| Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp        | 47.831.003.197                | 57.451.215.503                |
| Chi phí kinh doanh bất động sản đầu tư | 302.952.891                   | 327.380.400                   |
| <b>Cộng</b>                            | <b><u>957.602.798.526</u></b> | <b><u>827.633.130.549</u></b> |

**3. Doanh thu hoạt động tài chính**

|   | <u>Năm nay</u>           | <u>Năm trước</u>         |
|---|--------------------------|--------------------------|
| Lãi tiền gửi ngân hàng  | 42.294.647               | 22.713.084               |
| Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ | 97.751                   | 923.726                  |
| <b>Cộng</b>   | <b><u>42.392.398</u></b> | <b><u>23.636.810</u></b> |

**4. Chi phí tài chính**

|                                | <u>Năm nay</u>              | <u>Năm trước</u>             |
|--------------------------------|-----------------------------|------------------------------|
| Chi phí lãi vay                | 9.987.473.899               | 10.686.449.672               |
| Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh | 155.101                     | 3.956.480                    |
| <b>Cộng</b>                    | <b><u>9.987.629.000</u></b> | <b><u>10.690.406.152</u></b> |

**5. Chi phí bán hàng**

|                                  | <u>Năm nay</u>               | <u>Năm trước</u>             |
|----------------------------------|------------------------------|------------------------------|
| Chi phí cho nhân viên            | 6.595.465.854                | 6.850.957.078                |
| Chi phí vật liệu, bao bì         | 150.327.765                  | 150.478.091                  |
| Chi phí dụng cụ, đồ dùng         | 717.265.533                  | 568.752.343                  |
| Chi phí khấu hao tài sản cố định | 963.153.927                  | 637.824.000                  |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài        | 2.815.562.792                | 2.515.503.280                |
| Các chi phí khác                 | 1.150.052.590                | 1.131.924.348                |
| <b>Cộng</b>                      | <b><u>12.391.828.461</u></b> | <b><u>11.855.439.140</u></b> |



**CÔNG TY CỔ PHẦN SÀI GÒN HÒA XÁ**

Địa chỉ: 275C Phạm Ngũ Lão, phường Phạm Ngũ Lão, quận 1, TP. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)****6. Chi phí quản lý doanh nghiệp**

|  | <u>Năm nay</u>               | <u>Năm trước</u>             |
|--|------------------------------|------------------------------|
| Chi phí cho nhân viên                  | 5.093.120.211                | 4.234.328.723                |
| Chi phí vật liệu quản lý               | 107.209.976                  | 111.439.647                  |
| Chi phí đồ dùng văn phòng              | 175.171.354                  | 68.019.872                   |
| Chi phí khấu hao tài sản cố định       | 55.496.000                   | 55.941.000                   |
| Thuế, phí và lệ phí                    | 3.853.297.406                | 3.104.575.426                |
| Dự phòng/ (Hoàn nhập) phải thu khó đòi | (220.045.596)                | (338.108.000)                |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài              | 636.040.847                  | 676.694.254                  |
| Các chi phí khác                       | 2.080.131.156                | 2.681.316.576                |
| <b>Cộng</b>                            | <b><u>11.780.421.354</u></b> | <b><u>10.594.207.498</u></b> |

**7. Thu nhập khác**

|  | <u>Năm nay</u>              | <u>Năm trước</u>            |
|--|-----------------------------|-----------------------------|
| Lãi thanh lý, nhượng bán tài sản cố định | 56.000.000                  | -                           |
| Thu nhập từ tiền hỗ trợ                  | 472.000.000                 | 714.892.890                 |
| Thu nhập khác                            | 3.197.372.686               | 2.460.021.777               |
| <b>Cộng</b>                              | <b><u>3.725.372.686</u></b> | <b><u>3.174.914.667</u></b> |

**8. Chi phí khác**

|                                 | <u>Năm nay</u>            | <u>Năm trước</u>         |
|---------------------------------|---------------------------|--------------------------|
| Thuế bị phạt, bị truy thu       | 25.464.481                | 71.291.182               |
| Chi phí phạt vi phạm hành chính | 34.300.000                | 10.475.400               |
| Chi phí khác                    | 630.245.767               | -                        |
| <b>Cộng</b>                     | <b><u>690.010.248</u></b> | <b><u>81.766.582</u></b> |

**9. Lãi trên cổ phiếu****9a. Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu**

|   | <u>Năm nay</u>      | <u>Năm trước</u>    |
|---|---------------------|---------------------|
| Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp  | 3.267.604.140       | 2.338.637.214       |
| Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi   | -                   | (327.279.888)       |
| Trích thưởng Hội đồng quản trị, Ban điều hành và Ban kiểm soát  | -                   | -                   |
| Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông | -                   | -                   |
| Lợi nhuận tính lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu  | 3.267.604.140       | 2.011.357.326       |
| Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm   | 1.720.000           | 1.720.000           |
| <b>Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu</b>  | <b><u>1.900</u></b> | <b><u>1.169</u></b> |

**9b. Thông tin khác**

Lãi cơ bản trên cổ phiếu năm trước được tính toán lại do trừ số trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi khi xác định lợi nhuận tính lãi cơ bản trên cổ phiếu theo hướng dẫn của Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính. Việc áp dụng quy định mới này làm cho lãi cơ bản trên cổ phiếu năm trước giảm từ 1.360 VND xuống còn 1.169 VND.

Không có các giao dịch cổ phiếu phổ thông hoặc giao dịch cổ phiếu phổ thông tiềm năng nào xảy ra từ ngày kết thúc năm tài chính đến ngày công bố Báo cáo tài chính tổng hợp này.

## CÔNG TY CỔ PHẦN SÀI GÒN HÒA XA

Địa chỉ: 275C Phạm Ngũ Lão, phường Phạm Ngũ Lão, quận 1, TP. Hồ Chí Minh

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)**

#### 10. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

|                                  | <u>Năm nay</u>        | <u>Năm trước</u>      |
|----------------------------------|-----------------------|-----------------------|
| Chi phí nguyên liệu, vật liệu    | 7.798.500.204         | 6.438.631.900         |
| Chi phí nhân công                | 21.469.226.355        | 21.516.004.721        |
| Chi phí khấu hao tài sản cố định | 2.378.497.492         | 2.259.756.842         |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài        | 38.003.860.118        | 46.300.527.058        |
| Chi phí khác                     | 7.541.316.742         | 7.250.565.932         |
| <b>Cộng</b>                      | <b>77.191.400.911</b> | <b>83.765.486.453</b> |

#### VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỔNG HỢP

Trong năm Công ty phát sinh các giao dịch liên quan đến tài sản cố định như sau:

|   | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
|---|----------------|------------------|
| Mua tài sản cố định bằng cách nhận các khoản nợ | 132.989.750    | 670.050.000      |
| Trả trước tiền mua sắm tài sản cố định          | 150.252.980    | 873.200.000      |

#### VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

##### 1. Tài sản cho thuê hoạt động

Tại ngày kết thúc năm tài chính, các khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu trong tương lai thu được từ các hợp đồng thuê hoạt động không thể hủy ngang như sau:

|                        | <u>Số cuối năm</u>    | <u>Số đầu năm</u>     |
|------------------------|-----------------------|-----------------------|
| Từ 01 năm trở xuống    | 3.332.167.500         | 2.389.105.000         |
| Trên 01 năm đến 05 năm | 11.770.044.556        | 9.594.578.688         |
| Trên 05 năm            | 5.027.004.838         | 7.424.638.207         |
| <b>Cộng</b>            | <b>20.129.216.895</b> | <b>19.408.321.895</b> |

##### 2. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và các thành viên Ban điều hành (Tổng Giám đốc, Giám đốc khối, Kế toán trưởng). Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

*Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt*

Công ty không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và chỉ phát sinh các giao dịch sau với các thành viên Hội đồng quản trị, các thành viên Ban điều hành và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt:

|   | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
|---|----------------|------------------|
| <b>Các thành viên Hội đồng quản trị</b> |                |                  |
| Lãi vay                                 | 812.859.500    | 1.311.448.000    |
| <b>Các cá nhân có liên quan khác</b>    |                |                  |
| Lãi vay                                 | 851.586.400    | 1.726.453.300    |

98:  
3 T  
M H  
V A'  
E I  
PH



## CÔNG TY CỔ PHẦN SÀI GÒN HÒA XA

Địa chỉ: 275C Phạm Ngũ Lão, phường Phạm Ngũ Lão, quận 1, TP. Hồ Chí Minh

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)**

#### *Cam kết bảo lãnh*

Ông Trần Văn Đường dùng nhà và quyền sử dụng đất thuộc sở hữu của mình để bảo đảm cho khoản vay của Công ty tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh (xem thuyết minh số V.16).

#### *Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt*

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt được trình bày tại thuyết minh số V.16.

#### *Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt*

|   | <u>Năm nay</u>              | <u>Năm trước</u>            |
|---|-----------------------------|-----------------------------|
| <b>Thành viên Hội đồng quản trị</b>       | <b>204.000.000</b>          | <b>195.000.000</b>          |
| Thù lao                                   | 204.000.000                 | 195.000.000                 |
| <b>Ban kiểm soát</b>                      | <b>184.500.000</b>          | <b>166.000.000</b>          |
| Lương chuyên trách                        | 136.500.000                 | 108.000.000                 |
| Thù lao                                   | 48.000.000                  | 52.500.000                  |
| Tiền thưởng                               | -                           | 5.500.000                   |
| <b>Tổng giám đốc</b>                      | <b>396.768.492</b>          | <b>351.670.838</b>          |
| Tiền lương                                | 396.768.492                 | 347.670.838                 |
| Tiền thưởng                               | -                           | 4.000.000                   |
| <b>Giám đốc khối (Trì Kế toán trưởng)</b> | <b>483.609.802</b>          | <b>548.676.986</b>          |
| Tiền lương                                | 483.609.802                 | 540.676.986                 |
| Tiền thưởng                               | -                           | 8.000.000                   |
| <b>Kế toán trưởng</b>                     | <b>298.812.864</b>          | <b>279.252.981</b>          |
| Tiền lương                                | 298.812.864                 | 275.252.981                 |
| Tiền thưởng                               | -                           | 4.000.000                   |
| <b>Cộng</b>                               | <b><u>1.567.691.158</u></b> | <b><u>1.540.600.805</u></b> |

### 3. Thông tin về bộ phận

Báo cáo bộ phận chính yếu là theo lĩnh vực kinh doanh dựa trên cơ cấu tổ chức và quản lý nội bộ và hệ thống Báo cáo tài chính nội bộ của Công ty do các hoạt động kinh doanh của Công ty được tổ chức và quản lý theo tính chất của sản phẩm và dịch vụ cung cấp với mỗi bộ phận là một đơn vị kinh doanh cung cấp các sản phẩm và dịch vụ khác nhau.

#### 3a. Thông tin về lĩnh vực kinh doanh

Công ty có các lĩnh vực kinh doanh chính sau:

- Lĩnh vực thương mại: kinh doanh thuốc lá.
- Các lĩnh vực khác: khách sạn, nhà hàng, dịch vụ vận tải và du lịch.

Thông tin về bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty được trình bày ở Phụ lục 01 đính kèm.

#### 3b. Thông tin về khu vực địa lý

Toàn bộ hoạt động của Công ty chỉ diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam.

## CÔNG TY CỔ PHẦN SÀI GÒN HÒA XÁ

Địa chỉ: 275C Phạm Ngũ Lão, phường Phạm Ngũ Lão, quận 1, TP. Hồ Chí Minh

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)**

---

#### 4. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trên Báo cáo tài chính tổng hợp.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 3 năm 2018

Lương Ngọc Liên  
Người lập biểu

Nguyễn Minh Đức  
Kế toán trưởng



Trần Văn Đường  
Tổng Giám đốc



**CÔNG TY CỔ PHẦN SÀI GÒN HÓA XA**

Địa chỉ: 275C Phạm Ngũ Lão, phường Phạm Ngũ Lão, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh  
 BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

**Phụ lục 01: Thông tin về bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh**

Đơn vị tính: VND

Thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:

| Năm nay   | Lĩnh vực Thương mại    | Các lĩnh vực khác     | Các khoản loại trừ      | Cộng                   |
|---|------------------------|-----------------------|-------------------------|------------------------|
| Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài  | 922.970.444.545        | 70.369.058.566        | -                       | 993.339.503.111        |
| Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận  | -                      | 15.034.131.539        | (15.034.131.539)        | -                      |
| <b>Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>   | <b>922.970.444.545</b> | <b>85.403.190.105</b> | <b>(15.034.131.539)</b> | <b>993.339.503.111</b> |
| Kết quả kinh doanh theo bộ phận   | 10.223.530.404         | 1.340.924.366         | -                       | 11.564.454.770         |
| Các chi phí không phân bổ theo bộ phận  | -                      | -                     | -                       | -                      |
| Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh   | -                      | -                     | -                       | 11.564.454.770         |
| Doanh thu hoạt động tài chính   | -                      | -                     | -                       | 42.392.398             |
| Chi phí tài chính   | -                      | -                     | -                       | (9.987.629.000)        |
| Thu nhập khác   | -                      | -                     | -                       | 3.725.372.686          |
| Chi phí khác  | -                      | -                     | -                       | (690.010.248)          |
| Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành  | -                      | -                     | -                       | (1.386.976.466)        |
| Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại   | -                      | -                     | -                       | -                      |
| <b>Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp</b>   | <b>-</b>               | <b>-</b>              | <b>-</b>                | <b>3.267.604.140</b>   |
| <b>Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác</b>                                   | <b>-</b>               | <b>1.711.592.748</b>  | <b>-</b>                | <b>1.711.592.748</b>   |
| <b>Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn</b>   | <b>67.227.273</b>      | <b>3.432.860.595</b>  | <b>-</b>                | <b>3.500.087.868</b>   |
| <b>Tổng giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền (trừ chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn)</b> | <b>-</b>               | <b>-</b>              | <b>-</b>                | <b>-</b>               |



**CÔNG TY CỔ PHẦN SÀI GÒN HÒA XÁ**

Địa chỉ: 275C Phạm Ngũ Lão, phường Phạm Ngũ Lão, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh  
**BẢO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

**Phụ lục 01: Thông tin về bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh (tiếp theo)**

|   | Lĩnh vực Thương mại    | Các lĩnh vực khác     | Các khoản loại trừ      | Cộng                   |
|---|------------------------|-----------------------|-------------------------|------------------------|
| <b>Năm trước</b>  |                        |                       |                         |                        |
| Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài  | 784.662.266.775        | 76.555.356.378        | -                       | 861.217.623.153        |
| Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận  | -                      | 14.036.574.158        | (14.036.574.158)        | -                      |
| <b>Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>   | <b>784.662.266.775</b> | <b>90.591.930.536</b> | <b>(14.036.574.158)</b> | <b>861.217.623.153</b> |
| Kết quả kinh doanh theo bộ phận   | 10.127.671.500         | 1.007.174.466         | -                       | 11.134.845.966         |
| Các chi phí không phân bổ theo bộ phận  | -                      | -                     | -                       | -                      |
| Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh   | -                      | -                     | -                       | 11.134.845.966         |
| Doanh thu hoạt động tài chính   | -                      | -                     | -                       | 23.636.810             |
| Chi phí tài chính   | -                      | -                     | -                       | (10.690.406.152)       |
| Thu nhập khác   | -                      | -                     | -                       | 3.174.914.667          |
| Chi phí khác  | -                      | -                     | -                       | (81.766.582)           |
| Cãi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành  | -                      | -                     | -                       | (1.222.587.495)        |
| Cãi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại   | -                      | -                     | -                       | -                      |
| <b>Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp</b>   | <b>22.727.273</b>      | <b>4.742.198.305</b>  | <b>-</b>                | <b>4.764.925.578</b>   |
| <b>Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác</b>                                   | <b>79.863.637</b>      | <b>3.255.887.272</b>  | <b>-</b>                | <b>3.335.750.909</b>   |
| <b>Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn</b>   | <b>-</b>               | <b>-</b>              | <b>-</b>                | <b>-</b>               |
| <b>Tổng giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền (trừ chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn)</b> | <b>-</b>               | <b>-</b>              | <b>-</b>                | <b>-</b>               |

CÔNG TY CỔ PHẦN SÀI GÒN HÒA XÁ

**CÔNG TY CỔ PHẦN SÀI GÒN HÒA XÁ**

Địa chỉ: 275C Phạm Ngũ Lão, phường Phạm Ngũ Lão, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh  
**BẢO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

**Phụ lục 01: Thông tin về bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh (tiếp theo)**

Tài sản và nợ phải trả của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:

|  | Lĩnh vực Thương mại | Các lĩnh vực khác | Các khoản loại trừ | Cộng                   |
|--|---------------------|-------------------|--------------------|------------------------|
| <b>Số cuối năm</b>                     |                     |                   |                    |                        |
| Tài sản trực tiếp của bộ phận          | 110.016.731.012     | 43.009.768.360    | -                  | 153.026.499.372        |
| Tài sản phân bổ cho bộ phận            | -                   | -                 | -                  | 1.903.673.555          |
| Các tài sản không phân bổ theo bộ phận | -                   | -                 | -                  | <u>154.930.172.927</u> |
| <b>Tổng tài sản</b>                    | 8.903.561.227       | 116.981.112.078   | -                  | 125.884.673.305        |
| Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận      | -                   | -                 | -                  | 451.766.524            |
| Nợ phải trả phân bổ cho bộ phận        | -                   | -                 | -                  | <u>126.336.439.829</u> |
| Các tài sản không phân bổ theo bộ phận | -                   | -                 | -                  |                        |
| <b>Tổng nợ phải trả</b>                | 161.514.615.241     | 59.831.469.227    | -                  | 221.346.084.468        |
| <b>Số đầu năm</b>                      |                     |                   |                    |                        |
| Tài sản trực tiếp của bộ phận          | -                   | -                 | -                  | -                      |
| Tài sản phân bổ cho bộ phận            | -                   | -                 | -                  | 1.903.673.555          |
| Các tài sản không phân bổ theo bộ phận | -                   | -                 | -                  | <u>223.249.758.023</u> |
| <b>Tổng tài sản</b>                    | 101.419.392.210     | 95.969.770.702    | -                  | 197.389.162.912        |
| Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận      | -                   | -                 | -                  | -                      |
| Nợ phải trả phân bổ cho bộ phận        | -                   | -                 | -                  | 207.186.265            |
| Các tài sản không phân bổ theo bộ phận | -                   | -                 | -                  | <u>197.596.349.177</u> |
| <b>Tổng nợ phải trả</b>                | -                   | -                 | -                  |                        |

  
  
 Nguyễn Minh Đức  
 Kế toán trưởng

  
 CHI MINH

  
 Lương Ngọc Liên  
 Người lập